



MAI SỸ TUẤN (Tổng Chủ biên) – BÙI PHƯƠNG NGÀ (Chủ biên)
PHÙNG THANH HUYỀN – NGUYỄN TUYẾT NGÀ – LƯƠNG VIỆT THÁI

Tự nhiên và Xã hội

2

SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

MAI SỸ TUẤN (Tổng Chủ biên) – BÙI PHƯƠNG NGÀ (Chủ biên)
PHÙNG THANH HUYỀN – NGUYỄN TUYẾT NGÀ – LƯƠNG VIỆT THÁI

Tự nhiên và Xã hội



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Blogtailieu.com

Chia sẻ tài liệu, sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, giáo trình, tài liệu hay, kiến thức trọng tâm, tài liệu miễn phí, giáo án, đề thi, bài kiểm tra các khối lớp

website: <https://blogtailieu.com>

Page: <https://facebook.com/blogtailieu>

Group: <https://www.facebook.com/groups/Blogtailieu/>

Hãy để lại bình luận của bạn ở mỗi bài viết để đóng góp, góp ý mình sẽ hoàn thiện, cũng như giúp mình có động lực tiếp tục chia sẻ những tài liệu hay, bổ ích.

Trong quá trình chia sẻ có thể còn nhiều thiếu sót, các bạn đừng ngần ngại bày tỏ cũng như nhắn về cho trang web, để bản thân tác giả, ban biên tập, kĩ thuật hỗ trợ sớm nhất.

LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn sách *Tự nhiên và Xã hội 2 – Sách giáo viên* là tài liệu hướng dẫn giáo viên, là tài liệu tham khảo cho cán bộ quản lý giáo dục cấp tiểu học trong việc tổ chức dạy học theo sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 2 do Nhà xuất bản Đại học Sư phạm phát hành; nhằm thực hiện Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2018.

Cuốn sách gồm hai phần:

Phần một. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Phần này giới thiệu khái quát về Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2018; về bộ sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 2 (gồm sách giáo khoa, sách giáo viên và vở bài tập).

Phần hai. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

Phần này đưa ra các hướng dẫn dạy học cho từng bài học theo sáu chủ đề có trong chương trình, đó là: (1) Gia đình; (2) Trường học; (3) Cộng đồng địa phương; (4) Thực vật và động vật; (5) Con người và sức khỏe; (6) Trái Đất và bầu trời. Các kế hoạch bài học được thiết kế theo yêu cầu phát triển năng lực học sinh, trong đó mục tiêu của bài học được mô tả bằng các động từ thể hiện hoạt động của học sinh. Phương pháp dạy học, phương tiện dạy học được lựa chọn phù hợp với mục tiêu của bài học và hoạt động chiếm lĩnh kiến thức của học sinh trên lớp.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học về đề cương của cuốn sách, của giáo viên phổ thông về thiết kế kế hoạch bài học theo chủ đề,... Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.

Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng, nhưng trong quá trình biên soạn sách khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được các góp ý để nội dung sách ngày càng hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau.

CÁC TÁC GIẢ

Phần một

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2018

1. Đặc điểm của môn học

Môn Tự nhiên và Xã hội ở cấp tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 3) là môn học bắt buộc, được xây dựng và phát triển trên nền tảng tích hợp những kiến thức về thế giới tự nhiên và xã hội; đặt nền móng để học sinh (HS) tiếp tục học môn Khoa học và môn Lịch sử và Địa lí ở các lớp 4, 5 của cấp tiểu học.

2. Quan điểm xây dựng chương trình môn học

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội quán triệt các quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông Chương trình tổng thể. Xuất phát từ đặc thù của môn học, các quan điểm sau đây được nhấn mạnh trong xây dựng chương trình:

QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH



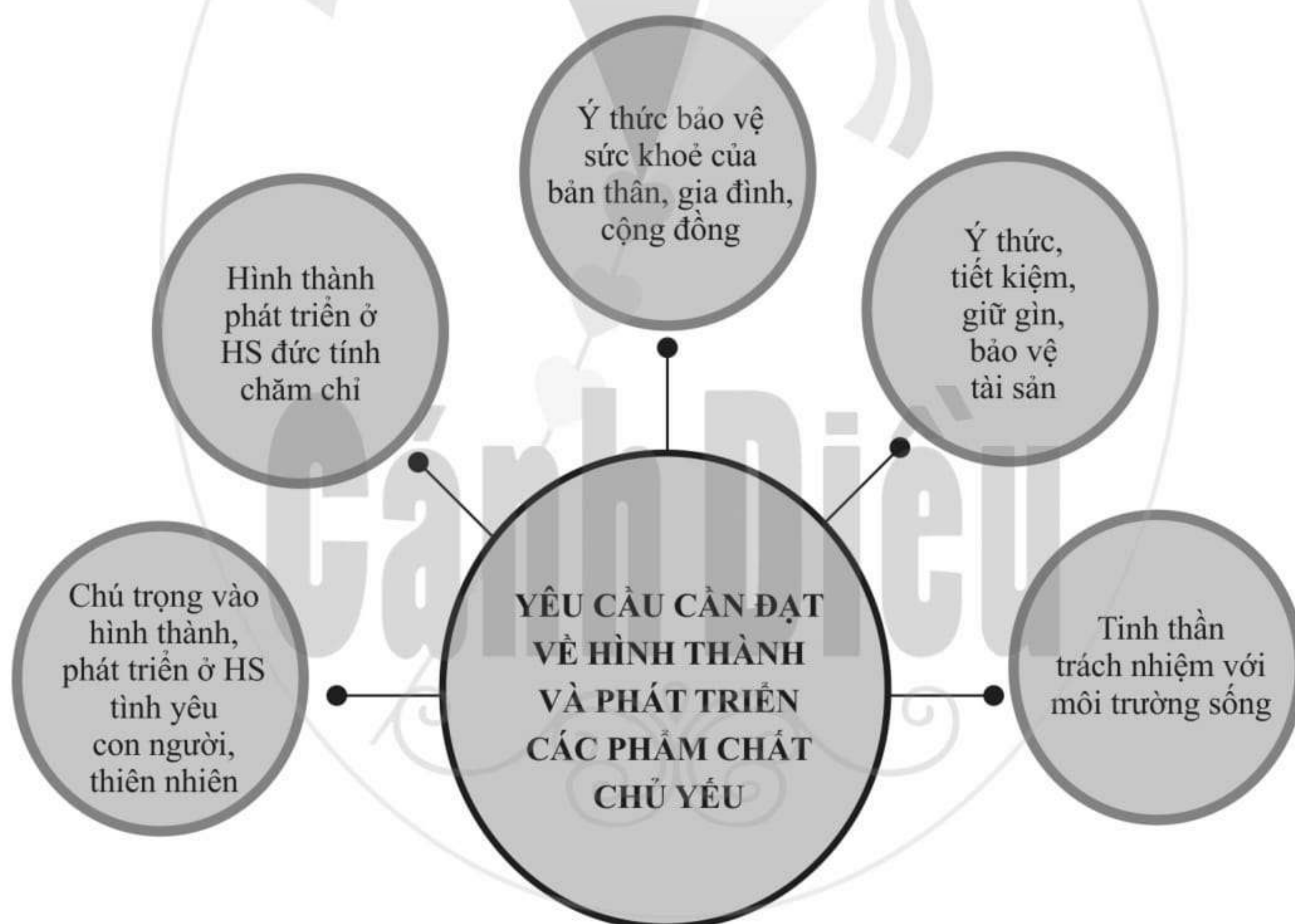
3. Mục tiêu của chương trình môn học

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội góp phần hình thành, phát triển ở HS tình yêu con người, thiên nhiên; đức tính chăm chỉ; ý thức bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống; các năng lực chung và năng lực khoa học.

4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

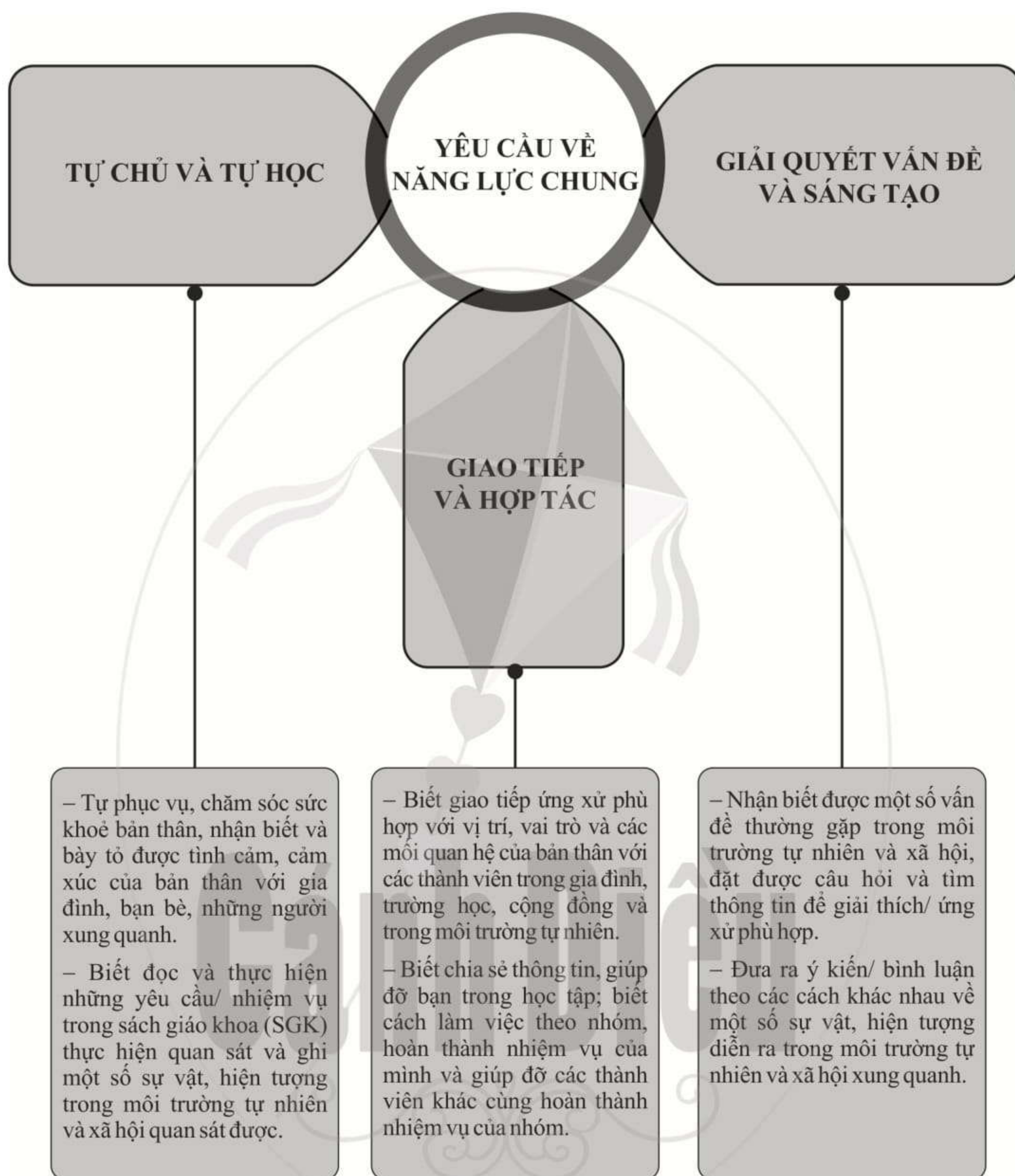
a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất

Cùng với các môn học khác và hoạt động giáo dục ở cấp tiểu học, môn Tự nhiên và Xã hội góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu đã quy định trong Chương trình tổng thể. Dưới đây là sơ đồ tóm tắt những đóng góp của môn Tự nhiên và Xã hội vào việc hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu cho HS.



b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

Môn Tự nhiên và Xã hội có nhiệm vụ hình thành và phát triển các năng lực chung cho HS là năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Sau đây là sơ đồ tóm tắt những đóng góp của môn Tự nhiên và Xã hội vào việc hình thành và phát triển các năng lực chung cho HS.



c) Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực đặc thù cho HS

Môn Tự nhiên và Xã hội hình thành và phát triển ở HS năng lực khoa học, bao gồm các thành phần: nhận thức khoa học; tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Những biểu hiện của năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội được trình bày tóm tắt trong sơ đồ sau:

YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC KHOA HỌC TRONG MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

NHẬN THỨC VỀ KHOA HỌC

Nhận biết ở mức độ cơ bản, ban đầu về một số sự vật, hiện tượng và mối quan hệ trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh.

Phân biệt được sự vật và hiện tượng này với sự vật và hiện tượng khác dựa trên một số tiêu chí đơn giản.

TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI XUNG QUANH

Quan sát và đặt được các câu hỏi đơn giản về các sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội xung quanh và sự thay đổi của chúng.

Sử dụng được những dụng cụ đơn giản để quan sát.

Biết đọc để tìm thông tin, điều tra, thực hành đơn giản để tìm hiểu về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.

Thu thập và ghi lại được các dữ liệu đơn giản từ quan sát, thực hành.

Từ kết quả quan sát, thực hành rút ra được nhận xét về những đặc điểm bên ngoài, so sánh sự giống, khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng xung quanh và sự thay đổi của chúng theo thời gian một cách đơn giản.

VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC

Vận dụng kiến thức để mô tả, giải thích được một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.

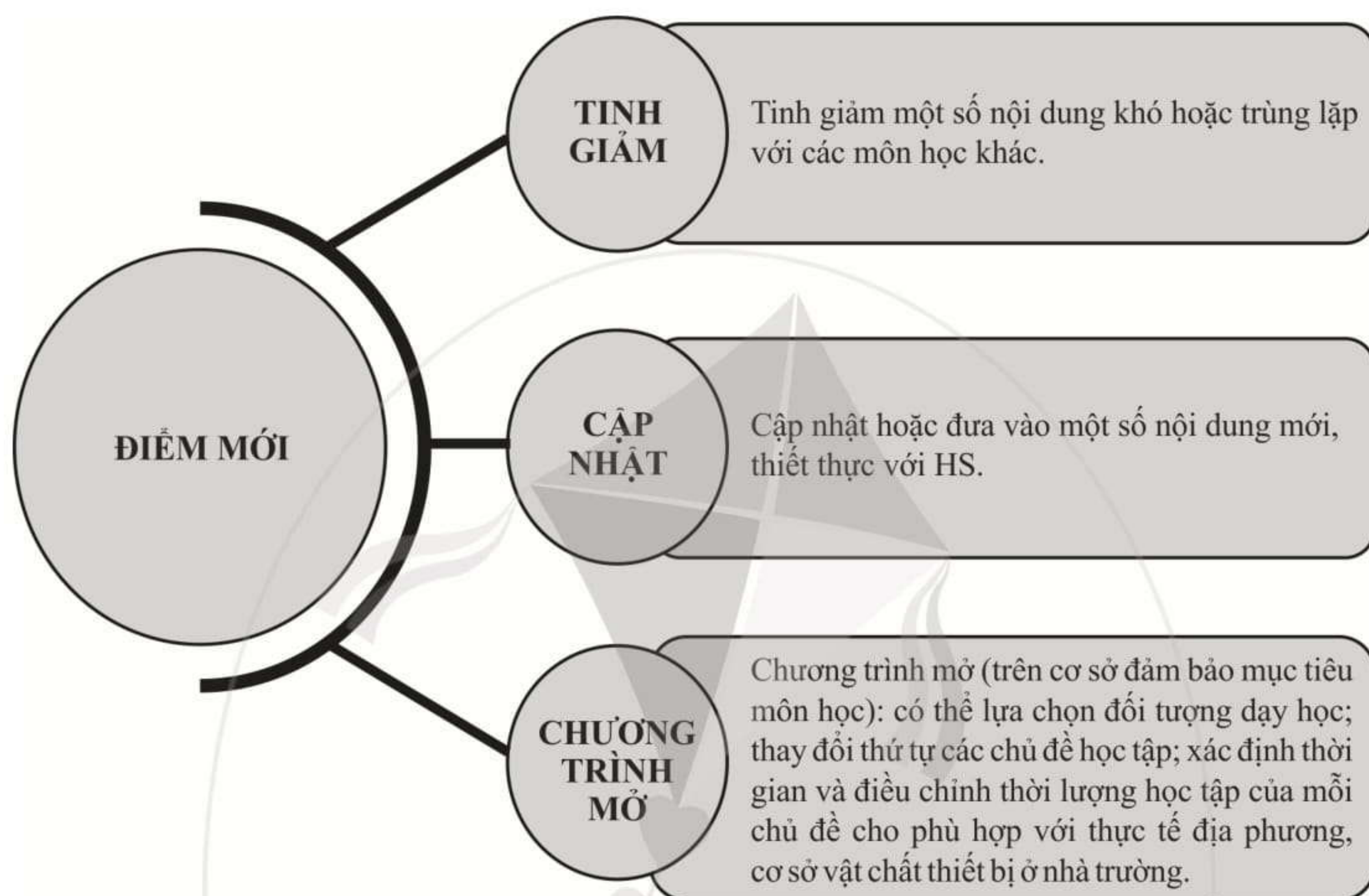
Ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan đến vấn đề sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.

5. Nội dung môn học

a) Nội dung khái quát của môn học

Chủ đề	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3
1 Gia đình	- Thành viên và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình - Nhà ở, đồ dùng trong nhà; sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà - Sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp	- Các thế hệ trong gia đình - Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình - Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà - Giữ vệ sinh nhà ở	- Họ hàng nội, ngoại - Ngày kỉ niệm, sự kiện đáng nhớ của gia đình - Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà - Giữ vệ sinh xung quanh nhà
2 Trường học	- Cơ sở vật chất của lớp học và trường học - Các thành viên và nhiệm vụ của một số thành viên trong lớp học, trường học - Hoạt động chính của HS ở lớp học và trường học - An toàn khi vui chơi ở trường và giữ lớp học sạch đẹp	- Một số sự kiện thường được tổ chức ở trường học - Giữ an toàn và vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở trường	- Hoạt động kết nối với xã hội ở trường học - Truyền thống nhà trường - Giữ an toàn và vệ sinh ở trường hoặc khu vực xung quanh trường
3 Cộng đồng địa phương	- Quang cảnh làng xóm, đường phố - Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng - An toàn trên đường	- Hoạt động mua bán hàng hoá - Hoạt động giao thông	- Một số hoạt động sản xuất - Một số di tích văn hoá, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên
4 Thực vật và động vật	- Thực vật và động vật xung quanh - Chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi	- Môi trường sống của thực vật và động vật - Bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật	- Các bộ phận của thực vật, động vật và chức năng của các bộ phận đó - Sử dụng hợp lí thực vật và động vật
5 Con người và sức khỏe	- Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể - Giữ cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn	- Một số cơ quan bên trong cơ thể: vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu - Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể	- Một số cơ quan bên trong cơ thể: tiêu hoá, tuần hoàn, thần kinh - Chăm sóc và bảo vệ các cơ quan trong cơ thể
6 Trái Đất và bầu trời	- Bầu trời ban ngày, ban đêm - Thời tiết	- Các mùa trong năm - Một số thiên tai thường gặp	- Phương hướng - Một số đặc điểm của Trái Đất - Trái Đất trong hệ Mặt Trời

b) Điểm mới của nội dung môn học so với chương trình năm 2000



6. Phương pháp giáo dục

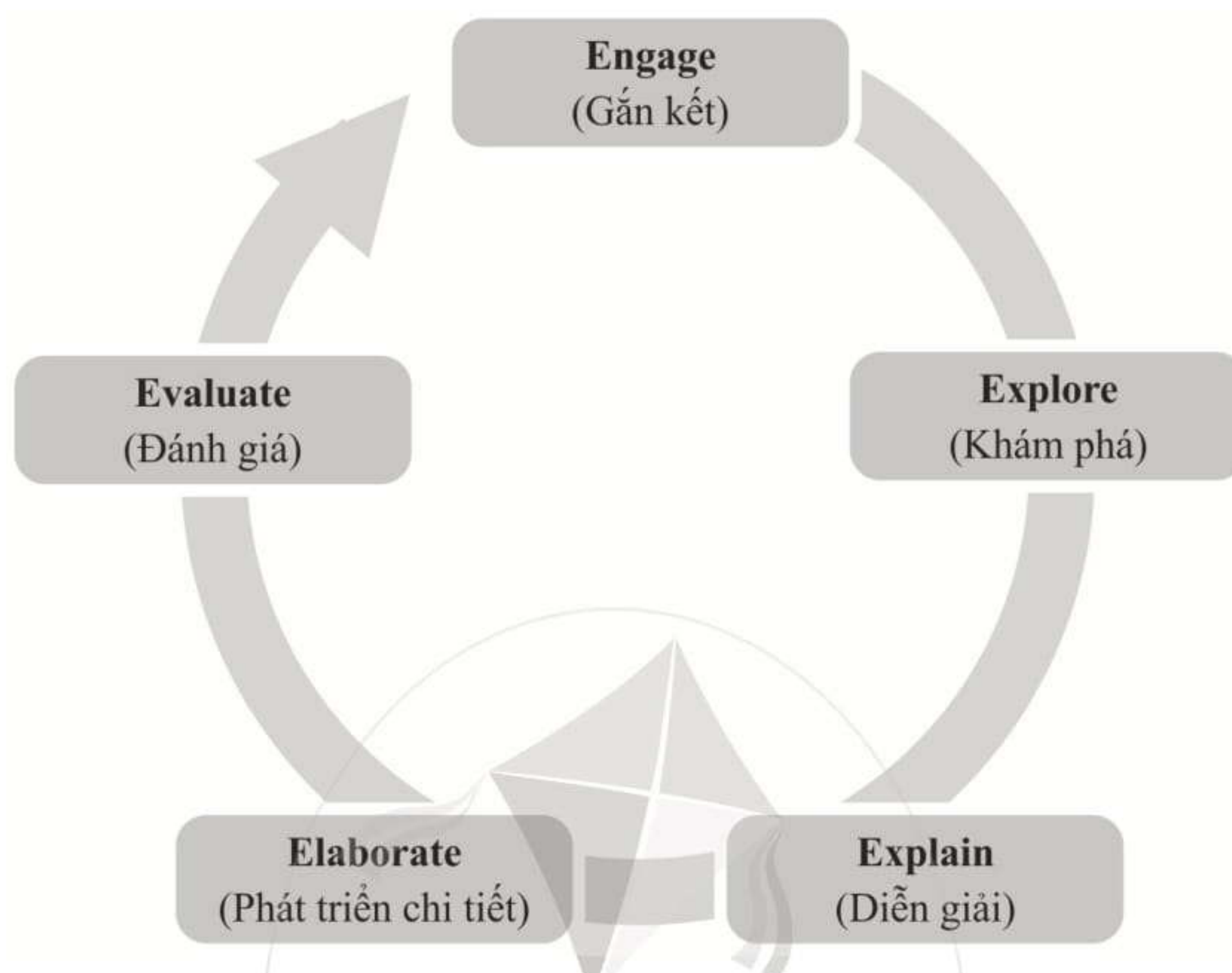
a) Định hướng về phương pháp giáo dục

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội không đề xuất những phương pháp dạy học cụ thể mà chỉ đưa ra những định hướng chung về phương pháp giáo dục khoa học; định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung; định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực khoa học. Dựa vào những định hướng trên, giáo viên (GV) sẽ lựa chọn các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng chủ đề, từng bài học.

b) Giới thiệu một mô hình bài học nhằm hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực cho HS

Để thực hiện mục tiêu hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực cho HS, mỗi bài học có thể áp dụng linh hoạt mô hình dạy học 5E. Mô hình dạy học 5E dựa trên thuyết kiến tạo nhận thức của quá trình học, theo đó HS xây dựng các kiến thức mới dựa trên các kiến thức hoặc trải nghiệm đã biết trước đó. 5E là viết tắt của năm từ bắt đầu bằng chữ cái E trong tiếng Anh: Engage (Gắn kết), Explore (Khám phá), Explain (Diễn giải), Elaborate (Phát triển chi tiết) và Evaluate (Đánh giá).

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC THEO MÔ HÌNH DẠY HỌC 5E



Bước 1. Gắn kết

Đây là bước đầu tiên của quá trình dạy khám phá khoa học. Thông qua các hoạt động đa dạng, GV thu hút sự chú ý và quan tâm của HS, tạo không khí trong lớp học, HS cảm thấy có sự liên hệ và kết nối với những kiến thức hoặc trải nghiệm trước đó.

Các hoạt động gợi ý:

- Cho HS xem video clip về chủ đề có liên quan đến bài học để HS có thể liên hệ với hiểu biết trước đây của mình, hoặc hình dung ra nội dung sắp học.
- Tổ chức trò chơi có liên quan đến vấn đề bài học (HS chưa cần hiểu) để HS có thể liên hệ với kinh nghiệm đã biết.
- Kể một câu chuyện có thông tin liên quan đến chủ đề sắp học.
- Đưa ra một thử thách hoặc một câu đố cho HS liên hệ tìm giải pháp bằng kinh nghiệm đã có của mình để giải quyết vấn đề có liên quan đến bài học.

Bước 2. Khám phá

GV tổ chức cho HS khám phá những kiến thức hoặc những trải nghiệm mang tính cơ bản, nền tảng, dựa vào đó, các kiến thức mới của HS có thể được hình thành. Ở giai đoạn này, HS sẽ trực tiếp khám phá và thao tác trên các vật liệu hoặc học cụ đã được chuẩn bị sẵn.

Các hoạt động gợi ý:

- Tổ chức một hoạt động/trò chơi/thí nghiệm,... cho HS quan sát hoặc trải nghiệm bằng chân/tay để khám phá kiến thức chuẩn bị được kết luận trong bài. Hoạt động này khác với các hoạt động ở bước Gắn kết ở chỗ nó liên quan trực tiếp đến kiến thức sẽ được tổng kết, chứ không đơn thuần là chỉ có liên quan đến chủ đề.
- Với những chủ đề không dễ để tổ chức thành hoạt động học qua làm, GV có thể cho HS khám phá thông tin qua đoạn phim ngắn hoặc poster, tranh ảnh có chứa thông tin/kiến thức sẽ được kết luận trong bài.

Lưu ý: Có những nội dung học GV cần cung cấp kiến thức cơ bản trước khi cho HS quan sát hoặc trải nghiệm ở bước Khám phá này.

Bước 3. Diễn giải

GV tạo điều kiện cho HS trình bày, miêu tả, phân tích các trải nghiệm hoặc quan sát vừa thực hiện ở bước Khám phá. Ở bước này, GV có thể giới thiệu các thuật ngữ mới, khái niệm mới, công thức mới, giúp HS kết nối và thấy được sự liên hệ với trải nghiệm trước đó.

Các hoạt động gợi ý:

- Tổ chức cho HS trình bày/miêu tả/phân tích các trải nghiệm hoặc quan sát được ở bước Khám phá. Tùy mức độ dễ – khó của nội dung học tập mà có thể yêu cầu HS đưa ra một vài kết luận theo gợi ý của GV.
- Giới thiệu các thuật ngữ mới, công thức mới để HS hiểu rõ hơn về các trải nghiệm hoặc quan sát được ở bước Khám phá.
- Đưa ra các kết luận chính trong bài.

Bước 4. Phát triển chi tiết

GV giúp HS thực hành và vận dụng các kiến thức đã học được ở bước Diễn giải để làm sâu sắc hơn các hiểu biết, khéo léo hơn các kỹ năng, và có thể áp dụng được trong những tình huống, hoàn cảnh đa dạng khác nhau.

Các hoạt động gợi ý:

- Tổ chức một hoạt động thực hành vận dụng kiến thức vừa tổng kết.
- Có thể cho HS làm việc với phiếu học tập để kiểm tra sâu hơn về kiến thức.
- Có thể đưa ra những tình huống ứng dụng thực tế để kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức của HS.

Bước 5. Đánh giá

Đây cũng được xem là bước thực hiện đồng thời với các bước trên. Ở đây, GV sẽ sử dụng các kỹ thuật đánh giá đa dạng để nhận biết quá trình nhận thức và khả năng

của từng HS, từ đó đưa ra các phương hướng điều chỉnh và hỗ trợ HS phù hợp, giúp HS đạt được các mục tiêu học tập như đã đề ra.

Các hoạt động gợi ý (có thể không cần thực hiện riêng phần này ở cuối tiết học vì đã thực hiện đồng thời ở các bước trước):

- Trả lời câu hỏi ôn tập bài.
- Làm việc với Phiếu học tập tại lớp.
- Yêu cầu vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống.

7. Đánh giá kết quả giáo dục

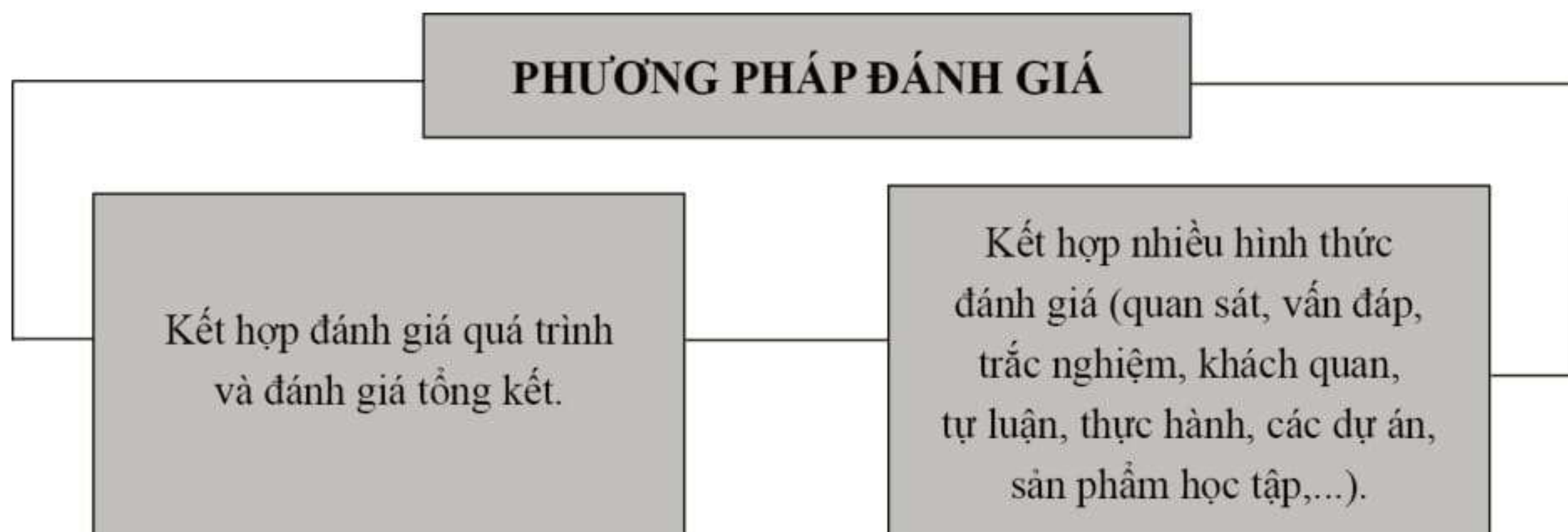
a) Mục tiêu đánh giá

Đánh giá trong môn Tự nhiên và Xã hội nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của HS để giúp GV điều chỉnh phương pháp dạy, HS thay đổi cách học để đạt kết quả tốt hơn và tăng động cơ, hứng thú học tập.

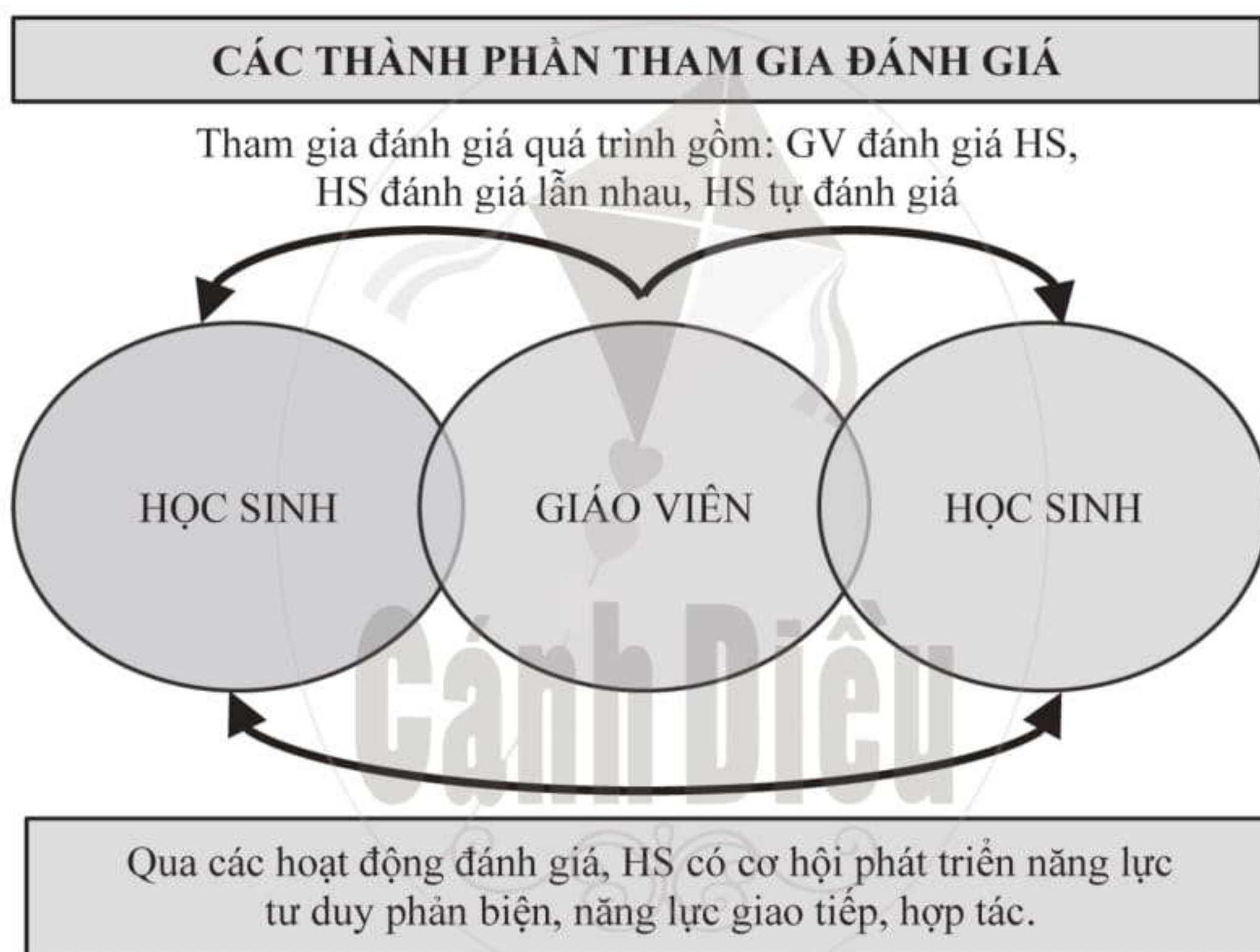
b) Căn cứ đánh giá



c) Phương pháp đánh giá



d) Các thành phần tham gia đánh giá



II. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH GIÁO VIÊN VÀ VỞ BÀI TẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

1. Sách giáo khoa

Sách Tự nhiên và Xã hội 2 được viết theo Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhằm góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực khoa học cho HS lớp 2.

Nội dung sách Tự nhiên và Xã hội 2 thể hiện đúng và đầy đủ chương trình môn học bao gồm 6 chủ đề: *Gia đình, Trường học, Cộng đồng địa phương, Thực vật và động vật, Con người và sức khỏe, Trái Đất và bầu trời*. Các bài học phản ánh chính xác, đầy đủ các yêu cầu cần đạt trong từng chủ đề.

Cấu trúc sách Tự nhiên và Xã hội 2 bao gồm các phần cơ bản: phần đầu là mục *Hướng dẫn sử dụng sách* và *Mục lục*; tiếp theo là nội dung chính gồm *các chủ đề, các bài học, bài ôn tập và đánh giá* của mỗi chủ đề; phần cuối là *Bảng tra cứu từ ngữ*.

*** Phần đầu** bao gồm:

Hướng dẫn sử dụng sách được trình bày kết hợp kênh hình và kênh chữ giúp HS, GV, cha mẹ HS và người đọc khác dễ dàng nhận ra cách trình bày của mỗi chủ đề và các thành phần chính của mỗi bài học cùng những kí hiệu chỉ dẫn các hoạt động học tập cho HS.

Mục lục giúp HS xác định được nội dung toàn cuốn sách và thuận tiện tra cứu, tìm được các chủ đề và bài học một cách dễ dàng, nhanh chóng.

*** Phần chính** của cuốn sách được trình bày như sau:

– Cách trình bày chung:

Sách *Tự nhiên và Xã hội 2* được trình bày kết hợp một cách khoa học giữa kênh chữ và kênh hình. Cụ thể:

+ *Kênh chữ*: làm nhiệm vụ xác định, chỉ dẫn các hoạt động học tập, đưa ra những câu hỏi, bài tập hoặc cung cấp thông tin cốt lõi cũng như những thông tin mở rộng cho HS. Kênh chữ được tăng cường hơn so với sách *Tự nhiên và Xã hội 1* nhằm đáp ứng mục tiêu góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học cho HS.

+ *Kênh hình*: cùng với kênh chữ, kênh hình có chức năng quan trọng trong việc cung cấp thông tin và là đối tượng học tập để HS quan sát, khai thác tìm tòi, phát hiện ra kiến thức mới hoặc đưa ra những tình huống để HS suy nghĩ, giải quyết vấn đề. Đồng thời, kênh hình cũng có chức năng chỉ dẫn các hoạt động học tập cho HS và cách tổ chức dạy học cho GV. Cụ thể:

- Có hai nhân vật cùng học tập với HS là bạn Hà và bạn An:



- Các kí hiệu chỉ dẫn các hoạt động học tập



Quan sát



*Trả lời
câu hỏi hoặc
thảo luận*



Trò chơi



*Thực hành,
xử lí
tình huống*



*Những kiến thức
chủ yếu của
mỗi phần hoặc
cả bài học*



*Thông tin
mở rộng*



Đặc biệt, có một “nhân vật” xuyên suốt trong các bài học là con ong cách điệu.

Ong là người bạn đồng hành của HS trong quá trình học tập, khi thì nó làm nhiệm vụ dẫn dắt, kết nối vào bài học, khi thì nó làm nhiệm vụ Hướng dẫn hoặc đưa ra Lời nhắc nhở HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào cuộc sống hoặc nêu lên những giá trị cần ghi nhớ được rút ra từ bài học, nhằm góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu cho HS.

– **Cách trình bày một chủ đề:**

+ *Trang chủ đề:* Có một trang riêng để giới thiệu tên chủ đề và tên các bài học của chủ đề. Trang này được minh hoạ bằng những hình ảnh thể hiện được nội dung cốt lõi của chủ đề. Mỗi chủ đề được trình bày bằng màu sắc và kí hiệu riêng để phân biệt với các chủ đề khác.

+ *Các bài học:* Số lượng các bài học trong mỗi chủ đề phụ thuộc vào nội dung đã quy định trong Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2018. Nhìn chung, mỗi chủ đề có từ 3 đến 5 bài học.

+ *Bài Ôn tập và đánh giá:* Kết thúc mỗi chủ đề là bài Ôn tập và đánh giá chủ đề đó. Bài này thường được thể hiện bằng các sơ đồ tư duy hoặc sơ đồ khái niệm hay các biểu bảng, các câu hỏi ôn tập mang tính tổng quát, các tình huống đòi hỏi HS phải vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề.

– **Cách trình bày một bài học:**

Bài học bắt đầu bằng *Tên bài*. Tiếp đến là mục: “*Hãy cùng tìm hiểu về*” hoặc “*Hãy cùng nhau*” để xác định nội dung chính của bài học, bước đầu hình thành và phát triển năng lực tự học cho HS.

Tiến trình của một bài học được xây dựng theo phương pháp tiếp cận mô hình 5E thường bao gồm:

+ Hoạt động *Khởi động* để gắn kết vào bài học, được thể hiện bằng nhiều hình thức đa dạng như thông qua một bài hát, một trò chơi,... với sự dẫn dắt của con ong một cách nhẹ nhàng, sinh động gây tò mò và cuốn hút HS.

+ Hoạt động *Khám phá kiến thức mới và Hình thành kỹ năng* thông qua *Quan sát, Trả lời câu hỏi, Thảo luận*,...

+ Hoạt động *Thực hành và Vận dụng kiến thức* thông qua *Xử lý tình huống, Chia sẻ với các bạn và người thân*,...

+ Hoạt động *Đánh giá* được thể hiện trong toàn bộ tiến trình của bài học thông qua các câu hỏi và bài tập từ bước gắn kết, khám phá kiến thức mới, luyện tập, thực hành và củng cố mà không tạo thành một mục riêng trong SGK.

Kết thúc mỗi phần hoặc cả bài học là phần *Kiến thức cốt lõi hoặc lời nhắc nhở của con ong về giá trị hoặc kiến thức, kỹ năng cần vận dụng trong cuộc sống*.

Mục “*Em có biết?*” có ở một số bài giúp HS tìm tòi, mở rộng hiểu biết về các kiến thức, sự kiện liên quan; tạo hứng thú học tập cho các em.

* **Phần cuối** của cuốn sách là “*Bảng tra cứu từ ngữ*”.

Trong bảng này, các từ ngữ, khái niệm quan trọng được liệt kê và chỉ dẫn số trang trong SGK bước đầu giúp HS làm quen với việc tra cứu, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu.

2. Sách giáo viên

Sách giáo viên (SGV) môn Tự nhiên và Xã hội 2 gồm hai phần. Phần một: **Những vấn đề chung**, phần hai: **Hướng dẫn dạy học**.

– Phần một có hai nội dung chính:

+ Giới thiệu khái quát về Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2018.

+ Giới thiệu SGK, SGV và vở bài tập (VBT) môn Tự nhiên và Xã hội 2.

– Phần hai đi sâu hướng dẫn dạy học từng chủ đề và từng bài học cụ thể.

Cách trình bày một chủ đề trong SGV như sau:

+ *Tên chủ đề và số tiết dành cho chủ đề* nhằm giúp GV xác định được thời lượng phân chia cho chủ đề đó.

+ Hình ảnh *Trang chủ đề* giúp GV biết nội dung cốt lõi của chủ đề được thể hiện qua tên các bài học và các hình minh họa.

+ Mục *Yêu cầu cần đạt* phản ánh được tất cả các yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của chủ đề được đề cập đến trong chương trình môn học.

+ Phần hướng dẫn dạy học từng bài: Phần này được biên soạn theo phương pháp tiếp cận mô hình 5E nhằm đảm bảo cho mỗi bài học đóng góp vào việc hình thành năng lực khoa học (năng lực đặc thù của môn học) và các phẩm chất, năng lực chung theo quy định trong chương trình. Mô hình cấu trúc kế hoạch bài học của môn Tự nhiên và Xã hội bao gồm các thành phần sau đây.

TÊN BÀI HỌC

(Thời lượng)

I. MỤC TIÊU

Xác định mục tiêu của bài học (dựa trên cơ sở yêu cầu cần đạt trong chương trình), trong đó có các năng lực thành phần của năng lực đặc thù môn học; đồng thời cũng có thể xác định một số phẩm chất, năng lực chung phù hợp với bài học.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

Trên cơ sở xác định cách tiếp cận/hình thức dạy học chủ yếu (chẳng hạn dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm ngoài môi trường thực tế, dạy học dự án, dạy học theo chủ đề liên môn,...) cũng như các nội dung và phương pháp dạy học cụ thể, cần chuẩn bị đồ dùng dạy – học và các nguồn tư liệu cho dạy học như tranh ảnh, đồ dùng thí nghiệm, mô hình, vật thật, video clip, các phiếu học tập, các tư liệu (in hoặc trên website),... Có thể do GV hoặc HS chuẩn bị (theo nhóm/cá nhân).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GV có thể vận dụng mô hình bài học theo cấu trúc 5E đã được giới thiệu ở trên một cách linh hoạt dựa vào gợi ý các hoạt động dạy học dưới đây.

Các hoạt động dạy học bao gồm chuỗi các hoạt động nhằm giúp HS học tập tích cực, phù hợp với đặc điểm, trình độ của từng đối tượng, thường bao gồm:

- Các hoạt động gây hứng thú học tập cho HS; khơi gợi, kết nối những kiến thức, kĩ năng đã có với những kiến thức, kĩ năng mới (hoạt động này tương đương với Bước 1. *Gắn kết*).

- Hoạt động hướng dẫn của GV và (hoặc) hoạt động tự xây dựng kiến thức, kĩ năng của HS là hoạt động trọng tâm, bao gồm một số dạng hoạt động như: quan sát đối tượng học tập (mô hình, vật thật, môi trường xung quanh,...); thu thập, khai thác thông tin từ kênh hình hoặc kênh chữ; giải quyết các tình huống có vấn đề;... Thông qua các dạng hoạt động này kết hợp với trao đổi thông tin trong nhóm và cả lớp để khám phá kiến thức, hình thành kĩ năng mới của bài học (các hoạt động này tương đương với các Bước 2. *Khám phá* và Bước 3. *Diễn giải*).

- Hoạt động thực hành chủ yếu để thực hành những kiến thức, kĩ năng trong nhiều tình huống. Mục tiêu cơ bản của các hoạt động này là để củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng đã học thông qua việc thực hành và luyện tập.

HS được thực hành áp dụng các kiến thức, kĩ năng, thái độ và giá trị đã lĩnh hội được. Ví dụ: làm bài tập; tham gia chơi trò chơi hoặc đóng vai để xử lí một tình huống của cuộc sống liên quan đến bài học; thực hành (điều tra, sưu tầm,...) sau đó trao đổi với bạn về kết quả;... (hoạt động này tương đương với Bước 4. *Phát triển chi tiết*).

– Hoạt động ứng dụng nhằm vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống. Đây là các hoạt động tạo điều kiện cho HS áp dụng kiến thức, kĩ năng được học vào các tình huống cụ thể trong đời sống hằng ngày ở gia đình và cộng đồng. Hoạt động này làm cho việc học tập của HS trở nên thiết thực đối với cuộc sống ở gia đình và địa phương, ngoài ra nó còn giúp các em được củng cố và mở rộng kiến thức thông qua việc tiếp xúc với các nguồn tư liệu khác nhau, với gia đình, cộng đồng (hoạt động này tương đương với Bước 4. *Phát triển chi tiết*).

IV. ĐÁNH GIÁ

Việc đánh giá quá trình và kết quả học tập bài học cần được tiến hành thông qua các hoạt động học tập của HS ở các giai đoạn tiếp cận, gắn kết với bài học, đặt câu hỏi bài học; giai đoạn điều tra, khám phá thông tin; xử lí thông tin; hình thành kiến thức mới; thực hành vận dụng kiến thức,... Đặc biệt, GV cần hướng dẫn HS biết tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Không nhất thiết bài nào cũng cần có mục đánh giá riêng (hoạt động này tương đương với Bước 5. *Đánh giá*).

Lưu ý: Các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học được đưa ra trong phần này chỉ mang tính tham khảo, không bắt buộc.

3. Vở bài tập

Các bài tập trong *Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 2* nhằm hỗ trợ các hoạt động trong SGK giúp HS lớp 2 thực hiện các hoạt động học tập độc lập, phong phú và đa dạng trong các tiết học môn Tự nhiên và Xã hội; tạo điều kiện cho các em thực hành, rèn luyện các kĩ năng học tập môn học, tự đánh giá, củng cố, khắc sâu kiến thức, bước đầu hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực khoa học cho HS.

GV có thể sử dụng các bài tập trong VBT để đánh giá kết quả học tập sau mỗi nội dung, mỗi bài hoặc mỗi chương.

Các dạng bài tập chủ yếu là:

- Quan sát các hình ảnh, giới thiệu hoặc mô tả những gì quan sát được.
- Khoanh vào chữ cái trước ý (hoặc câu) đúng (hoặc phù hợp).
- Nối ô chữ (hoặc hình vẽ) với ô chữ sao cho phù hợp.
- Đánh dấu × vào ô ☐.
- Điền số hoặc viết chữ vào ô ☐ hoặc chỗ những từ ngữ hoặc câu phù hợp.
- Vẽ, tô màu,...

Phần hai
HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

Chủ đề 1. GIA ĐÌNH
(10 tiết)



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Dạy học chủ đề *Gia đình* trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 nhằm hình thành và phát triển ở HS năng lực khoa học với những biểu hiện cụ thể của các thành phần năng lực như sau:

1. Nhận thức khoa học

- Nêu được các thành viên trong gia đình nhiều thế hệ (hai thế hệ, ba thế hệ,...).
- Nói được sự cần thiết của việc chia sẻ, dành thời gian quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình.
- Nêu được tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình và ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội.
- Kể được tên một số đồ dùng và thức ăn, đồ uống nếu không được cất giữ, bảo quản cẩn thận có thể gây ngộ độc.
- Giải thích được tại sao phải giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).

2. Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

- Vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh gia đình có hai thế hệ, ba thế hệ vào sơ đồ cho trước.
- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu thông tin về tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình và ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội.
- Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện.
- Thu thập được thông tin về một số lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống.

3. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc yêu thương của bản thân với các thế hệ trong gia đình.
- Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này.
- Đề xuất được những việc bản thân và các thành viên trong gia đình có thể làm để phòng tránh ngộ độc.
- Đưa ra được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc.
- Làm được một số việc phù hợp để giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

Chủ đề *Gia đình* gồm những nội dung thiết thực và gần gũi với HS như: Các thế hệ trong gia đình, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình, phòng tránh ngộ độc khi ở nhà, giữ vệ sinh nhà ở. Vì vậy, GV cần khai thác những kinh nghiệm vốn có của HS khi tổ chức các hoạt động trên lớp nhằm hình thành kiến thức mới cho HS, đồng thời tạo cơ hội cho các em được trải nghiệm trong bối cảnh thực là gia đình mình để hình thành cho các em tình yêu, sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương với các thế hệ trong gia đình và thực hiện một số việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi góp phần giữ nhà ở sạch đẹp và an toàn.

Với chủ đề *Gia đình*, hình thức học theo cặp đôi được sử dụng nhiều trong tiết học, ngoài ra có kết hợp với học cá nhân, theo nhóm (4 – 6 HS) và cả lớp. Một số phương pháp dạy học chủ yếu được sử dụng để dạy chủ đề này là: quan sát, hỏi đáp, trò chơi, thực hành, đóng vai,...

Bài 1. CÁC THẾ HỆ TRONG GIA ĐÌNH (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nêu được các thành viên trong gia đình nhiều thế hệ (hai thế hệ, ba thế hệ,...).
- Nói được sự cần thiết của việc chia sẻ, dành thời gian quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

- Vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh gia đình có hai thế hệ, ba thế hệ vào sơ đồ cho trước.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về các thành viên và tình cảm giữa các thành viên trong gia đình hai thế hệ, ba thế hệ.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương của bản thân với các thế hệ trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- Tranh vẽ, ảnh gia đình HS (hai, ba hoặc bốn thế hệ).
- Bảng phụ/giấy A2.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

- HS trả lời yêu cầu của GV: Kể các thành viên trong gia đình em theo thứ tự từ người nhiều tuổi nhất đến người ít tuổi nhất.
- Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài: Những người ở các lứa tuổi khác nhau trong gia đình gọi là các thế hệ trong gia đình và lấy ví dụ về các thế hệ từ câu trả lời của HS (Ví dụ: Với gia đình bạn A, bố mẹ là thế hệ thứ nhất còn bạn A là thế hệ thứ hai).

1. Các thành viên trong gia đình nhiều thế hệ

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu các thế hệ trong gia đình bạn Hà và bạn An

* Mục tiêu

- Nêu được các thành viên của mỗi thế hệ trong gia đình bạn Hà và bạn An.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về các thành viên trong gia đình nhiều thế hệ.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát các hình 1, 2 ở trang 6, 7 SGK để trả lời các câu hỏi:

- Gia đình bạn Hà và bạn An có mấy thế hệ?
- Kể các thành viên của mỗi thế hệ trong gia đình bạn Hà và gia đình bạn An.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.
- GV chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

Gợi ý: Gia đình bạn Hà là gia đình hai thế hệ; Gia đình bạn An là gia đình ba thế hệ.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Giới thiệu về các thế hệ trong gia đình em

* Mục tiêu

- Giới thiệu được về các thế hệ trong gia đình em.
- Vẽ, viết hoặc cắt dán ảnh gia đình có hai thế hệ, ba thế hệ vào sơ đồ cho trước.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cá nhân, theo cặp

- Từng cặp HS giới thiệu cho nhau nghe về các thế hệ trong gia đình mình: Gia đình mình có mấy thế hệ, từng thành viên của mỗi thế hệ trong gia đình mình.
- Từng HS vẽ, viết hoặc cắt dán sơ đồ các thế hệ trong gia đình mình vào giấy A4 hoặc vào vở và chia sẻ với bạn bên cạnh.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Một số HS lên giới thiệu về các thế hệ trong gia đình mình, kết hợp với trình bày sơ đồ các thế hệ trong gia đình mình.
- Các HS còn lại sẽ đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.
- GV hoàn thiện phần trình bày của HS.
- Tùy từng bối cảnh cụ thể, GV hỏi hoặc giới thiệu về gia đình bốn thế hệ.

(Gia đình bốn thế hệ có các cụ, ông bà, bố mẹ và con cùng chung sống trong một nhà.)

2. Chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình

* Mục tiêu

- Nêu được sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau giữa các thành viên trong gia đình nhiều thế hệ.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm 4

HS quan sát các hình 1, 2, 3, 4 ở trang 8 SGK để trả lời các câu hỏi:

- Nói về sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình bạn Hà, bạn An.
- Kể một số việc làm thể hiện sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình em.

(Những nơi có điều kiện cho HS kể kết hợp với ảnh minh họa và dán ảnh của nhóm vào bảng phụ/giấy A2.)

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.
- GV chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

Gợi ý: Bố và anh Hà chơi cờ. Mẹ và Hà cổ vũ; Mẹ Hà đưa Hà đi khám bệnh; Gia đình An tặng quà bà nhân dịp mừng thọ; Gia đình An quây quần vui vẻ bên mâm cơm.

– Một số HS chia sẻ một số việc làm thể hiện sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau giữa các thế hệ trong gia đình mình (Khuyến khích có ảnh minh họa).

– GV hỏi: Vì sao mọi người trong gia đình cần chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau?

– Một số HS trả lời.

Lưu ý: GV tạo cơ hội cho HS trả lời thoải mái theo suy nghĩ của các em. Ví dụ: Để mọi người đều vui vẻ, khoẻ mạnh hoặc tạo ra gia đình ấm áp, hạnh phúc; ...

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Thể hiện sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương đối với các thành viên trong gia đình

*** Mục tiêu**

Thể hiện được sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc yêu thương của bản thân với các thế hệ trong gia đình.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm 6

- HS quan sát các hình 1, 2, 3, 4 ở trang 9 SGK để trả lời các câu hỏi:
 - + Bạn Hà và bạn An đang làm gì để thể hiện sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương với những thành viên thuộc các thế hệ trong gia đình? (1)
 - + Hãy nói sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương đối với các thành viên trong gia đình em. (2)
- Nhóm chọn 1 việc làm/1 hoạt động mà các thành viên trong nhóm đã nói để đóng vai thể hiện trước lớp. (3)

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.
 - + Một nhóm trả lời câu (1), các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - + Một – hai nhóm trả lời câu (2), các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - + Một – hai nhóm trả lời câu (3), các nhóm khác bình luận, hoàn thiện phần đóng vai thể hiện của nhóm bạn.
 - GV chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện câu trả lời và phần trình bày của các nhóm.
 - GV khuyến khích HS tham gia những việc làm/hoạt động thể hiện sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, yêu thương với các thành viên trong gia đình mình.
- (Có thể yêu cầu HS ghi lại vào vở và báo cáo trong nhóm, trước lớp vào giờ học sau.)

IV. ĐÁNH GIÁ

GV đánh giá kết quả học tập bài học thông qua:

- HS làm câu 2 của Bài 1 VBT.
- Các sản phẩm của HS ở các Hoạt động 2, 3, 4.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Bài 2. NGHỀ NGHIỆP

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nói được tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình.
- Nêu được ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu thông tin về tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình.
- Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề có thu nhập, những công việc tình nguyện.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- Tranh ảnh về công việc, nghề nghiệp có thu nhập và công việc tình nguyện (GV và HS thu thập).
- Phiếu thu thập thông tin.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

- HS nghe nhạc và hát theo lời một bài hát về nghề nghiệp (ví dụ bài: *Lớn lên em sẽ làm gì?* – xem Phụ lục).
- HS trả lời câu hỏi của GV để khai thác nội dung bài hát như: Bài hát nhắc đến tên những công việc, nghề nghiệp gì? Từ đó, GV dẫn dắt HS vào bài học.

1. Công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình

* Mục tiêu

- Nói được tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình.
- Nêu được ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội (không bắt buộc với mọi HS).

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

- *Phương án 1:* HS quan sát các hình ở trang 10 SGK để trả lời các câu hỏi:
 - + Nói tên công việc và nghề nghiệp của những người trong các hình ở trang 10.
 - + Công việc và nghề nghiệp đó có ý nghĩa gì? (không bắt buộc với mọi HS)
- *Phương án 2:* HS làm câu 1 của Bài 2 VBT.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.
- GV chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

Lưu ý: GV yêu cầu HS quan sát và trao đổi theo từng hình. Tùy trình độ HS, GV sẽ đặt các câu hỏi phù hợp để HS nói được tên và ý nghĩa của nghề nghiệp. Ví dụ: Với hình 5: nghề nghiệp bác sĩ; ý nghĩa nghề: khám và chữa bệnh cho mọi người.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Đặt được câu hỏi và trả lời

* Mục tiêu

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu thông tin về tên công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình.
- Nêu được ý nghĩa của những công việc, nghề nghiệp đó đối với gia đình và xã hội.

– Chia sẻ được với các bạn, người thân về công việc, nghề nghiệp yêu thích sau này.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

– Từng cặp HS đặt câu hỏi và trả lời về công việc và nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình mình theo ví dụ sau:

Ví dụ: Bạn A: Mẹ bạn làm công việc gì?; Bạn B: Công việc của mẹ mình là bán hàng ở chợ.

Bạn B: Bố bạn làm nghề gì?; Bạn A: Bố mình làm nghề thợ xây.

– HS sẽ nói cho bạn nghe những công việc, nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình mình giúp ích gì cho gia đình và xã hội.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Một số cặp HS lên trình bày kết quả làm việc nhóm trước lớp.

– Các HS còn lại sẽ đặt câu hỏi và nhận xét phần giới thiệu của các bạn.

– GV hoàn thiện phần trình bày của HS.

Lưu ý: GV giúp HS hiểu rằng: Một số gia đình có bố hoặc mẹ làm nội trợ. Họ cũng đóng góp rất lớn cho gia đình.

Bước 3: Làm việc nhóm 6

– Từng thành viên trong nhóm chia sẻ lớn lên mình thích làm nghề gì và vì sao (HS có thể nói, viết, vẽ,...).

– GV cho một số HS chia sẻ trước lớp và khuyến khích HS phải chăm ngoan để thực hiện ước mơ của mình.

2. Một số công việc tình nguyện

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số công việc tình nguyện

*** Mục tiêu**

– Nói được tên một số công việc tình nguyện và ý nghĩa của những công việc đó.

– Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề nghiệp có thu nhập, những công việc tình nguyện.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

- GV giải thích cho HS: cụm từ “công việc tình nguyện” và từ “thu nhập”.
- + Công việc tình nguyện là việc làm vì cộng đồng mà không yêu cầu trả công.
- + Thu nhập là khoản của cải thường được tính thành tiền mà một cá nhân (doanh nghiệp) nhận được trong một khoảng thời gian nhất định từ công việc hoặc hoạt động nào đó.
- *Phương án 1:* HS quan sát các hình ở trang 12 SGK để trả lời các câu hỏi:
- + Nói về công việc tình nguyện trong các hình ở trang 12 SGK.
- + Nêu ý nghĩa của những công việc đó.
- *Phương án 2:* HS làm câu 3 của Bài 2 VBT.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.
- GV hoàn thiện phần trình bày của HS.
- GV yêu cầu HS kể một số công việc tình nguyện khác hoặc giới thiệu tranh ảnh một số công việc tình nguyện khác (nếu có điều kiện).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Thu thập thông tin

*** Mục tiêu**

Thu thập được một số thông tin về những công việc, nghề nghiệp có thu nhập, những công việc tình nguyện.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm 6

- Từng cá nhân chia sẻ thông tin mà mình đã thu thập được trong nhóm.

Lưu ý: Ở cuối tiết trước, GV yêu cầu HS về nhà thu thập thông tin về những công việc, nghề nghiệp có thu nhập, những công việc tình nguyện.

- Cả nhóm cùng hoàn thành bảng và khuyến khích các nhóm có tranh ảnh minh họa (Tuỳ điều kiện, GV làm mẫu trước một ví dụ để HS dễ dàng thực hiện).

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

Tên người	Công việc, nghề nghiệp	Có thu nhập	Tình nguyện

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp.
- Các HS còn lại sẽ nhận xét phần trình bày của các bạn.
- GV bổ sung và hoàn thiện sản phẩm của các nhóm.
- GV chốt lại nội dung toàn bài.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV đánh giá kết quả học tập bài học thông qua:

- Kết quả làm các câu 1, 3 của Bài 2 VBT.
- Các sản phẩm của HS ở các Hoạt động 2, 4.

PHỤ LỤC

Bài hát *Lớn lên em sẽ làm gì?*

Lớn lên em sẽ làm gì?

Em sẽ làm người công nhân đi dựng xây những nhà máy mới, những nhà cao lồng lộng giữa trời mây.

Lớn lên em sẽ làm gì?

Em sẽ làm người nông dân lái máy cày trên bao đồng ruộng, những cánh đồng thẳng cánh cò bay.

Lớn lên em sẽ làm gì?

Em sẽ làm người lái tàu, đưa những con tàu ra Bắc vào Nam.

Lớn lên em sẽ làm gì?

Em sẽ làm người kĩ sư đi tìm tài nguyên làm giàu cho đất nước.

Ôi đẹp sao những mơ ước của em!

(Sáng tác: Trần Hữu Pháp)

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Bài 3. PHÒNG TRÁNH NGỘ ĐỘC KHI Ở NHÀ

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

– Kể được tên một số đồ dùng và thức ăn, đồ uống có thể gây ngộ độc nếu không được cất giữ, bảo quản cẩn thận.

– Nêu được những việc làm để phòng tránh ngộ độc khi ở nhà.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Thu thập được thông tin về một số lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống.

** Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

– Đề xuất được những việc bản thân và các thành viên trong gia đình có thể làm để phòng tránh ngộ độc.

– Đưa ra được cách xử lí tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Các hình trong SGK.

– Phiếu thu thập thông tin.

– VBT Tự nhiên và Xã hội 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

– HS quan sát hình bạn ở trang 14 SGK và trả lời câu hỏi: Bạn trong hình bị làm sao? Em hoặc người nhà đã bao giờ bị như vậy chưa?

– HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân. Từ câu trả lời của HS, GV định hướng đến nội dung của bài học.

1. Một số lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống

** Mục tiêu*

Kể được tên một số đồ dùng và thức ăn, đồ uống có thể gây ngộ độc nếu không được cất giữ, bảo quản cẩn thận.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

– *Phương án 1:* HS quan sát các hình 1 – 7 ở trang 14, 15 SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Hãy nói thức ăn, đồ uống và đồ dùng có thể gây ngộ độc qua đường ăn uống trong các hình.

+ Hãy kể một số thức ăn, đồ uống và đồ dùng có thể gây ngộ độc qua đường ăn uống có trong nhà em.

– *Phương án 2:* HS làm câu 1 của Bài 3 VBT.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.

– HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

– GV chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Trao đổi thông tin thu thập được từ các nguồn khác nhau

*** Mục tiêu**

– Thu thập được thông tin về một số lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống.

– Nói được lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm 4

– Thảo luận nhóm 4 và hoàn thành Phiếu thu thập thông tin sau:

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

STT	Lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống	Từ nguồn thông tin
1	Ăn bánh mốc	Xem ti vi
2		
3		
4		

– Thành viên nhóm thay phiên nhau đóng vai bác sĩ để nói với bạn lí do gây ngộ độc qua đường ăn uống.

Cụ thể: Các bạn trong nhóm chia làm hai cặp. Với mỗi cặp, một HS đóng vai hỏi: “Thưa bác sĩ vì sao chúng ta lại bị ngộ độc ạ?”, một HS đóng vai bác sĩ để trả lời. Sau đó hai HS đổi vai nhau.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- Các HS còn lại sẽ đặt câu hỏi và nhận xét phần trình bày của các bạn (bao gồm cả phần đóng vai bác sĩ).
- GV hoàn thiện phần trình bày của HS và khen ngợi bạn đóng vai bác sĩ tốt nhất.

2. Những việc làm để phòng tránh và xử lý khi bị ngộ độc qua đường ăn uống

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu về những việc làm để phòng tránh ngộ độc khi ở nhà

*** Mục tiêu**

- Nêu được những việc làm để phòng tránh ngộ độc khi ở nhà thông qua quan sát tranh ảnh.
- Đề xuất được những việc bản thân và các thành viên trong gia đình có thể làm để phòng tránh ngộ độc.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm 4

– *Phương án 1:* HS quan sát các hình ở trang 16 SGK để trả lời câu hỏi: Mọi người trong gia đình bạn An và bạn Hà đang làm gì để phòng tránh ngộ độc qua đường ăn uống?

– *Phương án 2:* HS làm câu 3 của Bài 3 VBT.

– Một HS đặt câu hỏi, một HS trả lời: Em và các thành viên trong gia đình cần phải làm gì để phòng tránh ngộ độc qua đường ăn uống?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.
- GV hoàn thiện phần trình bày của các nhóm.

Gợi ý: Đậy lồng bàn mâm cơm khi chưa ăn; Để thuốc vào tủ thuốc; Cất giữ các chất tẩy rửa hoặc hoá chất,... ở chỗ riêng, xa chỗ thức ăn và có nhãn mác để tránh sử dụng nhầm lẫn.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Đóng vai xử lý tình huống

* Mục tiêu

Đưa ra được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị ngộ độc.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc nhóm 6

- GV giao nhiệm vụ như sau:
- + Nhóm chẵn: Tập cách ứng xử khi bản thân bị ngộ độc.
- + Nhóm lẻ: Tập cách ứng xử khi người nhà bị ngộ độc.
- Các nhóm thảo luận, phân vai và tập đóng trong nhóm, GV hỗ trợ khi cần.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm lên đóng vai trước lớp.
- Các HS còn lại theo dõi, nhận xét phần đóng vai của các bạn.
- GV bình luận và hoàn thiện phần đóng vai của các nhóm.

Lưu ý: Nên cho một nhóm chẵn và một nhóm lẻ được lên đóng vai trước lớp.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV đánh giá kết quả học tập bài học thông qua:

- Kết quả làm câu 1, 3 của Bài 3 VBT.
- Phần thể hiện của HS/nhóm HS ở các Hoạt động 2, 4.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Bài 4. GIỮ VỆ SINH NHÀ Ở

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nhận biết được thế nào là nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp.
- Giải thích được tại sao phải giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Biết nhận xét về nhà ở và việc làm giữ vệ sinh nhà ở thông qua quan sát tranh ảnh và thực tế.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Làm được một số việc phù hợp để giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

- HS trao đổi với bạn bên cạnh: Câu tục ngữ “Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm” muốn nói với bạn điều gì?
- GV cho một số HS trao đổi trước lớp. Từ đó GV dẫn dắt vào bài học.

1. Sự cần thiết phải giữ sạch nhà ở

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Nhận xét về nhà ở trong tình huống cụ thể

** Mục tiêu*

- Nhận biết được thế nào là nhà ở sạch sẽ, gọn gàng.
- Biết nhận xét về nhà ở thông qua quan sát tranh ảnh.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát các hình ở các trang 18, 19 SGK để trả lời câu hỏi: Em có nhận xét gì về từng phòng trong nhà ở hình 1 và hình 2.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.
- GV chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

Gợi ý: Hình 1 gồm 4 phòng: a (phòng khách), b (phòng ngủ), c (phòng bếp), d (phòng vệ sinh). Các phòng đều chưa sạch sẽ, ngăn nắp. HS nói về từng hình (Ví dụ: 1a: Phòng khách chưa sạch vì có rác vứt ở dưới sàn, tường ẩm mốc, tỉ vi bụi bẩn. Ngoài ra, chén, đĩa trên bàn lộn xộn; một số đồ dùng để không đúng chỗ;...). Hình 2 cũng gồm 4 phòng như hình 1 nhưng sạch sẽ và ngăn nắp. HS nói về từng phòng (Ví dụ: 2d: Phòng vệ sinh sạch sẽ, ngăn nắp, thể hiện: bồn rửa mặt, bồn cầu sạch sẽ; khăn mặt, khăn tắm trắng sạch và để đúng nơi quy định,...).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Thảo luận về sự cần thiết phải giữ sạch nhà ở

*** Mục tiêu**

- Giải thích được tại sao phải giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).
- Biết nhận xét về nhà ở của mình thông qua quan sát thực tế.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm 4

– Nhóm thảo luận câu hỏi: Em thích được sống trong nhà như ở hình 1 hay hình 2? Vì sao?

- Nhận xét về việc giữ vệ sinh nhà ở của gia đình em.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- Các HS còn lại sẽ đặt câu hỏi và nhận xét phần trình bày của các bạn.
- GV hoàn thiện phần trình bày của các nhóm.

Gợi ý: HS thường trả lời thích sống ở nhà sạch vì nhà sạch sẽ mang lại cảm giác thoải mái, dễ chịu hoặc sống ở nhà bẩn sẽ cảm thấy mệt mỏi,... từ đó, cho thấy sự cần thiết phải giữ sạch nhà ở.

2. Một số việc làm để giữ sạch nhà ở

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu việc làm để giữ sạch nhà ở

*** Mục tiêu**

- Biết nhận xét về việc làm để giữ vệ sinh nhà ở thông qua quan sát tranh ảnh.
- Làm được một số việc phù hợp để giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh).

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

- *Phương án 1:* HS quan sát các hình ở trang 20, 21 SGK để trả lời các câu hỏi:
 - + Các thành viên trong gia đình bạn Hà và bạn An đang làm gì?
 - + Những việc làm đó có tác dụng gì?
- *Phương án 2:* HS làm câu 1 của Bài 4 VBT.
- Một HS đặt câu hỏi, một HS trả lời: Em và các thành viên trong gia đình đã làm gì để giữ sạch nhà ở? (Khuyến khích HS trình bày có kèm ảnh minh họa).

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.
- GV hoàn thiện phần trình bày của HS.
- GV nhắc nhở, hướng HS đến thông điệp: “Nhớ giữ sạch nhà ở hằng ngày, đặc biệt là nhà bếp và nhà vệ sinh các bạn nhé!”.

Gợi ý: hình 3: Bố lau chùi lò nướng; hình 4: Mẹ lau chùi bồn rửa mặt; hình 5: Ông phủi bụi tủ và bà quét nhà; hình 7: Bố cọ rửa nhà vệ sinh;...

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Thực hành quét nhà và lau bàn

*** Mục tiêu**

Biết sử dụng một số đồ dùng để quét nhà và lau bàn đúng cách.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm 6

– GV giao nhiệm vụ như sau:

*** Nhóm chẵn:** Thực hành quét nhà.

Quan sát hình trang 22 và cho biết:

+ Em cần chuẩn bị đồ dùng gì để quét nhà?

+ Nêu các bước quét nhà.

+ Từng thành viên thực hành quét nhà đúng theo các bước.

*** Nhóm lẻ:** Thực hành lau bàn.

Quan sát hình trang 22 và cho biết:

+ Em cần chuẩn bị đồ dùng gì để lau nhà?

+ Nêu các bước lau bàn.

+ Từng thành viên thực hành lau bàn đúng theo các bước.

Lưu ý: *Đổi nhiệm vụ của nhóm chẵn và nhóm lẻ.*

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm lên thực hành trước lớp.

– Các HS còn lại sẽ theo dõi, nhận xét phần thực hành của các bạn.

– GV bình luận và hoàn thiện phần thực hành của các nhóm.

Lưu ý: *Nên cho một nhóm thực hành quét nhà và một nhóm thực hành lau bàn trước lớp.*

IV. ĐÁNH GIÁ

GV đánh giá kết quả học tập bài học thông qua kết quả thảo luận của HS ở các hoạt động 1, 2, 3 (hoặc câu 1 của Bài 4 VBT) và phần thực hành ở Hoạt động 4.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Hệ thống được nội dung đã học về chủ đề *Gia đình*: các thế hệ trong gia đình; nghề nghiệp của người lớn trong gia đình; phòng tránh ngộ độc khi ở nhà và giữ vệ sinh nhà ở.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Củng cố kĩ năng quan sát, đặt câu hỏi, thu thập thông tin, trình bày và bảo vệ ý kiến của mình.

** Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

Xử lí tình huống để đảm bảo vệ sinh và an toàn cho bản thân và các thành viên trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Em đã học được những gì về chủ đề Gia đình?

Hoạt động 1: Giới thiệu về gia đình em

** Mục tiêu*

– Hệ thống được nội dung đã học về các thế hệ trong gia đình và nghề nghiệp của người lớn trong gia đình.

– Biết trình bày ý kiến của mình trong nhóm và trước lớp.

** Cách tiến hành*

Bước 1: Làm việc cá nhân

HS làm câu 1 của bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình trong VBT.

Bước 2: Làm việc nhóm 6

– *Phương án 1:* Từng HS giới thiệu với các bạn trong nhóm về gia đình mình theo sơ đồ trang 23 SGK.

– *Phương án 2:* HS giới thiệu với các bạn trong nhóm về gia đình mình qua tập ảnh gia đình (HS đã được yêu cầu chuẩn bị từ tiết trước).

– HS lắng nghe và có thể hỏi thêm (nếu cần).

Bước 3: Làm việc cả lớp

– Mỗi nhóm cử một HS giới thiệu về gia đình mình trước lớp.

– HS khác đặt câu hỏi, nhận xét và bình chọn những bạn giới thiệu ấn tượng về gia đình mình (Gợi ý tiêu chí nhận xét: chia sẻ nhiều thông tin về gia đình, nói rõ ràng, lưu loát và truyền cảm,...).

Hoạt động 2: Chia sẻ thông tin và tranh ảnh

* Mục tiêu

– Thu thập được thông tin và tranh ảnh về công việc, nghề nghiệp có thu nhập và công việc tình nguyện.

– Chia sẻ được với các bạn những thông tin và tranh ảnh đã thu thập.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

– Từng HS chia sẻ thông tin và tranh ảnh đã thu thập về công việc, nghề nghiệp có thu nhập và công việc tình nguyện.

– Nhóm trao đổi cách trình bày các thông tin và tranh ảnh của nhóm (GV khuyến khích HS sáng tạo trong trình bày sản phẩm, có thể trình bày theo bảng / sơ đồ tư duy/...).

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả làm việc.

– HS khác đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung thông tin.

– GV hoàn thiện kết quả trình bày của các nhóm; Tuyên dương nhóm chia sẻ nhiều thông tin, tranh ảnh và có cách trình bày sáng tạo.

2. Xử lý tình huống

Hoạt động 3: Xử lý tình huống

* Mục tiêu

Xử lý tình huống để đảm bảo vệ sinh và an toàn cho bản thân và các thành viên trong gia đình.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm 4

– Nhóm lẻ: Từng cá nhân đọc tình huống 1 trong SGK, nhóm thảo luận tìm cách xử lý tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lý của nhóm.

– Nhóm chẵn: Từng cá nhân đọc tình huống 2 trong SGK, nhóm thảo luận tìm cách xử lý tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lý của nhóm.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện nhóm lẻ và nhóm chẵn lên bảng đóng vai thể hiện cách xử lý tình huống.

– HS khác/GV nhận xét, hoàn thiện cách xử lý tình huống của từng nhóm.

Lưu ý: Tạo cơ hội để nhiều nhóm được đóng vai thể hiện cách xử lý tình huống trước lớp.

Bước 3: Làm việc cá nhân

HS viết cam kết và cùng gia đình thực hiện để giữ nhà ở sạch sẽ và an toàn theo gợi ý sau:

Họ và tên:	
CAM KẾT	
Giữ nhà ở sạch sẽ	Giữ nhà ở an toàn
1. Quét nhà	1.
2.	2.
3.	3.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV đánh giá kết quả học tập thông qua kết quả làm việc của HS ở các Hoạt động 1, 2, 3.

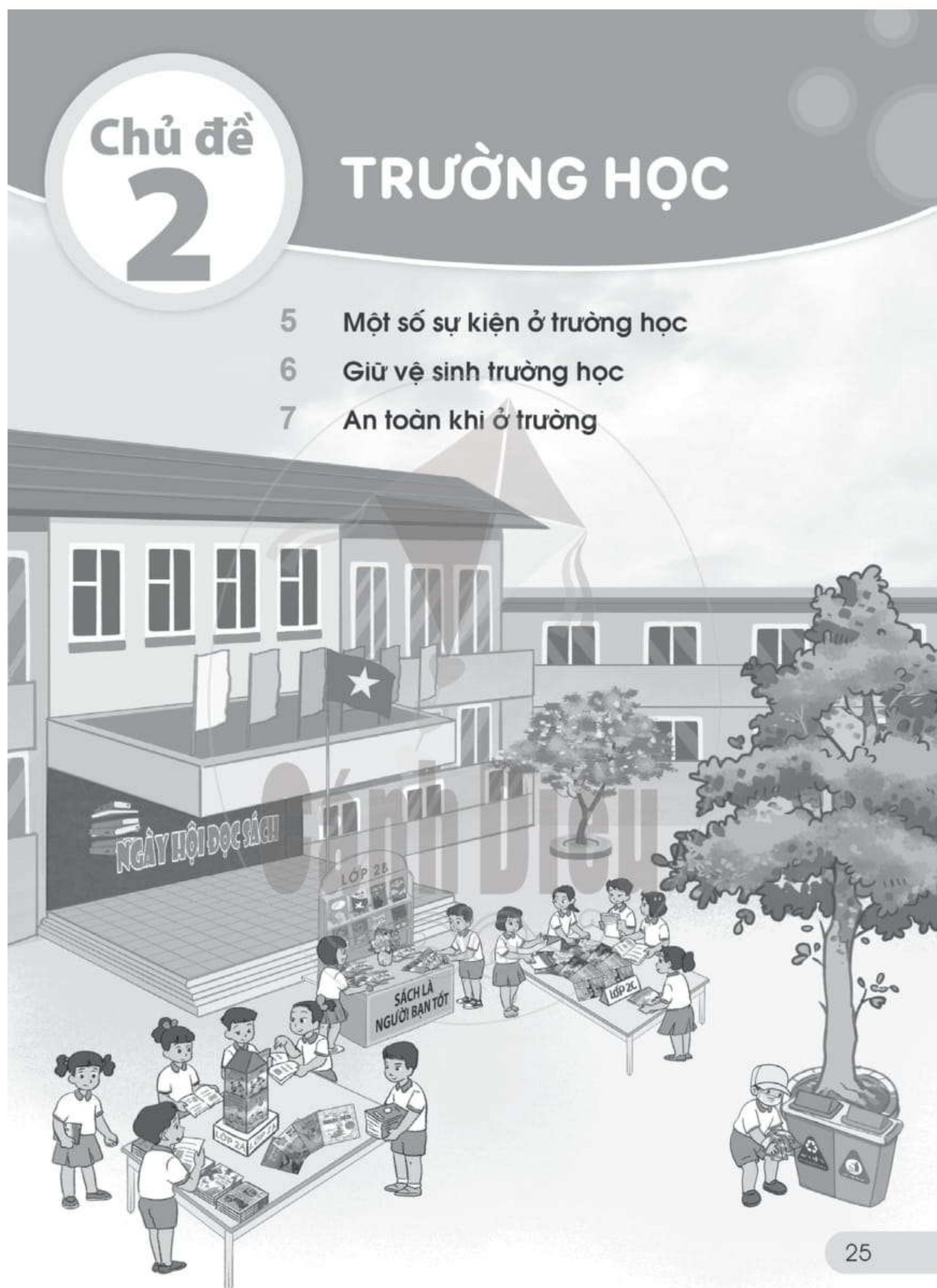
Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Hoạt động 1 đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Hoạt động 3.

Chủ đề 2. TRƯỜNG HỌC

(10 tiết)



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Dạy học chủ đề *Trường học* trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 nhằm hình thành và phát triển ở HS năng lực khoa học với những biểu hiện cụ thể của các thành phần năng lực như sau:

1. Nhận thức khoa học

- Nêu được tên, ý nghĩa và các hoạt động của một số sự kiện thường được tổ chức ở trường.
- Xác định được các hoạt động của HS khi tham gia các sự kiện ở trường.
- Nêu được sự cần thiết phải giữ vệ sinh trường học.
- Xác định được một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trong khi tham gia những hoạt động ở trường và cách phòng tránh.

2. Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

- Nhận xét được sự tham gia của HS trong những sự kiện ở trường và chia sẻ cảm nhận của bản thân.
- Đánh giá được việc giữ vệ sinh của HS khi tham gia các hoạt động ở trường.
- Phân tích được một số tình huống nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra trong khi tham gia các hoạt động ở trường.

3. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Làm được một số việc thiết thực để chuẩn bị cho một sự kiện sẽ được tổ chức ở trường.
- Thực hiện được việc giữ vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở trường.
- Biết cách phòng tránh nguy hiểm, rủi ro khi tham gia các hoạt động ở trường.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

Chủ đề *Trường học* bao gồm những vấn đề gần gũi với cuộc sống, vì vậy các em HS có nhiều kinh nghiệm liên quan đến nội dung học tập. Dựa vào đặc điểm này, khi tổ chức các hoạt động dạy học, GV cần khai thác những kinh nghiệm vốn có của HS khi tham gia các sự kiện, các hoạt động trong nhà trường để dẫn dắt các em tự khám phá ra kiến thức của bài học.

Các phương pháp, hình thức tổ chức để dạy chủ đề *Trường học* cần được sử dụng phối hợp, linh hoạt, trong đó chú trọng đến việc tổ chức cho HS học qua trò chơi, qua đóng vai xử lý tình huống,...

Bài 5. MỘT SỐ SỰ KIỆN Ở TRƯỜNG HỌC

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nêu được tên, ý nghĩa và các hoạt động của một đến hai sự kiện thường được tổ chức ở trường.
- Xác định được các hoạt động của HS khi tham gia các sự kiện ở trường.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Nhận xét được sự tham gia của HS trong các sự kiện ở trường và chia sẻ cảm nhận của bản thân.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Làm được một số việc thiết thực để chuẩn bị cho một sự kiện sẽ được tổ chức ở trường.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.
- GV chuẩn bị:
 - + Một số thẻ ghi câu đố và đáp án trong trò chơi “Đố bạn”.
 - + Một số hình ảnh về hoạt động của HS trong một số sự kiện của nhà trường.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

- GV cho HS hát một bài về trường học quen thuộc với các em (ví dụ bài: *Vui đến trường*).
 - Tiếp theo, GV đặt câu hỏi để kết nối vào bài học:
 - + Khi đến trường em có cảm nhận gì?
 - + Ở trường em được tham gia những sự kiện nào? Vào thời gian nào?
- Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về “Một số sự kiện ở trường học”.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động và ý nghĩa của một số sự kiện thường được tổ chức ở trường

Hoạt động 1: Xác định một số sự kiện thường được tổ chức ở trường và ý nghĩa của sự kiện đó

* Mục tiêu

Nêu được tên, ý nghĩa của một số sự kiện thường được tổ chức ở trường.

* Cách tiến hành

1. GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”

– HS được chia thành hai nhóm lớn. Mỗi nhóm được phát ba câu đố (xem Phụ lục 1).

– Nhóm 1 cử một bạn đọc câu đố, nhóm 2 trả lời. Nếu trả lời được, nhóm 2 sẽ đọc câu đố cho nhóm 1 trả lời. Nếu nhóm nào trả lời không đúng hoặc không trả lời được là thua.

Kết thúc trò chơi, GV chốt lại tên một số sự kiện thường được tổ chức ở trường được đề cập đến trong phiếu trò chơi và ý nghĩa của sự kiện đó (xem Phụ lục 2).

2. GV yêu cầu một số HS trả lời câu hỏi trang 26 SGK: Hãy kể tên một số sự kiện được tổ chức ở trường.

Hoạt động 2: Tìm hiểu một số hoạt động được tổ chức trong Ngày Khai giảng

* Mục tiêu

Nêu được một số hoạt động trong Ngày Khai giảng.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát các hình trang 27 SGK và lần lượt nói với nhau về một số hoạt động thường diễn ra trong Ngày Khai giảng.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp. HS khác nhận xét.

– GV có thể sửa hoặc bổ sung câu trả lời của HS (xem gợi ý câu trả lời ở Phụ lục 2). Đồng thời GV chốt lại ý chính: Ngày Khai giảng thường có hai phần, đó là phần Lễ và phần Hội. Phần Lễ: chào cờ, hát Quốc ca, Hiệu trưởng đọc diễn văn khai giảng. Phần Hội là các tiết mục văn nghệ, đồng diễn thể dục, thể thao.

– GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trang 27 SGK:

(1) Kể về một số hoạt động trong Ngày Khai giảng ở trường em.

(2) Nêu ý nghĩa của Ngày Khai giảng.

2. Sự tham gia của HS trong một số sự kiện được tổ chức ở trường

Hoạt động 3: Tìm hiểu về sự tham gia của HS trong một số sự kiện

* Mục tiêu

Nhận xét được sự tham gia của HS trong các sự kiện ở trường.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát các hình trang 28 SGK và nhận xét về sự tham gia của các bạn ở mỗi hình trong Ngày hội Đọc sách.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp. HS khác nhận xét.

– GV có thể giúp HS hệ thống lại các nhận xét dựa vào gợi ý sau: Các bạn đã rất nhiệt tình tham gia các hoạt động văn nghệ; quyên góp sách; chăm chú đọc sách và viết cảm nghĩ về Ngày hội Đọc sách; xung phong giới thiệu sách,...

– GV yêu cầu một số HS trả lời các câu hỏi trang 28 SGK:

(1) Em đã tham gia hoạt động nào trong Ngày hội Đọc sách?

(2) Em thích hoạt động nào? Vì sao?

Hoạt động 4: Trò chơi “Lựa chọn hoạt động của HS cho phù hợp với từng sự kiện”

* Mục tiêu

Xác định được các hoạt động của HS phù hợp với từng sự kiện Vui tết Trung thu và Hội khoẻ Phù Đồng.

* Cách tiến hành

– *Phương án 1:* GV có thể tổ chức cho HS chơi theo nhóm, các nhóm lựa chọn và viết đáp án ra bảng con. Nhóm nào làm xong trước và đúng là thắng cuộc.

– *Phương án 2:* GV có thể cho HS chơi cá nhân bằng việc cho HS làm câu 4 trong Bài 5 VBT hoặc làm bài trên máy tính. Ai làm nhanh và đúng là thắng cuộc.

(Xem đáp án ở Phụ lục 3).

Kết thúc trò chơi, GV yêu cầu một số HS trả lời các câu hỏi trong SGK:

(1) Nhận xét về sự tham gia của các bạn trong sự kiện: Vui tết Trung thu, Hội khoẻ Phù Đổng, Ngày hội Đọc sách.

(Gợi ý: HS có thể nhận xét về sự tham gia của các bạn trong từng sự kiện kể trên hoặc nhận xét chung. Một số cụm từ GV có thể gợi ý để HS sử dụng như “hào hứng”; “tích cực”; “sôi nổi”;...).

(2) Em đã tham gia hoạt động nào trong các sự kiện trên?

Em cảm thấy như thế nào khi tham gia hoạt động đó.

Hoạt động 5: Tìm hiểu một số hoạt động HS có thể làm để chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam

* Mục tiêu

Kể được một số việc HS có thể làm để chuẩn bị cho Ngày Nhà giáo Việt Nam.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

Dựa vào một số gợi ý trong SGK trang 30, HS kể tên một số hoạt động các em có thể làm để chuẩn bị cho Ngày Nhà giáo Việt Nam. Đồng thời cũng đề xuất thêm các việc làm khác.

Bước 2: Làm việc cả lớp

Đại diện một số cặp giới thiệu kết quả làm việc trước lớp.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Chuẩn bị cho một sự kiện được tổ chức ở trường

* Mục tiêu

Làm được một số việc thiết thực để chuẩn bị cho một sự kiện sẽ được tổ chức ở trường.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

Dựa vào kết quả làm việc của Hoạt động 5, mỗi nhóm lựa chọn một hoạt động phù hợp với khả năng của nhóm mình để chuẩn bị.

GV đến các nhóm hỗ trợ các em lên kế hoạch và phân công nhau những công việc cụ thể.

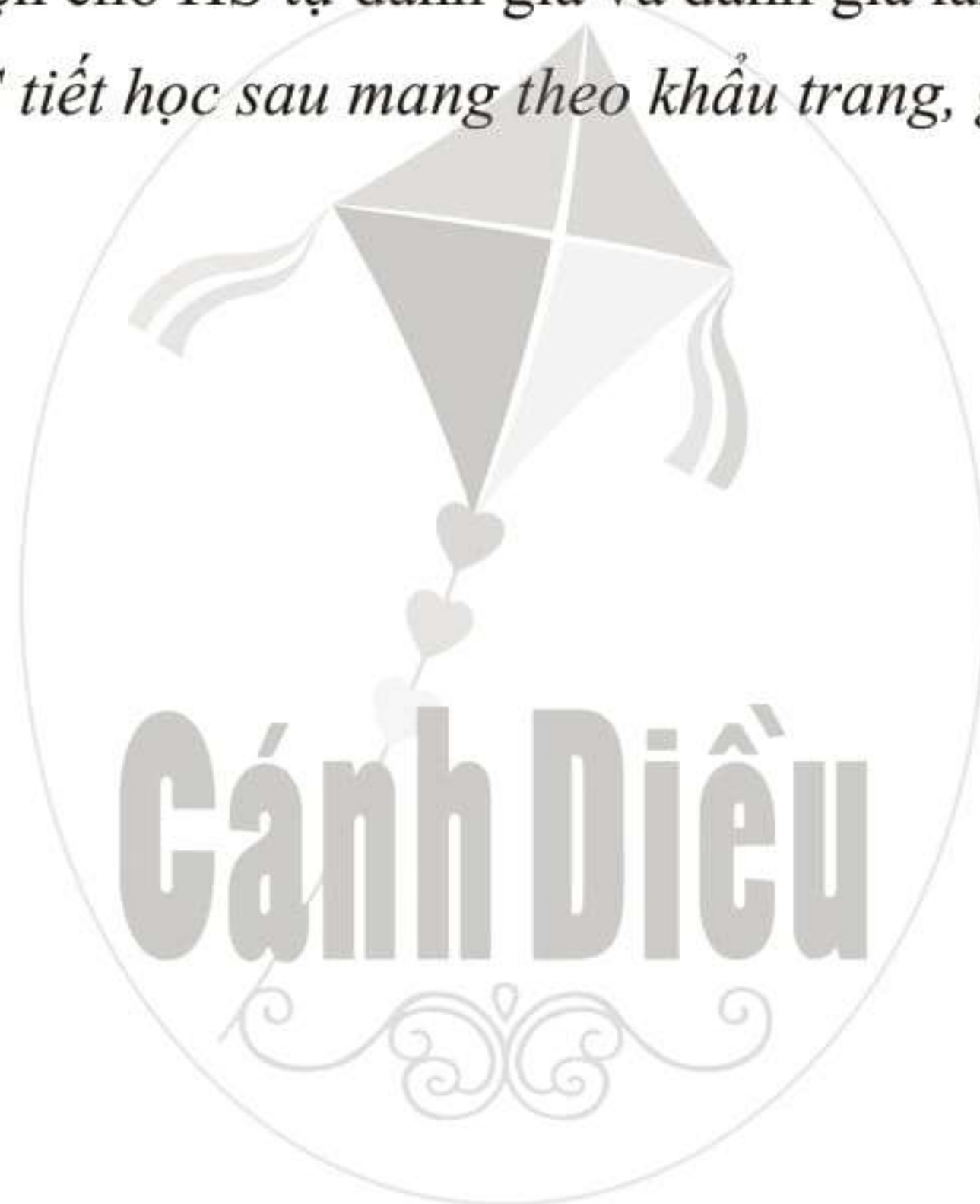
Bước 2: Làm việc cả lớp

- GV tổ chức cho các nhóm giới thiệu sản phẩm theo kỹ thuật “Hội chợ”.
- GV yêu cầu các nhóm tự đánh giá sản phẩm của nhóm mình và nhận xét sản phẩm của nhóm bạn.
- Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu một số HS: Nói về cảm nhận của em khi tham gia các hoạt động chuẩn bị cho Ngày Nhà giáo Việt Nam.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng sản phẩm của HS trong hoạt động “Chuẩn bị cho một sự kiện được tổ chức ở trường” để đánh giá việc vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học của các em và tạo điều kiện cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

Lưu ý: GV dặn HS tiết học sau mang theo khẩu trang, găng tay, túi đựng rác.



PHỤ LỤC 1

Một số câu đố trong trò chơi “Đố bạn”

Sự kiện nào được tổ chức vào tháng 3 để tôn vinh phụ nữ?

Sự kiện nào được tổ chức vào tháng 11 để tôn vinh thầy, cô giáo Việt Nam?

Sự kiện nào được tổ chức để chào mừng năm học mới?

Sự kiện nào được tổ chức để tôn vinh giá trị của sách?

Sự kiện nào được tổ chức để thúc đẩy phong trào thể dục, thể thao của nhà trường?

Sự kiện nào được tổ chức để chào đón tết Nguyên đán của dân tộc Việt Nam?

PHỤ LỤC 2

Một số sự kiện thường được tổ chức ở trường và ý nghĩa của sự kiện đó

Tên sự kiện	Ý nghĩa
1. Ngày Khai giảng	Chào mừng năm học mới
2. Ngày Nhà giáo Việt Nam	Tôn vinh thầy, cô giáo
3. Ngày Quốc tế Phụ nữ	Tôn vinh phụ nữ
4. Ngày hội Đọc sách	Tôn vinh giá trị của sách
5. Hội Chợ xuân	Chào đón tết Nguyên đán của dân tộc Việt Nam
6. Hội khoẻ Phù Đổng	Thúc đẩy phong trào thể dục, thể thao của nhà trường

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động chung cả lớp:

– HS quan sát hình ở trang 68 SGK.

– GV đặt câu hỏi:

+ Những con cá trong hồ còn sống hay chết?

+ Hãy đoán xem, vì sao cá bị chết nhiều như vậy? (HS có thể dự đoán do nhiều nguyên nhân: cá bị đói vì thiếu thức ăn, hoặc nhiệt độ quá nóng hay quá lạnh, hoặc nước trong hồ bị nhiễm độc,...).

– GV có thể giải thích thêm: Để cá sống khoẻ mạnh thì môi trường sống của cá phải đảm bảo:

+ Nước trong hồ sạch, không bị nhiễm các chất độc hại;

+ Đủ thức ăn;

+ Đủ khí trong lành để thở,...

Nếu chỉ có một vài con cá chết nổi trên mặt hồ thì chúng ta có thể không cần lưu ý. Tuy nhiên, khi cá chết nhiều và đồng loạt thì chắc chắn môi trường sống của cá không đáp ứng được nhu cầu. Chúng ta cùng tìm hiểu xem một số hoạt động của con người đã ảnh hưởng đến môi trường sống của thực vật và động vật như thế nào.

1. Hoạt động của con người làm thay đổi môi trường sống của thực vật và động vật

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số hoạt động của con người làm thay đổi môi trường sống

* Mục tiêu

– Kể được tên một số hoạt động của con người làm thay đổi môi trường sống của thực vật và động vật.

– Nêu được những hoạt động đó có ảnh hưởng tốt hay xấu đối với môi trường sống của thực vật và động vật.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc cá nhân

- HS quan sát các hình ở trang 69 SGK, nhận xét những việc làm của con người đã gây ảnh hưởng như thế nào đến môi trường sống của thực vật và động vật.
- HS quan sát hình, trả lời các câu hỏi 1, 2 ở trang 69 SGK.
- HS hoàn thành bảng theo mẫu sau hoặc làm câu 1 Bài 12 VBT (xem gợi ý trả lời ở Phụ lục 1).

Hình	Việc làm của con người	Làm thay đổi môi trường sống		Giải thích
		Tốt lên	Xấu đi	
1				

Bước 2: Làm việc nhóm

- HS chia sẻ với các bạn về bảng kết quả của mình. Các bạn cùng nhóm góp ý và bổ sung, hoàn thiện.
- Ghi chép kết quả vào giấy A2.

Bước 3: Làm việc cả lớp

Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Có thể mỗi nhóm trình bày kết quả làm việc với một hình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Kể tên một số việc con người đã làm ảnh hưởng đến môi trường sống của thực vật và động vật ở nơi em sống

*** Mục tiêu**

Củng cố, khắc sâu về một số việc làm của con người làm ảnh hưởng đến môi trường sống của thực vật, động vật.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm

Mỗi thành viên trong nhóm kể tên một số việc làm của con người gây ảnh hưởng đến môi trường sống của thực vật và động vật ở nơi em sống và ghi vào tờ giấy của mình. Mỗi bạn đọc kết quả của mình và xem những việc làm nào trùng nhau.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- HS được tổ chức thành hai nhóm lớn. Mỗi nhóm cử một trưởng nhóm.
- Hai HS xung phong làm trọng tài ghi điểm cho hai đội.
- Lần lượt mỗi nhóm cử một bạn nói tên một việc làm của con người làm ảnh hưởng đến môi trường sống, sau đó lần lượt đến các bạn tiếp theo (Có thể cho các bạn chơi thử trước khi chơi chính thức).
- Cách cho điểm: Mỗi một việc làm được tính 1 điểm. Nhóm nào nói lại tên việc làm đã được nhắc đến sẽ không được tính điểm. Trong một khoảng thời gian cho phép (ví dụ: 3 phút), nhóm nào được nhiều điểm hơn là thắng cuộc.

ĐÁNH GIÁ

Việc làm nào của con người làm cho môi trường trường sống của thực vật và động vật sạch hơn?

Đánh dấu × vào ☐ trước câu trả lời đúng.

- ☐ Xả rác bừa bãi xuống ao, hồ.
- ☐ Đi thuyền để vớt rác trôi nổi trong các ao, hồ.
- ☐ Chặt phá rừng bừa bãi.
- ☐ Trồng cây phủ xanh đất trống, đồi trọc.
- ☐ Đưa nước sạch vào ao nuôi cá.

Thay thế bài tập này, GV có thể cho HS làm câu 2 trong Bài 12 VBT.

2. Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu về ảnh hưởng của môi trường sống đối với thực vật và động vật

*** Mục tiêu**

- Kể được một số ảnh hưởng của môi trường sống đối với thực vật và động vật.
- Kể được một số nhu cầu cần thiết của thực vật và động vật đối với môi trường sống.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

- GV hướng dẫn HS quan sát các hình và trả lời các câu hỏi 1, 2 ở trang 70 SGK.

- Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời, sau đó đổi lại.
- Hoàn thành bảng sau hoặc GV có thể cho HS làm câu 3, Bài 12 VBT (xem gợi ý ở Phụ lục 2).

Hình	Nhận xét về môi trường sống của thực vật, động vật	Dự đoán điều sẽ xảy ra đối với thực vật/động vật sống trong môi trường đó
1		

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Một số cặp HS lên bảng trình bày kết quả làm việc của mình. Mỗi cặp HS có thể trình bày kết quả làm việc với một hình, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Các nhóm khác lên trình bày kết quả làm việc của nhóm mình lần lượt cho đến hết sáu hình.
- GV đặt câu hỏi:
 - + Qua các hình chúng ta vừa quan sát, em nhận thấy thực vật, động vật cần môi trường cung cấp những gì để sống? (GV có thể gợi ý bằng cách quay lại từng hình và chỉ rõ cây cối, cá cần nước, không khí,...; chuột túi cần không khí để thở, cần thức ăn, nước uống,...).
 - + Nếu không được cung cấp các nhu cầu kể trên thì thực vật, động vật sẽ thế nào? (Thực vật và động vật có thể chết vì không có thức ăn, nước uống, không khí,...).
- GV đặt câu hỏi: Vì sao phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật?
- GV gọi một số HS trả lời câu hỏi.
- GV chốt lại nội dung toàn bài ở trang 71 SGK.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Chơi trò chơi “Nếu, thì”

*** Mục tiêu**

Củng cố, khắc sâu về sự ảnh hưởng của môi trường sống đối với thực vật, động vật.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc cá nhân

GV yêu cầu HS đặt ra các câu “Nếu ... thì ...” theo cấu trúc:

- Nếu + một sự kiện/việc làm/hoạt động nào đó tác động đến môi trường.
- Thì + hậu quả hay kết quả của việc làm trên tác động đến môi trường, thực vật, động vật (xem gợi ý đáp án ở Phụ lục 3).

Bước 2: Làm việc theo nhóm

Chuẩn bị: HS đứng thành vòng tròn, các HS đứng cách nhau một sải tay; mỗi nhóm cần một quả bóng.

Cách chơi:

- HS 1 cầm bóng vừa nói “Nếu ...” vừa tung bóng cho bạn tiếp theo (Ví dụ: Nếu ao cạn nước).
- HS 2 bắt được bóng sẽ phải nói “thì ...” (Ví dụ: thì cá trong ao sẽ chết). Tiếp theo HS 2 tiếp tục vừa tung bóng cho bạn khác vừa nói “Nếu ...”.
- HS 3 bắt được bóng phải trả lời tiếp “thì ...” sau đó HS 3 tiếp tục vừa tung bóng cho bạn khác vừa nói “Nếu ...”,... Trò chơi cứ thế tiếp tục cho đến hết vòng tròn.
- Ai không bắt được bóng là thua, ai bắt được bóng nhưng nói câu “thì ...” bị chậm thì tất cả cùng đếm 1, 2, 3 mà không trả lời được cũng bị thua. Các bạn thua phải nhảy lò cò một đoạn.

Bước 3: Làm việc cả lớp

- Cả lớp thảo luận câu hỏi: Qua trò chơi, các em rút ra được điều gì?
- Vì sao phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật?
- GV yêu cầu HS đọc mục chốt kiến thức trang 71 SGK.

ĐÁNH GIÁ

Ngoài việc đánh giá quá trình thực hiện các hoạt động học tập của HS trong tiết học, trước khi kết thúc tiết học, GV có thể sử dụng câu 4, Bài 12 VBT để đánh giá kết quả học tập của HS trong tiết học này.

3. Những việc có thể làm để bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 5: Chơi trò chơi “Ghép cặp”

* Mục tiêu

Tìm hiểu một số việc làm bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật và tác dụng của việc làm đó đối với môi trường sống.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc cả lớp

– GV lần lượt chiếu hoặc treo các hình a, b, c, d trang 72 SGK lên bảng và cho cả lớp thảo luận câu hỏi:

Trong mỗi hình, con người đã làm gì để bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật?

– Giải thích nội dung các hình ở trang 72 SGK:

Thẻ hình	Việc làm giúp bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật
a	Thủy trúc sống thành bụi và có bộ rễ dày, có khả năng hấp thụ các chất độc hại, hút mùi khiến cho dòng nước trở nên sạch hơn. Chính nhờ đặc tính này mà người ta thường trồng thủy trúc thành bè trên các sông, hồ giúp làm sạch nước.
b	Người ta trồng thông non ở các khu đồi, đất trống... có khí hậu và đất đai phù hợp với cây thông. Sau này những nơi này sẽ trở thành các rừng thông, giúp không khí trong lành, đất không bị xói mòn, thu hút động vật đến sinh sống.
c	Rừng ngập mặn có ở các vùng đất ngập nước ven biển, là nơi sống của nhiều động vật như cá sấu, chim, hươu, khỉ, ong,... Rất nhiều loài chim di cư phụ thuộc vào rừng ngập mặn như sếu, bồ nông, cò thìa. Nhiều loài cá, tôm, cua sống ở đáy bùn của rừng ngập mặn,... Vì vậy, việc trồng rừng ngập mặn tạo ra môi trường sống cho nhiều thực vật và thu hút nhiều động vật đến sinh sống.
d	Sau mỗi buổi tham quan, chúng ta nên dọn sạch rác, bỏ rác đúng nơi quy định để giữ sạch môi trường, giữ gìn vệ sinh cho mọi người.

Bước 2: Làm việc nhóm

– GV hướng dẫn HS đọc các thẻ chữ và ghép với các thẻ hình đã quan sát ở Bước 1 sao cho phù hợp.

– Dán vào giấy A2 các thẻ chữ và thẻ hình phù hợp cạnh nhau (xem đáp án ở Phụ lục 4).

Bước 3: Làm việc cả lớp

– GV gọi một số nhóm lên bảng trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

(Để gọi được nhiều nhóm lên trình bày kết quả, có thể mỗi nhóm chỉ trình bày ghép một cặp hình và chữ)

– GV nêu vấn đề:

+ Trong thực tế, các em và mọi người xung quanh cần làm gì để bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật?

+ HS xung phong kể tên các việc cần làm của bản thân và mọi người xung quanh.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Thực hành viết khẩu hiệu hoặc vẽ tranh bảo vệ môi trường

* Mục tiêu

Củng cố nhận biết các việc làm bảo vệ môi trường của bản thân và chia sẻ với mọi người xung quanh.

* Cách tiến hành

– GV hướng dẫn HS quan sát các tranh vẽ và các khẩu hiệu bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.

– HS tự tìm tòi và lựa chọn chủ đề cho tranh vẽ/khẩu hiệu của mình.

– HS giới thiệu với các bạn trong nhóm về bức tranh của mình.

– GV cho một số HS giới thiệu tranh vẽ của mình trước lớp.

ĐÁNH GIÁ

Ngoài việc đánh giá quá trình thực hiện các hoạt động học tập của HS trong tiết học, trước khi kết thúc tiết học, GV có thể sử dụng câu 5, Bài 12 VBT để đánh giá nhanh kết quả học tập của HS trong tiết học này.

PHỤ LỤC 1

Hình	Việc làm của con người	Làm thay đổi môi trường sống		Giải thích
		Tốt lên	Xấu đi	
1	Xả rác bừa bãi xuống ao, hồ (có nhiều rác thải nổi lên mặt hồ)		×	Rác thải phân huỷ có thể tạo thành nhiều chất độc hại đối với thực vật và động vật sống trong ao, hồ.
2	Đi thuyền để vớt rác trôi nổi trong các ao, hồ	×		Lấy đi rác thải, làm cho môi trường sạch sẽ.
3	Chặt phá rừng bừa bãi		×	Phá rừng làm mất nơi sống, nguồn thức ăn của nhiều động vật sống trong rừng.
4	Trồng cây (có thể trồng cây trong vườn, trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc,...)	×		Trồng cây có nhiều lợi ích: Cây xanh cung cấp thức ăn cho động vật ăn thực vật, tạo ra không khí trong lành, tạo môi trường sống thu hút nhiều động vật khác đến sinh sống,...

PHỤ LỤC 2

Hình	Nhận xét về môi trường sống của thực vật, động vật	Dự đoán điều sẽ xảy ra đối với thực vật / động vật sống trong môi trường đó
1	Rừng bị cháy, chuột túi mất nơi sống, đang chạy trốn vì ngột ngạt.	Nếu không tìm được nơi sống mới phù hợp, chuột túi có thể sẽ chết vì ngột thở, thiếu thức ăn,...
2	Nước trong ao, hồ đang sắp bị cạn. Cá khó thở vì thiếu không khí trong nước.	Nếu nước cạn hết, cá sẽ chết vì ngột thở.

Hình	Nhận xét về môi trường sống của thực vật, động vật	Dự đoán điều sẽ xảy ra đối với thực vật / động vật sống trong môi trường đó
3	Đất ruộng lúa khô nứt nẻ vì hạn hán.	Cây lúa có thể sẽ chết vì không đủ nước nuôi cây.
4	Hạn hán làm đất khô cằn, cỏ không mọc được.	Trâu có thể chết vì không kiếm được thức ăn.
5	Nước thải của nhà máy không qua xử lí, đổ thẳng ra ao, hồ.	Trong nước thải nhà máy có nhiều chất độc hại, có thể khiến cho thực vật, động vật sống trong ao, hồ bị chết.
6	Lũ lụt làm ngập cây cối, nhà cửa.	Cây bị ngập lâu trong nước sẽ chết vì rễ cây không thở được. (Nhà cửa bị ngập khiến cho người và vật nuôi phải chuyển đi nơi khác sinh sống,...)

PHỤ LỤC 3

Nếu	Thì
rừng bị đốt làm nương	thực vật bị chết, động vật bị mất nơi sống.
nước thải đổ thẳng ra sông, suối	thực vật, động vật sống ở sông suối có thể bị ngộ độc.
vứt rác xuống ao, hồ	thực vật, động vật sống ở ao, hồ có thể bị ngộ độc.
xả rác bừa bãi	môi trường sống bị ô nhiễm.
trời hạn hán, đồng ruộng nứt nẻ	cây cối không mọc được hoặc bị chết do không đủ nước nuôi cây.
trời hạn hán, cỏ không mọc được	trâu bò không có cỏ để ăn.
lũ lụt	cây cối có thể chết vì ngập lâu trong nước.

Nếu	Thì
trời hạn hán, ao hồ khô cạn	thực vật, động vật sống trong ao, hồ mất nơi sống.
phun thuốc trừ sâu ở ruộng lúa	các động vật trong ruộng lúa có thể bị chết vì ngộ độc.
sử dụng túi ni lông dùng một lần thường xuyên	môi trường sẽ bị ô nhiễm vì nhựa rất khó phân huỷ.
dùng bình đựng nước uống mang đi học	môi trường sẽ bớt ô nhiễm vì rác thải nhựa được hạn chế.

PHỤ LỤC 4

Thẻ chữ	Thẻ hình	Thẻ chữ	Thẻ hình
1	a	3	b
2	c	4	d

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3: Từ Hoạt động 5 đến hết Hoạt động 6.

Bài 13. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU MÔI TRƯỜNG SỐNG CỦA THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

(4 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Kết nối được các kiến thức đã học về nơi sống của thực vật và động vật trong bài học và ngoài thiên nhiên.
- Biết sử dụng một số đồ dùng cần thiết khi đi tham quan thiên nhiên.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

- Quan sát, đặt và trả lời được câu hỏi về môi trường sống của thực vật và động vật ngoài thiên nhiên.
- Tìm hiểu, điều tra và mô tả được một số thực vật và động vật xung quanh.
- Biết cách ghi chép khi quan sát và trình bày kết quả tham quan.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

- Có ý thức bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật.
- Có ý thức giữ an toàn khi tiếp xúc với các cây và con vật ngoài thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các phiếu điều tra, các đồ dùng cần mang theo.
- Giấy A0, A2.
- Phiếu tự đánh giá.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Chuẩn bị đi tìm hiểu, điều tra

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Chuẩn bị đi tìm hiểu, điều tra

** Mục tiêu*

- Nêu được một số đồ dùng cần mang khi đi tìm hiểu, điều tra môi trường sống của thực vật và động vật.

– Biết được một số cách để thu thập thông tin khi đi tìm hiểu, điều tra thực vật và động vật.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cá nhân

HS quan sát hình các đồ dùng và trả lời câu hỏi ở trang 74 SGK: Em cần chuẩn bị những gì khi đi tìm hiểu, điều tra về thực vật và động vật xung quanh?

Bước 2: Làm việc nhóm

HS trong mỗi nhóm cùng thảo luận để trả lời các câu hỏi:

– Những đồ dùng nào cần mang khi đi tham quan thiên nhiên?

– Vai trò của những đồ dùng đó là gì?

Bước 3: Làm việc cả lớp

– Đại diện nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm.

– GV hỏi: Để bảo vệ môi trường, hạn chế rác thải nhựa, chúng ta nên đựng nước và đồ ăn bằng vật dụng gì? (Gợi ý: Hiện nay, nhiều người có thói quen dùng đồ ăn nhanh, nước đóng chai,... bằng đồ nhựa. Đồ nhựa gây nhiều tác hại cho môi trường sống của con người và động vật. Vì vậy, chúng ta cần giảm thiểu bằng cách: không sử dụng đồ nhựa dùng một lần, dùng tối đa các đồ có thể tái sử dụng như chai, lọ, hộp nhựa đựng thức ăn, giấy gói hoặc lá gói thức ăn,...)

– Những lưu ý khi đi tìm hiểu, điều tra để giữ an toàn cho bản thân. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc bảng “Hãy cẩn thận!” trang 76 SGK)

Hoạt động 2: Đưa ra một số cách và nội dung để thu thập thông tin về môi trường sống của thực vật, động vật

* Mục tiêu

– Kể được những cách thu thập thông tin về thực vật, động vật và môi trường sống của chúng.

– Nêu được nội dung đi tìm hiểu, điều tra môi trường sống của thực vật và động vật.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc nhóm

HS trong mỗi nhóm cùng quan sát hình 1 trang 74 SGK và hình 2 trang 75 SGK rồi trả lời các câu hỏi:

– Các bạn trong hình đã sử dụng cách nào để thu thập thông tin về thực vật, động vật và môi trường sống của chúng?

– Dựa vào mẫu phiếu điều tra, hãy cho biết em cần tìm hiểu, điều tra những gì?

PHIẾU ĐIỀU TRA				
Họ và tên:		Nhóm:		
Địa điểm:		Thời gian:		
Tên cây hoặc con vật	Môi trường sống			
	Trên cạn	Dưới nước	Những thực vật và động vật khác ở xung quanh	Nhận xét (nếu có)
Cây sen		x	Cây súng, bèo tấm, chuồn chuồn, cá rô phi, cua,...	Nước hồ sạch, không có rác.
?	?	?	?	?

Bước 2: Làm việc cả lớp

Đại diện nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm:

– Cách thu thập thông tin về thực vật, động vật và môi trường sống của chúng. (Bằng cách quan sát thực tế, phỏng vấn người thân, thầy cô giáo hay người địa phương để thu thập thông tin)

– Em cần tìm hiểu, điều tra những gì? (Các cây/con vật; các thực vật, động vật xung quanh chúng; môi trường sống (nếu có))

– Em cần lưu ý những gì khi đi tham quan?

+ Khi đi tham quan, nhớ đi theo nhóm và lắng nghe hướng dẫn của thầy, cô giáo.

+ Lưu ý giữ an toàn cho bản thân: không hái hoa, bẻ cành lá; không sờ vào bất cứ con vật nào.

Bước 3: Củng cố

– GV hướng dẫn HS:

+ Cách quan sát ngoài thiên nhiên: Quan sát cây, con vật và môi trường sống.

+ Cách ghi chép trong Phiếu quan sát: Ghi nhanh những điều quan sát được theo mẫu phiếu và những điều chú ý mà em thích vào cột “Nhận xét” của phiếu.

– GV lưu ý, nhắc nhở HS:

+ Tuân thủ theo nội quy, hướng dẫn của GV, nhóm trưởng.

+ Chú ý quan sát, chia sẻ, trao đổi với các bạn khi phát hiện ra những điều thú vị hoặc em chưa biết để cùng nhau tìm ra câu trả lời và chia sẻ những hiểu biết của mình với các bạn trong nhóm cũng như học hỏi từ các bạn,...

+ HS đựng nước vào bình nhựa, đồ ăn đựng trong hộp, hạn chế sử dụng nước uống đóng chai và đựng thức ăn bằng túi ni lông,...

+ Cần cẩn thận khi tiếp xúc với các cây cối và con vật: không hái hoa, bẻ cành, lá, không sờ hay trêu chọc bất cứ con vật nào.

2. Đi tìm hiểu, điều tra

Hoạt động 3: Đi tìm hiểu, điều tra

* Mục tiêu

– Thực hành quan sát, tìm hiểu, điều tra thực vật, động vật và môi trường sống của chúng.

– Biết cách tìm hiểu, điều tra, ghi chép theo mẫu phiếu.

– Thực hiện nội quy khi đi tìm hiểu, điều tra.

* Cách tiến hành

Bước 1: Chia nhóm

– GV hướng dẫn HS chia thành từng nhóm, mỗi nhóm 4 – 6 HS, bầu nhóm trưởng, nhóm phó, giao nhiệm vụ cho từng thành viên.

– Hướng dẫn HS thực hiện nội quy theo nhóm.

– Hướng dẫn HS cách quan sát xung quanh:

+ Quan sát, nói tên cây, con vật sống trên cạn, mô tả môi trường sống của chúng.

+ Quan sát, nói tên cây, con vật sống dưới nước, mô tả môi trường sống của chúng.

+ Lưu ý HS quan sát những con vật có thể rất nhỏ ở dưới đám cỏ (như con kiến, cuốn chiếu,...), đến những con vật nép mình trong các tán lá cây (như bọ ngựa, bọ cánh cứng,...).

Bước 2: Tổ chức tham quan

– GV theo dõi các nhóm và điều chỉnh các nhóm qua các nhóm trưởng và nhóm phó.

– Nhắc nhở HS:

+ Giữ gìn an toàn khi tiếp xúc với các cây cối và con vật; giữ gìn vệ sinh khi đi tìm hiểu, điều tra.

+ Đội mũ, nón.

+ Vứt rác đúng nơi quy định,...

3. Trình bày kết quả

Hoạt động 4: Báo cáo kết quả

* Mục tiêu

– Biết làm báo cáo khi đi tìm hiểu, điều tra.

– Trình bày kết quả báo cáo.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cá nhân

– HS trả lời câu hỏi: Các em đã quan sát thấy những gì?

– HS ghi kết quả của mình vào báo cáo.

– HS hoàn thiện báo cáo theo mẫu Phiếu điều tra.

Bước 2: Làm việc nhóm

– Mỗi nhóm báo cáo về kết quả điều tra thực vật, động vật sống ở môi trường trên cạn, môi trường dưới nước.

– Mỗi nhóm hoàn thành báo cáo vào giấy khổ A2 theo mẫu Phiếu điều tra và trình bày thêm hình ảnh, sơ đồ,... theo sự sáng tạo của từng nhóm. GV khuyến khích HS ngoài việc thực hiện báo cáo theo mẫu, các em có thể sáng tạo, trình bày báo cáo theo cách riêng của mỗi nhóm và tuyên dương những nhóm có sáng tạo đặc biệt.

Bước 3: Làm việc cả lớp

– Cử đại diện của mỗi nhóm lên trình bày, HS khác nhận xét, hỏi nhóm bạn.

– Chọn ra nhóm làm tốt nhất, tuyên dương, tổng kết,...

Gợi ý phân bố thời lượng:

Tiết 1: Từ Hoạt động 1 đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2, 3: Hoạt động 3.

Tiết 4: Hoạt động 4.

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Hệ thống lại các kiến thức đã học về chủ đề *Thực vật và động vật*: môi trường sống và phân loại thực vật, động vật theo môi trường sống.
- Những việc nên làm để bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Đóng vai xử lý tình huống bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Có ý thức bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.
- Phiếu tự đánh giá.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Em đã học được gì về chủ đề Thực vật và Động vật?

Hoạt động 1: Giới thiệu về môi trường sống và phân loại thực vật và động vật theo môi trường sống

** Mục tiêu*

- Hệ thống được nội dung đã học về môi trường sống và phân loại thực vật và động vật theo môi trường sống.
- Biết trình bày ý kiến của mình trong nhóm và trước lớp.

** Cách tiến hành*

Bước 1: Làm việc cá nhân

Mỗi HS hoàn thành Phiếu học tập về chủ đề (in sơ đồ trang 79 SGK vào giấy A4) hoặc làm câu 1 của bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Thực vật và động vật (VBT).

Bước 2: Làm việc nhóm

- Từng HS giới thiệu với các bạn trong nhóm về môi trường sống và phân loại thực vật và động vật theo môi trường sống theo sơ đồ trang 79 SGK.
- Các HS khác lắng nghe và có thể hỏi thêm (nếu cần).

Bước 3: Làm việc cả lớp

- Mỗi nhóm cử một HS giới thiệu về môi trường sống và phân loại thực vật và động vật theo môi trường sống theo sơ đồ trang 79 SGK.
- Các HS khác nhận xét và góp ý.

Hoạt động 2: Trò chơi “Tìm môi trường sống cho cây và con vật”

*** Mục tiêu**

Củng cố, khắc sâu kiến thức về môi trường sống của thực vật, động vật.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc cả lớp

- GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 5 – 6 HS.
- Chia bộ ảnh các cây và các con vật mà HS và GV đã chuẩn bị cho mỗi nhóm.
- Mỗi nhóm có hai tờ giấy A4, trên mỗi tờ giấy ghi tên môi trường sống trên cạn/ môi trường sống dưới nước.

Bước 2: Làm việc nhóm

HS đặt tranh/ảnh các cây, con vật vào tờ giấy ghi tên môi trường sống cho phù hợp.

Bước 3: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (xem đáp án ở Phụ lục).

2. Xử lý tình huống

Hoạt động 3: Xử lý tình huống bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật

*** Mục tiêu**

Thể hiện ý thức bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm 4

- Nhóm lẻ: Từng cá nhân quan sát hình 1 trong SGK, nhóm thảo luận tìm cách xử lý tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lý. Tình huống 1: Một bạn HS trên

đường đi học về gặp một bác đang vứt túi rác xuống ao, nếu là bạn trong hình thì em nên làm gì?

– Nhóm chẵn: Từng cá nhân quan sát hình 2 trong SGK, nhóm thảo luận tìm cách xử lý tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lý. Tình huống 2: Bố hỏi mẹ và con gái: “Mình có nên phun thuốc diệt cỏ không nhỉ?”. Nếu là bạn gái trong hình, em sẽ trả lời thế nào?

Bước 3: Làm việc cả lớp

– Đại diện nhóm lẻ và nhóm chẵn lên bảng đóng vai thể hiện cách xử lý tình huống.

– HS khác/GV nhận xét, hoàn thiện cách xử lý tình huống của từng nhóm.

Lưu ý: Tạo cơ hội để nhiều nhóm được đóng vai thể hiện cách xử lý tình huống trước lớp.

ĐÁNH GIÁ

Ngoài việc đánh giá quá trình thực hiện các hoạt động học tập của HS trong tiết học, trước khi kết thúc tiết học, GV có thể sử dụng câu 2 của bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Thực vật và động vật (VBT) để đánh giá nhanh kết quả học tập của HS trong tiết học này.

PHỤ LỤC

Môi trường sống trên cạn	Môi trường sống dưới nước
Con lợn, cây hoa hồng, cây cà rốt, con hươu, con trâu, cây phượng.	Con cá ngựa, con cá mực, con ốc, con ghẹ.

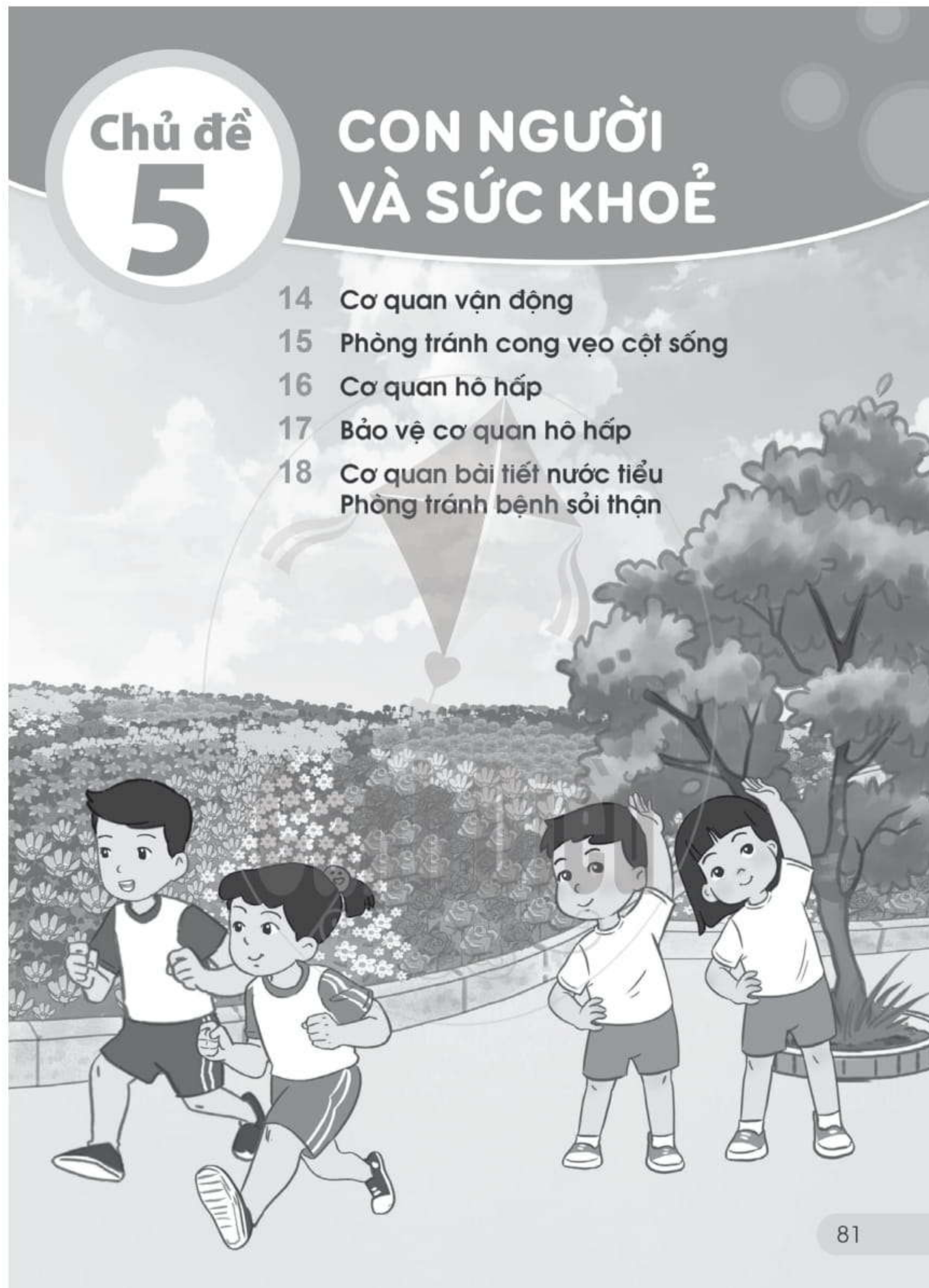
Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Hoạt động 1 đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Hoạt động 3.

Chủ đề 5. CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ

(15 tiết)



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Dạy học chủ đề *Con người và sức khỏe* trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 nhằm hình thành và phát triển ở HS năng lực khoa học với những biểu hiện cụ thể của các thành phần năng lực như sau:

1. Nhận thức khoa học

- Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của các cơ quan vận động, hô hấp và bài tiết nước tiểu trên sơ đồ.
- Nêu được sự cần thiết của việc hít vào, thở ra đúng cách.
- Nêu được sự cần thiết của việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận.

2. Tìm hiểu tự nhiên và xã hội xung quanh

Nhận biết được chức năng của các cơ quan nêu trên ở mức độ đơn giản ban đầu qua hoạt động hằng ngày của bản thân:

- Thực hành trải nghiệm để phát hiện vị trí của cơ, xương trên cơ thể và sự phối hợp của cơ, xương, khớp khi cử động.
- Nhận biết được chức năng của cơ quan hô hấp qua hoạt động hít vào, thở ra.
- Nhận biết được thói quen thở hằng ngày của bản thân.
- Nhận biết được chức năng của cơ quan bài tiết qua việc thải ra nước tiểu.

3. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học

- Đưa ra được dự đoán điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu một trong các cơ quan trên không hoạt động.
- Thực hiện được đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống.
- Thực hiện được việc hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi để bảo vệ cơ quan hô hấp.
- Thực hiện được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

Khi dạy chủ đề *Con người và sức khỏe* GV cần lưu ý:

- Tổ chức các hoạt động cho HS tự liên hệ bản thân, tìm tòi, phát hiện ra những việc nên và không nên làm để giữ cho cơ thể khỏe mạnh và an toàn.
- Tạo điều kiện cho HS trình bày những hiểu biết của các em về nội dung học tập hoặc giáo viên nêu vấn đề thực tế cần giải quyết.
- Các phương pháp chủ yếu để dạy học chủ đề này là: quan sát, thực hành, thảo luận nhóm, trò chơi.

Bài 14. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Chỉ và nói được tên các bộ phận chính và chức năng của các cơ quan vận động.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

– Thực hành trải nghiệm để phát hiện vị trí của cơ, xương trên cơ thể và sự phối hợp của cơ, xương, khớp khi cử động.

– Nhận biết được chức năng của xương và cơ qua hoạt động vận động.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Đưa ra được dự đoán điều gì sẽ xảy ra với cơ thể mỗi người nếu cơ quan vận động ngừng hoạt động.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

– GV tổ chức cho HS vừa múa, vừa hát một bài. Tiếp theo, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở trang 82 SGK: Em đã sử dụng bộ phận nào của cơ thể để múa, hát?

(Câu trả lời dự kiến: tay, chân để múa; miệng để hát)

– GV giảng: Để múa, hát, một số bộ phận của cơ thể chúng ta phải cử động. Cơ quan giúp cơ thể của chúng ta thực hiện các cử động được gọi là cơ quan vận động.

– GV yêu cầu 2 – 3 HS đọc mục “Em có biết?” trang 82 SGK.

– Tiếp theo, GV giới thiệu tiêu đề bài học.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Các bộ phận chính của cơ quan vận động

Hoạt động 1: Khám phá vị trí các bộ phận của cơ quan vận động trên cơ thể

* Mục tiêu

Xác định vị trí của cơ và xương trên cơ thể.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

– HS quan sát và làm theo gợi ý ở hình trang 82 SGK và nói với bạn những gì em cảm thấy khi dùng tay nắn vào các vị trí trên cơ thể như trong hình vẽ.

(Lưu ý: HS có thể dùng tay nắn vào các vị trí khác trên cơ thể. Ví dụ: HS 1 nắn vào ngón tay thấy cứng; HS 2 nắn vào lòng bàn tay và nói bàn tay mình mềm, ...)

– GV đi đến các nhóm đặt câu hỏi: các em có thể dự đoán bộ phận cơ thể em nắn vào thấy mềm đó là gì; bộ phận cơ thể em nắn vào thấy cứng đó là gì.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp. HS khác nhận xét.

– GV giảng:

+ Khi nắn vào những vị trí khác nhau trên cơ thể, nếu em cảm thấy có chỗ mềm, đó là cơ; nếu em cảm thấy cứng, đó là xương.

+ Cơ thể của chúng ta được bao phủ bởi một lớp da, dưới lớp da là cơ (khi nắn vào em thấy mềm, ví dụ ở bắp tay, đùi, mông), dưới cơ là xương (vì vậy, cần nắn sâu xuống em mới thấy phần cứng, đó là xương) hoặc ở một số chỗ da gắn liền với xương (khi nắn vào em thấy cứng, ví dụ như ở đầu).

Hoạt động 2: Xác định tên, vị trí một số xương chính và một số khớp xương

* Mục tiêu

Chỉ và nói được tên một số xương chính và khớp xương trên hình vẽ bộ xương.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cả lớp

GV hướng dẫn HS nói tên và cách chỉ vào vị trí của một số xương (hình 1), khớp xương (hình 2) trên các hình trang 83 SGK.

Bước 2: Làm việc theo cặp

Hai HS lần lượt thay nhau chỉ và nói tên một số nhóm xương chính trên hình 1 và một số khớp xương trên hình 2.

Bước 3: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp lên trước lớp chỉ và nói tên các xương chính trên hình 1.
- Các HS khác theo dõi, nhận xét.
- GV có thể cung cấp thêm kiến thức cho HS:
 - + Xương đầu gồm xương sọ và xương mặt.
 - + Xương cột sống được tạo nên bởi nhiều đốt sống.
 - + Nhiều xương sườn gắn với nhau tạo thành xương lồng ngực.
- Sau đó, GV mời một số cặp khác lên chỉ và nói tên một số khớp xương trên hình 2.
- Các HS khác theo dõi, nhận xét.
- GV có thể giải thích cho HS về khớp: Nơi hai hay nhiều xương tiếp xúc với nhau được gọi là khớp xương. Ở lớp 2, chúng ta chỉ học về các khớp cử động được.
- Tiếp theo, GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Chỉ và nói tên xương, khớp xương trên cơ thể em”. Mỗi nhóm cử một bạn lần lượt lên chơi.

Cách chơi như sau: Trong vòng 1 phút, đại diện nhóm nào nói được nhiều tên xương, khớp xương và chỉ đúng vị trí trên cơ thể của mình là thắng cuộc.

- Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu HS làm câu 1 của Bài 14 VBT.

Hoạt động 3: Xác định tên, vị trí một số cơ chính

*** Mục tiêu**

Chỉ và nói được tên một số cơ chính trên hình vẽ hệ cơ.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát hình hệ cơ nhìn từ mặt trước và mặt sau trang 84 SGK và GV yêu cầu các em lần lượt chỉ và nói tên các cơ chính.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp lên chỉ vào hình hệ cơ, nói tên các cơ chính. HS khác nhận xét.
- Tiếp theo, GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Chỉ và nói tên một số cơ trên cơ thể em”. Mỗi nhóm cử một bạn lần lượt lên chơi.

Cách chơi như sau: Trong vòng 1 phút, đại diện nhóm nào nói được nhiều tên cơ và chỉ đúng vị trí trên cơ thể của mình là thắng cuộc.

– Sau đó, GV yêu cầu HS làm câu 2 của Bài 14 VBT.

– Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu một số HS trả lời câu hỏi: “Cơ quan vận động bao gồm những bộ phận chính nào?” và đọc nội dung trong mục kiến thức cốt lõi trang 84 SGK.

2. Chức năng của cơ quan vận động

Hoạt động 4: Tìm hiểu chức năng vận động của cơ, xương, khớp

* Mục tiêu

Nói được tên các cơ, xương, khớp giúp HS thực hiện được một số cử động như cúi đầu, ngửa cổ, quay tay, co chân, đi, chạy,...

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

Nhóm trưởng điều khiển các bạn: Thực hiện các cử động như các hình vẽ trang 85 SGK và nói tên các cơ, xương, khớp giúp cơ thể em thực hiện được các cử động đó. Tiếp theo, HS sẽ ghi tên các cử động và tên các cơ, xương, khớp thực hiện cử động vào vở theo mẫu trang 85 SGK hoặc HS làm câu 3 trong Bài 14 VBT.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện các nhóm lên trình bày bảng tổng kết ghi lại kết quả làm việc của nhóm mình trước lớp. Các nhóm khác nhận xét.

– GV chữa bài làm của các nhóm đồng thời chốt lại kiến thức chính của hoạt động này:

+ Chúng ta có thể quay cổ, cúi đầu hoặc ngửa cổ là nhờ các cơ ở cổ, các đốt sống cổ và các khớp nối các đốt sống cổ.

+ Chúng ta có thể giơ tay lên, hạ tay xuống, quay cánh tay là nhờ các cơ ở vai, xương tay và khớp vai.

+ Chúng ta có thể đi lại, chạy nhảy là nhờ các cơ ở chân, các xương chân và các khớp xương như khớp háng, khớp gối.

– Tiếp theo, GV điều khiển HS cả lớp cùng thảo luận câu hỏi ở trang 85 SGK:

Nếu cơ quan vận động ngừng hoạt động thì điều gì sẽ xảy ra với cơ thể?

– Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu HS cả lớp đọc mục “Em có biết?” ở trang 86 SGK.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 5: Khám phá các mức độ hoạt động của một số khớp giúp tay và chân cử động

*** Mục tiêu**

Củng cố và mở rộng kiến thức về sự phối hợp hoạt động của cơ, xương và khớp xương của cơ quan vận động.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm

– Nhóm trưởng điều khiển các bạn thực hiện các cử động theo yêu cầu như trong phần thực hành trang 86 SGK. Sau đó, rút ra kết luận khớp nào cử động thoải mái được về nhiều phía.

– GV đi tới các nhóm chỉ dẫn, hỗ trợ (nếu cần).

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

– HS khác góp ý kiến.

(Gợi ý đáp án: khớp háng và khớp vai đều cử động được về nhiều phía, trong khi đó khớp gối chỉ gập lại được ở phía sau và khớp khuỷu tay chỉ gập được về phía trước)

Hoạt động 6: Chơi trò chơi “Đố bạn”

*** Mục tiêu**

Củng cố hiểu biết cho HS về chức năng của cơ quan vận động qua hoạt động cử động của các cơ mặt.

*** Cách tiến hành**

– GV hướng dẫn cách chơi:

+ Mỗi nhóm cử một bạn lên rút một phiếu ghi số thứ tự.

+ Trong mỗi phiếu sẽ ghi rõ tên một biểu cảm trên khuôn mặt (ví dụ: buồn; vui; ngạc nhiên; tức giận;...).

+ HS đại diện nhóm phải thực hiện biểu cảm ghi trong phiếu.

+ Cả lớp quan sát và đoán bạn đang bộc lộ cảm xúc gì qua nét mặt; nếu cả lớp đoán đúng, bạn HS đại diện nhóm sẽ thắng cuộc.

– Kết thúc trò chơi, GV tuyên dương các nhóm thắng cuộc.

– Tiếp theo, GV yêu cầu HS cả lớp thảo luận câu hỏi: Chúng ta có thể biểu lộ được cảm xúc trên khuôn mặt nhờ bộ phận nào?

*** Kết thúc bài học:**

GV hỗ trợ HS đi đến kết luận chung của bài học “Hệ cơ cùng với bộ xương giúp cơ thể vận động được và tạo cho mỗi người một hình dáng riêng”, đồng thời nhắc nhở HS “Hãy nhớ chăm sóc, bảo vệ cơ quan vận động và phòng tránh gãy xương” như mục kiến thức chủ chốt và lời con ong trang 87 SGK.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV sử dụng các bài tập ở VBT để làm công cụ đánh giá HS. Trường hợp HS không có VBT, GV có thể copy thành Phiếu học tập phát cho HS.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3: Từ Hoạt động 5 đến hết Hoạt động 6.

Bài 15. PHÒNG TRÁNH CONG VẠO CỘT SỐNG (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

*** Về nhận thức khoa học:**

Nêu được nguyên nhân dẫn đến bị cong vẹo cột sống ở lứa tuổi HS và cách phòng tránh.

*** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

Nhận biết được cách đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống.

*** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:**

Thực hiện được đi, đứng, ngồi, mang cặp đúng tư thế để phòng tránh cong vẹo cột sống.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Tập làm người mẫu” như hình trang 88 SGK.
- Kết thúc trò chơi, GV yêu cầu một số HS nhận xét về dáng đi của các bạn ở tư thế đặt cuốn sách trên đầu khi đi. Tiếp theo, GV giới thiệu tiêu đề bài học.

1. Cong vẹo cột sống

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Phát hiện một số dấu hiệu ở người bị cong vẹo cột sống

* Mục tiêu

Phân biệt cột sống ở người bình thường và cột sống ở người bị cong vẹo qua hình ảnh.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

- HS quan sát hình 1, 2 và trả lời câu hỏi ở trang 89 SGK về:
 - + Tình trạng cột sống.
 - + Vị trí của hai vai.
- GV đi đến các cặp hỗ trợ (nếu cần).

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số cặp lên trình bày trước lớp.
- Kết thúc hoạt động này, HS phát hiện được:
 - + Bạn ở hình 1: Cột sống chạy thẳng từ trên xuống dưới ở đường giữa sống lưng; hai vai ngang nhau.
 - + Bạn ở hình 2: Cột sống bị cong sang trái; hai vai lệch nhau, vai trái cao hơn vai phải.

Kết thúc hoạt động này, GV có thể cho HS làm câu 1 trong Bài 15 VBT.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Chơi trò chơi “Đóng vai bác sĩ”

*** Mục tiêu**

Củng cố hiểu biết về tình trạng cột sống ở người bị cong vẹo qua hình ảnh.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm

Nhóm trưởng điều khiển các bạn thay nhau đóng vai “bác sĩ” để nói về tình trạng cột sống của hai bạn trong hình.

Lưu ý: GV có thể đi đến các nhóm gợi ý một số cụm từ để giúp HS mô tả tình trạng cột sống ở các mức độ khác nhau. Ví dụ: gù, cong, vẹo.

Bước 2: Làm việc cả lớp

GV tổ chức cho đại diện các nhóm lên đóng vai bác sĩ để nói về tình trạng cột sống của các bạn trong hình trang 89 SGK.

Lưu ý: GV có thể cho HS làm câu 2 trong bài 15 VBT để các em dựa vào đó đưa ra lời nhận xét khi đóng vai “bác sĩ”.

2. Một số nguyên nhân dẫn đến cong vẹo cột sống

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số nguyên nhân dẫn đến cong vẹo cột sống

*** Mục tiêu**

Nêu được một số nguyên nhân dẫn đến cong vẹo cột sống ở lứa tuổi HS.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc cá nhân

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân quan sát các hình trang 90 SGK và phát hiện xem cách đi, đứng, ngồi và đeo cặp sách của bạn nào có thể dẫn đến bị cong vẹo cột sống (hoặc làm câu 3 trong Bài 15 VBT).

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Một số HS trình bày kết quả quan sát trước lớp và yêu cầu các em giải thích tại sao cách đi, đứng, ngồi, đeo cặp sách như vậy có thể dẫn đến cong vẹo cột sống.

Lưu ý: GV có thể gợi ý cho HS giải thích vì sao nếu đi, đứng, ngồi sai tư thế lâu như cúi gập, uốn, vẹo sang phải hoặc trái sẽ dẫn đến cong lưng; vẹo lưng.

– Tiếp theo, GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi trong SGK “Em cần rèn luyện thói quen đi, đứng, ngồi và đeo cặp sách như thế nào để phòng tránh cong vẹo cột sống?”

– Kết thúc hoạt động này, GV dành thời gian cho HS đọc mục “Em có biết?” trang 90 SGK.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Thực hành luyện tập phòng tránh cong vẹo cột sống

*** Mục tiêu**

Biết đi, đứng, ngồi học và mang cặp đúng cách để phòng tránh cong vẹo cột sống.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc cả lớp

– GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ các tư thế đi, đứng, ngồi và đeo cặp sách đúng cách trang 91 SGK.

– Tiếp theo, GV mời một số HS xung phong lên làm thử, các bạn khác và GV nhận xét (nếu cần GV có thể làm mẫu) sau đó mới phân HS về các nhóm luyện tập.

Bước 2: Làm việc theo nhóm

Nhóm trưởng điều khiển các bạn lần lượt cùng thực hành cách đi, đứng, ngồi và đeo cặp đúng cách.

Bước 3: Làm việc cả lớp

– GV tổ chức cho HS các nhóm lên trình diễn cách đi, đứng, ngồi, đeo cặp trước lớp.

– HS nhận xét và đánh giá lẫn nhau.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV quan sát việc thực hành của HS ở Hoạt động 4 và có thể cho HS làm câu 3 và câu 4 của Bài 15 VBT để HS tự đánh giá việc thực hiện đi, đứng, ngồi và mang cặp của mình để phòng tránh cong vẹo cột sống.

Gợi ý phân bổ thời lượng

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 3.

Tiết 2: Hoạt động 4.

Bài 16. CƠ QUAN HÔ HẤP

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan hô hấp trên sơ đồ.
- Nêu được chức năng từng bộ phận chính của cơ quan hô hấp.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Nhận biết được cử động hô hấp qua hoạt động hít vào, thở ra.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Làm mô hình phổi đơn giản.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.
- Mỗi nhóm chuẩn bị: 2 ống hút, 2 tờ giấy, kéo, băng keo, đất nặn.
- Video clip hướng dẫn làm mô hình cơ quan hô hấp ở trang 95 phiên bản điện tử.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

- GV tổ chức cho HS cả lớp tập động tác vươn thở trong bài thể dục.
- GV giúp HS hiểu: Thở là cần thiết cho cuộc sống. Hoạt động thở của con người được thực hiện ngay từ khi mới được sinh ra và chỉ ngừng lại khi đã chết.
- Tiếp theo, GV yêu cầu HS đọc mục “Em có biết?” trang 92 SGK và giới thiệu tiêu đề bài học.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp

Hoạt động 1: Xác định các bộ phận chính của cơ quan hô hấp

* Mục tiêu

Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan hô hấp trên sơ đồ.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS chỉ và nói tên các bộ phận chính của cơ quan hô hấp trên sơ đồ trang 93 SGK.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Một số cặp lên bảng chỉ và nói tên các bộ phận chính của cơ quan hô hấp trên sơ đồ trước lớp.

– Kết thúc hoạt động này, HS nêu được: Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp bao gồm mũi, khí quản, phế quản và hai lá phổi.

Lưu ý: GV có thể cho HS làm câu 1 Bài 16 VBT.

2. Chức năng của cơ quan hô hấp

Hoạt động 2: Thực hành khám phá cử động hô hấp

* Mục tiêu

Nhận biết được cử động hô hấp qua hoạt động hít vào, thở ra.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cả lớp

– GV nói với cả lớp: “Chúng ta sẽ làm thực hành để nhận biết các cử động hô hấp”.

– GV tổ chức cho HS làm động tác hít vào thật sâu và thở ra thật chậm. Đồng thời, GV hướng dẫn HS cách đặt một tay lên ngực và tay kia lên bụng ở vị trí như hình vẽ trang 93 SGK để cảm nhận sự chuyển động của ngực và bụng khi em hít vào thật sâu và thở ra thật chậm.

– Tiếp theo, GV mời một số HS xung phong lên làm thử, các bạn khác và GV nhận xét (nếu cần GV có thể làm mẫu), sau đó mới phân HS về các nhóm thực hành.

Bước 2: Làm việc theo nhóm

Nhóm trưởng điều khiển các bạn cùng thực hành để nhận biết các cử động hô hấp theo hướng dẫn trong SGK và chia sẻ nhận xét về sự chuyển động của ngực và bụng khi hít vào và thở ra.

Bước 3: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm trình bày trước lớp về sự chuyển động của bụng và ngực khi hít vào và khi thở ra.

– Kết thúc hoạt động này GV giúp HS biết được:

Thở bao gồm hai giai đoạn: hít vào (lấy không khí vào phổi) và thở ra (thải không khí ra ngoài). Khi hít vào thật sâu em thấy bụng phình ra, lồng ngực phồng lên, không khí tràn vào phổi. Khi thở ra, bụng thót lại, lồng ngực hạ xuống, đẩy không khí từ phổi ra ngoài.

Hoạt động 3: Tìm hiểu chức năng các bộ phận của cơ quan hô hấp

* Mục tiêu

Nêu được chức năng từng bộ phận của cơ quan hô hấp.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát hình hít vào và thở ra trang 94 SGK, lần lượt từng em chỉ vào các hình và nói về đường đi của không khí khi ta hít vào và thở ra.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Một số cặp lên trình bày đường đi của không khí trước lớp.

GV có thể hỗ trợ HS để các em trình bày được như sau: Khi ta hít vào, không khí đi qua mũi, khí quản, phế quản vào phổi. Khi ta thở ra không khí từ phổi đi qua phế quản, khí quản, mũi ra khỏi cơ thể. Qua đó, GV giúp HS nhận biết được: Mũi, khí quản, phế quản có chức năng dẫn khí và hai lá phổi có chức năng trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường bên ngoài.

– Tiếp theo, GV yêu cầu HS cả lớp thảo luận câu hỏi ở trang 94 SGK: Điều gì sẽ xảy ra với cơ thể nếu cơ quan hô hấp ngừng hoạt động?

– Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu HS đọc lời con ong trang 94 SGK.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Thực hành làm mô hình cơ quan hô hấp

* Mục tiêu

Củng cố các kiến thức về các bộ phận chính và chức năng của cơ quan hô hấp.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cả lớp

- GV yêu cầu lần lượt đại diện HS các nhóm giới thiệu những dụng cụ, đồ dùng các em đã chuẩn bị để làm mô hình cơ quan hô hấp với cả lớp.
- Tiếp theo, GV làm mẫu mô hình cơ quan hô hấp cho HS cả lớp quan sát (lưu ý GV làm chậm, vừa làm vừa nói cách làm) hoặc có thể cho HS xem video clip hướng dẫn làm mô hình cơ quan hô hấp.
- Sau khi đảm bảo HS đã biết được cách làm, GV tổ chức cho HS làm mô hình cơ quan hô hấp theo nhóm.

Bước 2: Làm việc theo nhóm (hoặc cá nhân)

- HS thực hành làm mô hình cơ quan hô hấp theo hướng dẫn của GV và SGK hoặc video clip.
- GV đi đến các nhóm hỗ trợ đặc biệt ở khâu tạo thành khí quản và hai phế quản.

Bước 3: Làm việc cả lớp

- Các nhóm (hoặc cá nhân) giới thiệu mô hình cơ quan hô hấp, chỉ và nói tên các bộ phận của cơ quan hô hấp trên mô hình và cách làm cho mô hình cơ quan hô hấp hoạt động với cả lớp.
- GV tổ chức cho HS nhận xét và góp ý lẫn nhau. GV tuyên dương các nhóm (hoặc HS) thực hành tốt.
- Kết thúc bài, GV cho HS đọc mục “Em có biết?” trang 95 SGK và nhắc lại phần kiến thức cốt lõi của bài.

IV. ĐÁNH GIÁ

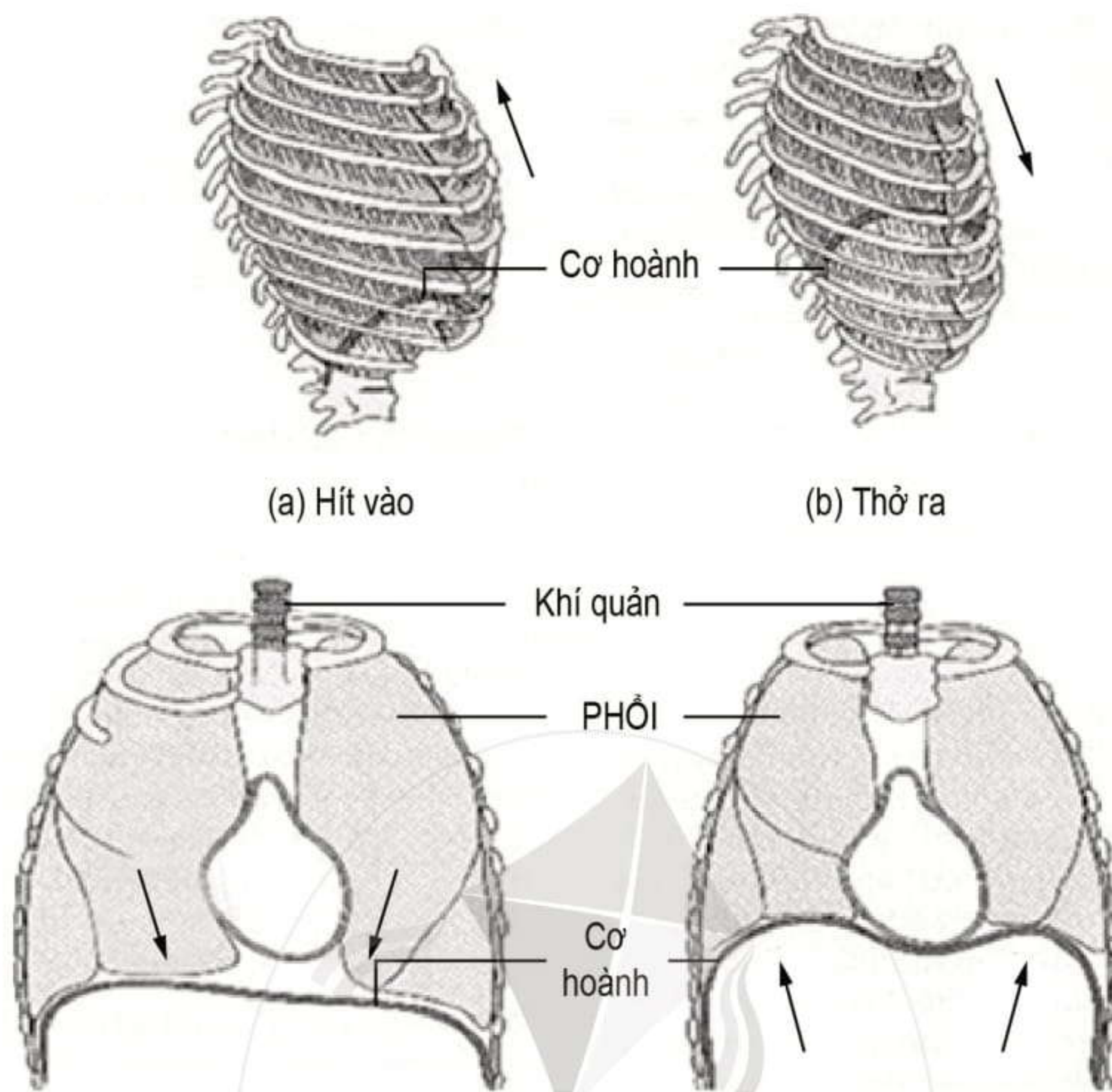
GV đánh giá quá trình học tập của HS thông qua cả 4 hoạt động trong bài hoặc cho HS làm bài tập trong VBT.

PHỤ LỤC

Thông tin cho GV

Hít thở là quá trình đưa không khí vào và ra khỏi phổi để tạo điều kiện trao đổi khí ở bên trong cơ thể với môi trường.

Phổi không có khả năng tự phồng lên và sẽ chỉ nở ra khi có sự gia tăng thể tích của khoang ngực. Điều này đạt được chủ yếu thông qua sự co cơ của cơ hoành, nhưng cũng nhờ sự co lại của các cơ liên sườn kéo khung xương sườn lên trên và ra ngoài.



Khi ta hít thở không có ý thức, hơi thở trung bình có xu hướng nông và không có sự tham gia nhiều của cơ hoành (chỉ có sự tham gia của các cơ liên sườn gây giãn nở phổi).

Trong quá trình luyện tập thở sâu, cơ thể có ý thức điều khiển cơ hoành tham gia vào quá trình hô hấp để hít thở sâu hơn. Người luyện tập có thể cảm nhận được cảm giác co giãn ở cơ hoành và dạ dày thay vì chỉ ở ngực và vai như thông thường.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 3.

Tiết 2: Hoạt động 4.

Bài 17. BẢO VỆ CƠ QUAN HÔ HẤP

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nêu được sự cần thiết của việc hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi.
- Xác định được những việc nên và không nên làm để bảo vệ cơ quan hô hấp.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Nhận biết được thói quen thở hằng ngày của bản thân.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Thực hiện được việc hít vào, thở ra đúng cách và tránh xa nơi có khói bụi để bảo vệ cơ quan hô hấp.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.
- Mỗi nhóm chuẩn bị: một chiếc gương soi, khăn giấy ướt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

- Nhóm trưởng điều khiển các bạn thực hiện theo yêu cầu của con ong:
 - + Sử dụng gương soi để quan sát phía trong mũi của mình và trả lời câu hỏi: “Bạn nhìn thấy gì trong mũi?” (lông mũi).
 - + Sử dụng khăn giấy ướt lau vào trong mũi và quan sát trên khăn có gì? (có bụi bẩn).
- Tiếp theo, đại diện một số nhóm trình bày về kết quả thu được của nhóm mình.
- Kết thúc hoạt động này GV yêu cầu HS đọc mục “Em có biết?” để chốt lại vai trò của mũi trong quá trình hô hấp và giới thiệu tiêu đề của bài học.

1. Hít thở đúng cách

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu về các cách thở

*** Mục tiêu**

- Nhận biết được thói quen thở hằng ngày của bản thân.
- Xác định được cách thở đúng.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo nhóm

HS quan sát các hình vẽ thể hiện 4 cách thở ở trang 97 SGK và nói với bạn về hằng ngày bản thân thường thở theo cách nào.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm báo cáo trước lớp. GV có thể thống kê lại cách thở của HS trong lớp mình và đưa ra nhận xét dựa trên kết quả thực tế thu được.
- Tiếp theo, cả lớp cùng thảo luận câu hỏi: Vì sao hằng ngày chúng ta nên thở bằng mũi và không nên thở bằng miệng?.

Lưu ý: HS dựa vào mục “Em có biết?” ở trang 96 SGK để trả lời cho câu hỏi trên.

- Sau đó, GV có thể đặt thêm câu hỏi như:
 - + Khi ngạt mũi em có thể thở bằng gì?
 - + Khi bơi người ta thở như thế nào?
- GV chốt lại: Thở bằng mũi giúp không khí vào cơ thể được loại bớt bụi bẩn, làm ấm và ẩm. Trong một số trường hợp chúng ta phải thở bằng miệng hoặc kết hợp thở cả bằng mũi và miệng. Tuy nhiên, thở bằng miệng lâu dài dễ khiến cơ thể bị nhiễm khuẩn và nhiễm lạnh. Vì vậy, các em cần tránh tạo thành thói quen thở bằng miệng.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Thực hành tập hít thở đúng cách

*** Mục tiêu**

Biết cách thở đúng.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc cả lớp

GV làm mẫu tư thế ngồi hoặc đứng thẳng và thực hiện ba bước của một nhịp thở (như trang 98 SGK) hoặc có thể sử dụng video clip cho HS quan sát.

Bước 2: Làm việc theo nhóm

HS thực hành thở đúng cách theo nhóm. GV đi đến các nhóm để uốn nắn tư thế và động tác thở cho HS (nếu cần).

Bước 3: Làm việc cả lớp

- Một số nhóm lên trình bày trước lớp và góp ý cho nhau.
- Kết thúc hoạt động này, GV chốt lại ý chính: Hầu hết chúng ta không chú ý đến cách hít thở. Chúng ta chỉ coi nó như một hoạt động tự nhiên của cơ thể. Vì vậy, chúng ta thở không đủ sâu và điều đó không tốt cho sức khỏe. Thở đúng cách được thực hiện thông qua mũi và cần hít thở sâu, chậm, nhịp nhàng.

Hoạt động 3: Chơi trò chơi “Nói về ích lợi của việc hít thở đúng cách”

*** Mục tiêu**

Liệt kê được ích lợi của việc hít thở đúng cách.

*** Cách tiến hành**

- GV chia lớp thành hai đội và chỉ định một HS làm quản trò. Mỗi đội cử ra một bạn làm trọng tài.

Cách chơi: Hai đội sẽ bắt thăm xem đội nào được nói trước. Khi quản trò nêu xong câu hỏi “Hít thở đúng cách có lợi gì?” và hô bắt đầu thì lần lượt mỗi nhóm đưa ra một câu trả lời, trọng tài sẽ đếm số câu trả lời của mỗi nhóm. Trò chơi sẽ kết thúc khi các nhóm không còn câu trả lời. Đội nào có nhiều câu trả lời đúng hơn sẽ thắng cuộc.

- Kết thúc trò chơi, GV tuyên dương đội thắng cuộc.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

2. Tránh xa nơi có khói, bụi

Hoạt động 4: Tìm hiểu tác hại của khói, bụi đối với cơ quan hô hấp

*** Mục tiêu**

Nêu được sự cần thiết phải tránh xa nơi có khói, bụi.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát các hình trang 99 SGK và nêu nhận xét ở hình nào không khí chứa nhiều khói, bụi.

(Hình 2: Không khí ở đường phố có nhiều khói, bụi do các ô tô thải ra; Hình 3: Không khí trong nhà có khói thuốc lá)

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.

– Tiếp theo, GV yêu cầu HS lần lượt trả lời ba câu hỏi ở trang 99 SGK.

(1) Em cảm thấy thế nào khi phải thở không khí có nhiều khói, bụi?

(Cảm thấy khó chịu; cảm thấy khó thở;...)

(2) Tại sao chúng ta nên tránh xa nơi có khói, bụi?

(Vì khói, bụi chứa nhiều chất độc, gây hại cho sức khỏe.)

(3) Trong trường hợp phải tiếp xúc với không khí có nhiều khói, bụi, chúng ta cần làm gì?

(Chúng ta cần đeo khẩu trang)

– Kết thúc hoạt động này, GV cho HS đọc mục “Em có biết?”.

3. Một số việc nên và không nên làm để bảo vệ cơ quan hô hấp

Hoạt động 5: Xác định một số việc nên và không nên làm để bảo vệ cơ quan hô hấp

* Mục tiêu

Nêu được những việc nên và không nên làm để bảo vệ cơ quan hô hấp.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

– HS quan sát các hình trang 100 SGK và nói về các việc nên và không nên làm để bảo vệ cơ quan hô hấp. Đồng thời kể tên các việc nên và không nên làm khác.

– GV có thể đi đến các nhóm để gợi ý cho HS kể tên các việc nên và không nên làm khác để bảo vệ cơ quan hô hấp (xem Phụ lục).

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả thảo luận và góp ý bổ sung cho nhau.

Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu cả lớp trả lời câu hỏi ở trang 100 SGK: Em cần thay đổi thói quen gì để phòng tránh các bệnh về hô hấp?

– GV nhắc nhở HS: Mũi, họng nếu được chăm sóc đúng cách không chỉ giúp chúng ta phòng tránh được viêm mũi, viêm họng mà còn bảo vệ được cả khí quản, phế quản và phổi.

– Kết thúc hoạt động này, HS đọc mục “Em có biết?” trang 100 SGK.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Xử lý tình huống

* Mục tiêu

Biết cách nhắc nhở các bạn cùng thực hiện việc tránh xa nơi có khói, bụi.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

Mỗi nhóm chọn một trong hai tình huống ở trang 101 SGK để thảo luận về cách ứng xử trong tình huống đó và cử các bạn tham gia đóng vai.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Các nhóm lần lượt lên đóng vai, thể hiện cách ứng xử qua lời khuyên: Các bạn không chơi ở nơi có nhiều khói, bụi do xe cộ thải ra hoặc tránh xa nơi có khói thuốc lá.

– GV tổ chức cho HS góp ý lẫn nhau. GV nhận xét, khen các nhóm đã thể hiện tốt.

– Kết thúc bài học, GV yêu cầu HS đọc phần kiến thức cốt lõi ở cuối bài.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV đánh giá quá trình học tập của HS thông qua cả 6 hoạt động trong bài hoặc cho HS làm bài tập trong VBT.

PHỤ LỤC

Một số việc nên và không nên làm để bảo vệ cơ quan hô hấp

Việc nên làm	Việc không nên làm
– Sử dụng khăn sạch, mềm để lau mũi. – Giữ sạch họng bằng cách súc miệng nước muối. – Đeo khẩu trang khi đi đường có nhiều xe máy, ô tô đi lại. – Đội mũ, quàng khăn, mặc đủ ấm khi trời lạnh.	– Dùng tay hoặc vật nhọn ngoáy mũi. – Uống nước quá nóng hoặc lạnh. – Chơi ở nơi có nhiều khói, bụi. – Mặc không đủ ấm khi trời lạnh.

Gợi ý phân bổ thời lượng

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Tiết 3: Từ Hoạt động 5 đến hết Hoạt động 6.

Bài 18. CƠ QUAN BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU PHÒNG TRÁNH BỆNH SỎI THẬN

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

– Chỉ và nói được tên các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu trên sơ đồ.

– Nêu được sự cần thiết của việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Nhận biết được chức năng của cơ quan bài tiết qua việc thải ra nước tiểu.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Thực hiện được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Các hình trong SGK.

– VBT Tự nhiên và Xã hội 2.

– Bộ thẻ “Nếu, thì” (đủ dùng cho các nhóm); bảng nhóm; băng dính.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

GV tổ chức cho HS đặt câu hỏi để tìm hiểu về việc bài tiết nước tiểu.

(Tại sao hằng ngày chúng ta đi tiểu nhiều lần? Cơ quan nào trong cơ thể tạo thành nước tiểu? Trong nước tiểu có gì?,...)

Tiếp theo, GV giới thiệu bài học mới.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu

Hoạt động 1: Xác định các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu

* Mục tiêu

Chỉ và nói được tên các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu trên sơ đồ.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát “Sơ đồ cơ quan bài tiết nước tiểu” trang 103 SGK, chỉ và nói tên từng bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Một số HS lên bảng chỉ và nói tên các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu trên sơ đồ. Sau đó, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em có nhận xét gì về hình dạng và vị trí của hai quả thận trên cơ thể?

– Tiếp theo, GV cho HS đọc mục “Em có biết?” trang 103 SGK.

– Kết thúc hoạt động này, GV yêu cầu một số HS đọc phần kiến thức cốt lõi ở cuối trang 103.

2. Chức năng của cơ quan bài tiết nước tiểu

Hoạt động 2: Tìm hiểu chức năng các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu

* Mục tiêu

Nêu được chức năng từng bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

HS quan sát “Sơ đồ cơ quan bài tiết nước tiểu” trang 104 SGK, chỉ và nói chức năng từng bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– GV mời một số HS lên bảng chỉ và nói chức năng từng bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu trên sơ đồ. Sau đó, GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Điều gì sẽ xảy ra với cơ thể nếu cơ quan bài tiết ngừng hoạt động?.

– Tiếp theo, GV cho HS đọc lời của con ong trang 104 SGK.

3. Một số cách phòng tránh bệnh sỏi thận

Hoạt động 3: Nhận biết sỏi thận có trong các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu và nguyên nhân gây ra bệnh sỏi thận

* Mục tiêu

- Chỉ được vị trí sỏi thận có trong các bộ phận của cơ quan bài tiết trên sơ đồ.
- Nêu được một trong những nguyên nhân gây ra bệnh sỏi thận.

* Cách tiến hành

– GV giới thiệu với HS: Sỏi thận là bệnh thường gặp ở cơ quan bài tiết nước tiểu hoặc cho HS tự đọc Lời con ong ở trang 105 SGK.

– Sau đó, GV yêu cầu HS quan sát các hình trang 105 SGK và trả lời câu hỏi: Sỏi có ở những bộ phận nào của cơ quan bài tiết nước tiểu?

– Tiếp theo, GV yêu cầu HS đọc mục “Em có biết?” ở trang 105 SGK và trả lời câu hỏi: Nêu nguyên nhân tạo thành sỏi trong cơ quan bài tiết.

(Do các chất thừa, chất thải độc hại không được đào thải hết lắng đọng lại tạo thành sỏi.)

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 4: Chơi trò chơi “Nếu, thì”

* Mục tiêu

Nêu được sự cần thiết của việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận.

* Cách tiến hành

Phương án 1:

GV chia lớp thành hai đội và chỉ định một HS làm quản trò. Mỗi đội cử ra một bạn làm trọng tài.

Cách chơi: Hai đội sẽ bắt thăm xem đội nào được phát thẻ “Nếu”, đội nào được phát thẻ “thì”. Sau đó sẽ đổi ngược lại. Trọng tài sẽ xem đội nào ghép câu “thì” với câu “Nếu” nhanh và đúng là thắng cuộc.

Phương án 2:

GV viên chia lớp thành các nhóm (5 – 6 HS), phát cho mỗi nhóm một bộ thẻ gồm các thẻ “Nếu”, “thì”; bảng nhóm (hoặc giấy khổ to); băng dính.

Các nhóm thi đua ghép thẻ “Nếu” với thẻ “thì”, nhóm nào làm đúng, xong trước và đẹp là thắng cuộc.

Tiếp theo, GV tổ chức cho HS thảo luận câu hỏi ở trang 106 SGK:

- (1) Nêu sự cần thiết phải uống đủ nước, không nhịn tiểu.
- (2) Em cần thay đổi thói quen nào để phòng tránh bệnh sỏi thận?

Kết thúc hoạt động này, HS đọc lời của con ong ở trang 106 SGK.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV đánh giá HS và HS nhận xét đánh giá lẫn nhau qua cả 4 hoạt động trong bài. GV cũng có thể đánh giá cá nhân HS thông qua việc cho các em làm bài tập trong Bài 18 VBT.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Hoạt động 3.

Tiết 3: Hoạt động 4.

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Hệ thống lại những kiến thức đã học về các cơ quan vận động, hô hấp và bài tiết nước tiểu.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Củng cố kĩ năng trình bày, chia sẻ thông tin, phân tích vấn đề và xử lí tình huống.

** Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

– Tự đánh giá việc làm của bản thân trong việc thực hiện: phòng tránh cong vẹo cột sống; bảo vệ cơ quan hô hấp; phòng tránh bệnh sỏi thận.

– Biết nhắc nhở các bạn đeo cặp đúng cách và không nhịn tiểu.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Em đã học được gì về chủ đề Con người và sức khỏe?

Hoạt động 1: Hỏi – đáp về các cơ quan vận động, hô hấp và bài tiết nước tiểu

* Mục tiêu

– Hệ thống lại những kiến thức đã học về các cơ quan vận động, hô hấp và bài tiết nước tiểu.

– củng cố kỹ năng trình bày, chia sẻ thông tin.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

HS dựa vào sơ đồ ở trang 107 SGK để cùng các bạn trong nhóm đặt câu hỏi và trả lời về các bộ phận chính, chức năng của các cơ quan: vận động, hô hấp, bài tiết nước tiểu.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Lần lượt, đại diện mỗi nhóm lên bảng nêu một trong số những câu hỏi đã được chuẩn bị ở bước 1 và chỉ định nhóm bạn trả lời; có thể mời các HS khác nhận xét câu trả lời. Nhóm nào trả lời đúng sẽ được đặt câu hỏi cho nhóm khác. Cứ tiếp tục như vậy cho đến khi đa số các nội dung cần ôn tập được nhắc lại.

– GV quan sát, điều khiển nhịp độ “Hỏi – đáp” giữa các nhóm (nếu cần).

– Kết thúc hoạt động, GV nhận xét, đánh giá về mức độ nắm vững kiến thức và kỹ năng hỏi – đáp của HS về chủ đề này.

Hoạt động 2: Tự đánh giá

* Mục tiêu

HS tự đánh giá việc làm của bản thân trong việc thực hiện: phòng tránh cong vẹo cột sống, bảo vệ cơ quan hô hấp, phòng tránh bệnh sỏi thận.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo nhóm

HS dựa vào mẫu phiếu tự đánh giá ở trang 108 SGK để chia sẻ với các bạn những việc nào em đã làm thường xuyên, thỉnh thoảng (chưa làm thường xuyên) hoặc chưa

thực hiện và những thói quen bản thân các em cần thay đổi để thực hiện được việc phòng tránh cong vẹo cột sống, bảo vệ cơ quan hô hấp, phòng tránh bệnh sỏi thận.

Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS làm câu 2 trong bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Con người và sức khỏe trong VBT trước rồi mới chia sẻ với các bạn.

Bước 2: Làm việc cả lớp

Một số HS xung phong chia sẻ với cả lớp về việc làm của bản thân trong việc thực hiện: phòng tránh cong vẹo cột sống, bảo vệ cơ quan hô hấp, phòng tránh bệnh sỏi thận.

2. Xử lý tình huống

Hoạt động 3: Đóng vai

* Mục tiêu

Biết khuyên các bạn đeo cặp đúng cách và không nhìn tiếu.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc cá nhân

Từng cá nhân nghiên cứu hai tình huống trang 108 SGK.

Bước 2: Làm việc theo nhóm

Nhóm trưởng điều khiển các bạn thảo luận về cách đưa ra lời nhắc nhở với bạn trong mỗi tình huống. Sau đó, yêu cầu một số bạn tập đóng vai xử lý tình huống 1; các bạn khác tập đóng vai xử lý tình huống 2.

Bước 3: Làm việc cả lớp

Các nhóm lên bảng đóng vai. HS nhóm khác, GV nhận xét, góp ý cho lời nhắc nhở của từng nhóm.

Lưu ý: GV và HS có thể đưa ra những tình huống khác cho phù hợp với thực tế của lớp.

IV. ĐÁNH GIÁ

Phương án 1: GV quan sát quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập của HS ở các Hoạt động 1, 2 và 3 để đưa ra nhận xét, đánh giá kết quả học tập của HS.

Phương án 2: HS làm các câu 1, 2, 3 trong bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Con người và sức khỏe VBT.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Hoạt động 1.

Tiết 2: Từ Hoạt động 2 đến hết Hoạt động 3.

Chủ đề 6. TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI

(11 tiết)



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Dạy học chủ đề *Trái Đất và bầu trời* trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 nhằm hình thành và phát triển ở HS năng lực khoa học với những biểu hiện cụ thể của các thành phần năng lực như sau:

1. Nhận thức khoa học

- Nêu được tên và một số đặc điểm của các mùa trong năm.
- Nhận biết và mô tả được một số hiện tượng thiên tai ở mức độ đơn giản.
- Nêu được một số rủi ro dẫn đến các thiệt hại về tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra.

2. Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

- Biết cách quan sát tranh để nhận ra được sự khác nhau về cảnh vật giữa các mùa. Trả lời câu hỏi vì sao lại có sự khác nhau đó, HS sẽ nêu được một số đặc điểm về các mùa như ẩm ướt, hanh khô, mưa nhiều hay ít.
- Biết cách đặt câu hỏi về mùa dựa trên các đặc điểm của chúng, về những ảnh hưởng của những đặc điểm đó lên cảnh vật, hoạt động của con người.
- Biết tự đặt tình huống và giải quyết tình huống trong việc lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa để giữ gìn sức khỏe.

3. Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học

- Thực hiện được việc lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa, nhất là giai đoạn chuyển mùa để giữ cơ thể khỏe mạnh.
- Nêu và luyện tập được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương.
- Chia sẻ được với những người xung quanh và cùng thực hiện phòng tránh rủi ro thiên tai.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHỦ YẾU

Chủ đề *Trái Đất và bầu trời* là chủ đề cuối cùng HS được học ở môn Tự nhiên và Xã hội 2. Một số phương pháp dạy học chủ yếu được sử dụng ở chủ đề này là: quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi và thực hành xử lý tình huống. Việc phát triển kỹ năng quan sát, nhận xét, so sánh sự khác nhau trên tranh, kết hợp với kinh nghiệm thực tế và cách đặt câu hỏi được sử dụng chủ yếu. Thông qua các trò chơi, HS được giao lưu, gắn kết. Điều đó giúp các em tích cực, chủ động hơn trong quá trình nhận thức khoa học. GV cũng nên chú ý khai thác vốn hiểu biết thực tế của các em về các mùa và về việc lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa để đảm bảo cơ thể khỏe mạnh.

Bài 19. CÁC MÙA TRONG NĂM

(4 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nêu được tên của các mùa trong hai vùng địa lí khác nhau.
- Nêu được một số đặc điểm của các mùa trong năm.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

- Nêu được tên của các mùa trong hai vùng địa lí khác nhau.
- Nêu được một số đặc điểm của các mùa trong năm.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Thực hiện được việc lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.
- Video clip bài hát về mùa.
- Một số hình ảnh về cảnh vật và các hoạt động thích ứng của con người với các mùa khác nhau (GV chuẩn bị hoặc có thể yêu cầu HS sưu tầm).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

HS nghe nhạc và hát theo bài hát (Ví dụ: bài *Khúc ca bốn mùa* – Nhạc và lời: Nguyễn Hải).

GV dẫn dắt vào bài học: Các em vừa hát bài *Khúc ca bốn mùa*, vậy có phải ở nước ta chỗ nào cũng có bốn mùa không? Mỗi mùa đó có đặc điểm gì? Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về các mùa trong năm nhé!

1. Các mùa trong năm

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu về các mùa nơi bạn An sống

* Mục tiêu

Sử dụng kĩ năng quan sát tranh, trình bày được sự khác nhau về cảnh vật và thời tiết đặc trưng của hai mùa nơi bạn An sống. Nêu được tên và đặc điểm của hai mùa đó.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc nhóm 4

HS quan sát hình 1 và hình 2 trang 110 SGK để nhận xét sự khác nhau về cảnh vật và thời tiết.

(Gợi ý: GV tùy vào trình độ của HS có thể gợi ý hoặc đặt những câu hỏi phù hợp để HS có thể trả lời được như:

- + Màu của cây, cỏ ở hai hình như thế nào? Chúng thể hiện điều gì?
- + Hình nào có mưa, hình nào có nắng?)

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.
- HS khác nhận xét, bổ sung câu nhận xét của bạn.

(Gợi ý:

- + Hình 1 cây cối xanh tốt, hình 2 cây cối khô cằn (thể hiện lá cây màu vàng úa).
- + Hình 1 có mưa, hình 2 trời nắng.
- + Cây cối xanh tốt thể hiện có mưa nhiều ngày. Cây cối cằn khô thể hiện nắng nóng, mưa ít hoặc không có mưa trong nhiều ngày.)

Bước 3: Làm việc cả lớp

GV cho hai HS đọc cá nhân lời giới thiệu của bạn An trước lớp và lời kết luận của con ong về đặc điểm của mùa mưa và mùa khô (GV chú ý nhấn mạnh đặc điểm chung của cả hai mùa là đều nóng).

Lưu ý: Đặc điểm mà con ong nói ở đây chính là đặc điểm về thời tiết xảy ra trong mỗi mùa (đặc điểm khí hậu mỗi mùa).

GV có thể đặt câu hỏi hoặc làm câu 3 Bài 19 VBT để HS khắc sâu kiến thức:

- Nơi bạn An sống có mấy mùa, là những mùa nào?
- Hình nào ứng với mùa mưa, hình nào ứng với mùa khô? Đặc điểm của mỗi mùa là gì?

Hoạt động 2: Tìm hiểu về các mùa nơi bạn Hà sống

*** Mục tiêu**

Sử dụng kĩ năng quan sát các tranh, trình bày được về sự khác nhau về cảnh vật và thời tiết của bốn mùa nơi bạn Hà sống. Kể được tên các mùa và nêu được đặc điểm của bốn mùa.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm 4

HS quan sát các hình 1 – 4 ở trang 111 SGK để nhận xét sự khác nhau về cảnh vật và thời tiết.

Gợi ý: GV tùy vào trình độ của HS có thể gợi ý hoặc đặt những yêu cầu phù hợp để HS có thể nhận xét được như:

+ Hãy nhận xét sự khác nhau về cây cối (màu sắc của lá, cành, hoa có trong mỗi hình).

+ Hãy nhận xét về quần áo của mọi người trong mỗi hình, từ đó suy ra thời tiết trong mỗi hình.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.

– HS khác bổ sung và nhận xét phần trình bày của các bạn.

Gợi ý:

Sự khác nhau về cây cối:

+ Hình 1: Trên cây có các búp lá mới mọc (còn gọi là chồi non), cô gái cầm cành hoa đào.

+ Hình 2: Cây cối xanh tốt, có hoa phượng.

+ Hình 3: Lá cây bị vàng, nhiều lá vàng rụng trên đường.

+ Hình 4: Cây trụi lá.

Sự khác nhau về thời tiết:

+ Hình 1: Trời không có nắng, trời hơi lạnh (thể hiện qua người mặc áo khoác mỏng).

+ Hình 2: Trời nắng, nóng (thể hiện qua người mặc áo cộc tay).

+ Hình 3: Thời tiết hơi lạnh (người mặc áo khoác mỏng, áo dài tay).

+ Hình 4: Trời rét (các bạn mặc áo khoác dày, đội mũ len).

Bước 3: Làm việc cả lớp

– GV cho hai HS từng người đọc lời giới thiệu của bạn Hà trước lớp và lời kết luận của con ong về đặc điểm của bốn mùa nơi bạn Hà đang sống.

– GV có thể đặt câu hỏi hoặc cho HS làm câu 1, 2 bài 19 VBT để HS khắc sâu kiến thức:

+ Nơi bạn Hà sống có mấy mùa, là những mùa nào?

+ Hình nào ứng với mùa xuân, hè, thu, đông? Đặc điểm của mỗi mùa là gì?

– GV có thể đặt thêm câu hỏi để khai thác kiến thức thực tế về mùa của HS như:

+ Các em có biết tết Nguyên đán vào mùa nào không?

+ Đi chơi Tết với gia đình, em thường thấy thời tiết thường như thế nào? Mùa xuân thường mưa to hay mưa nhỏ và có tên gọi là gì? (mưa phùn)

GV cho HS làm câu 4 của bài 19 VBT để nhấn mạnh thời tiết chủ đạo của các mùa.

– GV kết luận: Ở Việt Nam, có nơi có hai mùa, có nơi có bốn mùa diễn ra trong năm. Mỗi mùa có những đặc điểm khác nhau về thời tiết. Do những đặc điểm này mà cảnh vật mỗi mùa khác nhau và con người có những hoạt động thích ứng với mỗi mùa.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 3: Giới thiệu các mùa nơi em sống

* Mục tiêu

– Giới thiệu được tên các mùa nơi mình sống.

– Nêu được đặc điểm, cảnh vật của mỗi mùa đó; những hoạt động nổi bật của người dân trong mỗi mùa.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc nhóm 8

Một HS đặt câu hỏi về các mùa, các HS khác trả lời.

Gợi ý:

– Nơi bạn sống có mấy mùa, là những mùa nào?

– Mỗi mùa đó có đặc điểm gì?

– Có những hoạt động nào nổi bật trong mỗi mùa?

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.

– HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.

– GV tùy vào trình độ của HS có thể gợi ý thêm về những hoạt động nổi bật của người dân trong vùng.

Hoạt động 4: Chơi trò chơi “Đoán mùa”

*** Mục tiêu**

- Đặt được câu hỏi và trả lời được về hoa, quả, cảnh vật, thời tiết trong mỗi mùa và các hoạt động thích ứng của con người với mỗi mùa.
- Phát triển kĩ năng đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.

*** Cách tiến hành**

– HS được chia thành các nhóm (5 – 6 HS), mỗi nhóm được phát các bức tranh mà GV đã chuẩn bị về một số loài hoa, quả, phong cảnh và các hoạt động của con người. GV dùng một số tranh gợi ý trong SGK hoặc có thể sưu tầm thêm các tranh về hoa, quả, phong cảnh đặc trưng cho mùa; các lễ hội, những hoạt động nổi bật ở địa phương trong các mùa khác nhau.

– HS lần lượt từng em, dựa vào mỗi hình, đặt câu hỏi liên quan đến mùa, các bạn khác trả lời (một hình có thể đặt nhiều câu hỏi khác nhau). Đảm bảo em nào cũng được đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của bạn.

Gợi ý:

+ Hình 1: Đây là quang cảnh vào dịp nào? Vào mùa nào? (Chợ hoa ngày tết vào mùa xuân).

+ Hình 2: Đây là món ăn gì? Nó có ở mùa nào? (Cốm non có ở mùa thu).

+ Hình 3: Đây là hoạt động gì? Hoạt động này diễn ra vào mùa nào? (Thu hoạch cà phê, hoạt động này được diễn ra vào mùa khô).

+ Hình 4: Lễ Khai giảng được tổ chức vào mùa nào? (Mùa thu).

+ Hình 5: Mọi người đang làm gì? Quang cảnh này diễn ra vào dịp nào? Vào mùa nào trong năm? (Mọi người trong gia đình đang gói bánh chưng. Quang cảnh này diễn ra vào dịp tết Nguyên đán, vào mùa xuân).

+ Hình 6: Hình này diễn tả hoạt động gì? Vào mùa nào? (Đi tắm biển vào mùa hè).

+ Hình 7: Hoa này là hoa gì? Mùa nào có hoa này? (Hoa diên điển nở vào mùa mưa).

+ Hình 8: Quả vải có ở mùa nào? (Quả vải có ở mùa hè).

+ Hình 9: Người đàn ông đang làm gì? Vào mùa nào? (Người đàn ông đang che chắn cho bò trong mùa đông giá rét).

+ Hình 10: Hình này mô tả điều gì? Nó xảy ra vào mùa nào? (Cảnh tuyết rơi trên núi cao vào mùa đông).

– GV cũng có thể cho HS làm câu 5 Bài 19 VBT.

2. Trang phục phù hợp theo mùa

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 5: Lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa

* Mục tiêu

Lựa chọn được trang phục phù hợp theo mùa.

* Cách tiến hành

GV giao nhiệm vụ: Hãy chọn trang phục trong các hình trang 114 SGK phù hợp với các mùa khác nhau. GV phát Phiếu học tập cho mỗi nhóm.

PHIẾU HỌC TẬP					
Nhóm:					
MÙA XUÂN	MÙA HÈ	MÙA THU	MÙA ĐÔNG	MÙA KHÔ	MÙA MƯA
Hình số:	Hình số:	Hình số:	Hình số:	Hình số:	Hình số:

Bước 1: Làm việc nhóm 4

Nhóm cử một bạn ghi chép, các bạn khác sau khi trao đổi, đọc cho bạn ghi số hình vào ô trống tương ứng.

Lưu ý: Một hình có thể xếp vào nhiều mùa.

Bước 2: Làm việc cả lớp

– Đại diện một số nhóm trình bày Phiếu học tập trước lớp.

– HS khác nhận xét, bổ sung, sửa chữa nếu sai.

GV cũng có thể cho HS làm câu 10 Bài 19 VBT.

Hoạt động 6: Nhận xét việc lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa của em.

Vì sao phải lựa trang phục theo mùa?

* Mục tiêu

– Nhận xét được việc lựa chọn trang phục của bản thân đã phù hợp với mùa chưa? Có gì phải điều chỉnh không?

– Trả lời được câu hỏi: “Vì sao phải lựa chọn trang phục theo mùa?”

Bước 1: Làm việc cả lớp

– GV gọi HS lên bảng nhận xét việc mình đã lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa chưa.

Gợi ý:

- + Mùa hè nắng nóng nhưng mình hay quên mang mũ.
- + Mình không thích đội mũ len hay quàng khăn vào mùa đông.
- + Mình thường xuyên dậy muộn, không có nhiều thời gian lựa chọn trang phục, vì vậy có hôm không mặc đủ ấm nên bị ho.

– HS khác nhận xét: Bạn đã lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa chưa; có cần phải thay đổi thói quen nào không. Nêu cách khắc phục.

Đa phần những HS lựa chọn trang phục chưa phù hợp là do:

- + Không nghe dự báo thời tiết, nhất là những ngày giao mùa. Cách khắc phục: Nghe bản dự báo thời tiết trên ti vi hoặc trên đài phát thanh.
- + Ngủ dậy muộn nên không có thời gian lựa chọn trang phục phù hợp. Cách khắc phục: Chuẩn bị trang phục từ tối hôm trước.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- HS đọc mục “Em có biết?” trang 115 SGK và lời nhắn nhủ của con ong để trả lời câu hỏi vì sao cần lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa.
- GV cho HS liên hệ bản thân xem đã bao giờ em bị ốm do lựa chọn trang phục không phù hợp chưa.

Hoạt động 7: Xử lý tình huống: Giúp bạn An lựa chọn trang phục phù hợp để đi chơi Hà Nội vào dịp tết Nguyên Đán

*** Mục tiêu**

HS liên hệ được tết Nguyên Đán là vào dịp tháng mấy và vào mùa nào ở Hà Nội. Từ đó giúp bạn An lựa chọn được trang phục phù hợp.

Bước 1: Làm việc cả lớp

- GV đặt câu hỏi cho HS.

Gợi ý:

- + Tết Nguyên đán vào tháng nào? Mùa nào ở Hà Nội? (vào khoảng từ cuối tháng 1 đến tháng 2 dương lịch, vào mùa xuân).
- + Bạn An nên chuẩn những trang phục nào? (khăn, mũ, áo len, áo khoác dày, tất len, giày, quần dài; ô).
- HS phát biểu, các bạn khác nhận xét.

Bước 2: Đóng vai xử lý tình huống

Từng cặp HS: Một bạn đóng vai bạn An hỏi: “Mình nên mang những trang phục nào nhỉ?”; một bạn trả lời: “Bạn nên mang ... vì ở Hà Nội, tết Nguyên đán

mới chuyển từ mùa đông sang mùa xuân nên trời còn lạnh lắm và có thể có mưa phùn”.

IV. TỰ ĐÁNH GIÁ

Đánh giá kiến thức và kỹ năng: GV có thể sử dụng kết quả HS làm bài tập của Bài 19 VBT để đánh giá kết quả học tập của HS.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1, 2: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 3.

Tiết 3: Hoạt động 4.

Tiết 4: Từ Hoạt động 5 đến hết Hoạt động 7.

Bài 20. MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG THIÊN TAI (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nhận biết và mô tả được một số hiện tượng thiên tai thường gặp.
- Nêu được một số rủi ro dẫn đến các thiệt hại về tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Biết cách quan sát, đặt câu hỏi và mô tả, nhận xét được về hiện tượng thiên tai khi quan sát tranh ảnh, video hoặc quan sát thực tế.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

- Đưa ra được một số ví dụ về thiệt hại tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra.
- Có ý thức quan tâm, tìm hiểu hiện tượng thiên tai.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.

- Một số tranh ảnh hoặc video clip về hiện tượng thiên tai.
- Các bộ thẻ chữ/hình.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát hình trang 116 SGK, trả lời câu hỏi: Nói về các việc làm trong hình. Vì sao phải làm như vậy?
- GV yêu cầu một số HS nêu ý kiến: Dựa vào kinh nghiệm, các em có thể nêu được: GV và HS đang dọn dẹp sau lụt để vệ sinh trường, lớp.
- GV đặt vấn đề: Vậy các thiên tai có thể gây ra tác hại gì? Trong bài này chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

1. Một số hiện tượng thiên tai

Hoạt động 1: Quan sát và mô tả một số hiện tượng thiên tai

* Mục tiêu

Biết cách quan sát, đặt câu hỏi, mô tả và nhận xét được về hiện tượng thiên tai khi quan sát tranh ảnh, video hoặc quan sát thực tế.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

- HS quan sát các hình trang 116 và 117 SGK, mô tả mỗi hiện tượng thiên tai trong các hình, nói với bạn về điều em quan sát được.
- Ngoài các hiện tượng thiên tai nói trên, em còn biết hiện tượng thiên tai nào khác? Hãy mô tả ngắn gọn về hiện tượng thiên tai này.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- GV yêu cầu một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp.
- GV có thể giải thích thêm cho các em về các hiện tượng thiên tai.

2. Rủi ro thiên tai

Hoạt động 2: Thực hành thu thập và trình bày thông tin về thiệt hại do thiên tai gây ra

* Mục tiêu

Nêu được một số thiệt hại về tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm

- HS đọc và làm thực hành theo chỉ dẫn trang 118 SGK.
- Trình bày sản phẩm của mình trong nhóm. GV hướng dẫn các em biết cách trình bày sao cho khoa học (chẳng hạn trình bày theo loại thiên tai,...) và thẩm mỹ.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm báo cáo trước lớp về kết quả thu được.
- GV hướng dẫn các nhóm nêu câu hỏi để làm rõ thêm các thông tin mà nhóm bạn trình bày; khuyến khích các em tìm/bổ sung thêm các thông tin về thiệt hại do thiên tai gây ra ở địa phương.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 3: Thực hành xác định một số rủi ro thiên tai

*** Mục tiêu**

- Nêu được một số rủi ro thiên tai (thiệt hại về tính mạng con người và tài sản mà một số thiên tai có thể gây ra).
- Có ý thức quan tâm, tìm hiểu hiện tượng thiên tai, rủi ro thiên tai.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm

HS trao đổi với các bạn về rủi ro thiên tai và hoàn thành Phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm:

Hiện tượng thiên tai	Một số rủi ro thiên tai về		
	Sức khỏe và tính mạng con người	Tài sản	Môi trường
Hạn hán	Thiếu nước sinh hoạt dẫn đến bệnh tật	?	?
?	?	?	?

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Các nhóm chia sẻ với các bạn về kết quả thu được.
- GV hướng dẫn các nhóm nêu câu hỏi để làm rõ thêm các thông tin mà nhóm bạn trình bày; khuyến khích các em nêu/phân tích được lí do vì sao lại có thể có

những rủi ro thiên tai như vậy (từ biểu hiện của thiên tai để suy luận các rủi ro mà thiên tai có thể mang lại).

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin cốt lõi của bài ở trang 119 SGK.

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong mục “Em có biết?”, giải thích thêm cho các em về hiện tượng sóng thần. GV cũng giúp HS nhận biết được các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra ở nhiều nơi khác trên thế giới.

Hoạt động 4: Chơi trò chơi “Nói về một hiện tượng thiên tai”

*** Mục tiêu**

Củng cố hiểu biết về rủi ro thiên tai.

*** Cách tiến hành**

– HS xung phong tham gia chơi, chia làm hai đội (mỗi đội 4 – 6 bạn).

– GV viết tên hiện tượng thiên tai trên bảng và chia bảng làm hai cột (để hai đội ghi). Các bạn ở mỗi đội luân phiên lên ghi về biểu hiện hoặc rủi ro ứng với thiên tai đó vào cột tương ứng. Sau thời gian chơi, đội nào ghi được nhiều ý đúng hơn là thắng cuộc. Các bạn ở dưới lớp sẽ tham gia nhận xét về kết quả thực hiện của hai đội.

– Sau đó, GV có thể cho các cặp của đội khác chơi với chủ đề là một hiện tượng thiên tai khác.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể đánh giá các kĩ năng thuộc năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh (như quan sát, thu thập thông tin, rút ra nhận xét,...) thông qua các Hoạt động 1, 2; đánh giá nhận thức và việc vận dụng kiến thức đã học qua các Hoạt động 3, 4 và sử dụng các câu hỏi trong VBT.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 2.

Tiết 2: Từ Hoạt động 3 đến hết Hoạt động 4.

Bài 21. MỘT SỐ CÁCH ỨNG PHÓ, GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

- Nêu được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.
- Nêu được một số việc làm để thực hiện phòng tránh rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Biết cách quan sát, đặt câu hỏi và mô tả, nhận xét được về cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai khi quan sát tranh ảnh, video hoặc quan sát thực tế.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

- Luyện tập được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương.
- Có ý thức thực hiện phòng tránh rủi ro thiên tai và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.
- Có ý thức quan tâm, tìm hiểu hiện tượng thiên tai.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.
- Một số tranh ảnh hoặc video clip về tác hại do thiên tai gây ra và cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai (để trình bày chung cả lớp).
- Các bộ thẻ chữ/hình để hoạt động nhóm.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát hình, trả lời câu hỏi: Những người trong hình đang làm gì? Vì sao cần phải làm như vậy?
- GV yêu cầu một số HS nêu ý kiến:

Dựa vào kinh nghiệm, các em có thể nêu được: Những người công nhân đang cắt cành cây. Cắt cành cây để phòng chống bão, để cây khỏi bị gãy đổ, gây tai nạn khi có bão,...

– GV đặt vấn đề: Chúng ta biết ngoài bão còn có những thiên tai khác như hạn hán, lũ lụt,... và các thiên tai có thể gây ra tác hại. Vậy làm thế nào để giảm nhẹ những tác hại mà thiên tai gây ra? Trong bài này chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

1. Một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Quan sát những việc làm để ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai

* Mục tiêu

- Nêu được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.
- Biết cách quan sát, đặt câu hỏi, mô tả, nhận xét được về cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

* Cách tiến hành

Bước 1: Làm việc theo cặp

- HS quan sát các hình trang 121 SGK và nói với nhau về câu trả lời cho các câu hỏi:

- + Trong các hình đó, việc làm nào được thực hiện trước, trong và sau khi bão?
- + Nêu ích lợi của mỗi việc làm đó.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- GV yêu cầu một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp.
- GV có thể giải thích thêm cho các em ý nghĩa của một số việc làm.

Lưu ý: Việc theo dõi dự báo thời tiết được thực hiện cả trước, trong và sau bão.

Gợi ý: Việc làm trước bão: hình 1, 2, 6.

Việc làm trong bão: hình 1, 4, 5.

Việc làm sau bão: hình 3.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hoạt động 2: Liên hệ thực tế về các việc cần làm để ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai

* Mục tiêu

Liên hệ thực tế về các biện pháp ứng phó, giảm nhẹ thiệt hại do bão gây ra.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc theo cặp

- Từng cặp HS đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi:
- + Em còn biết việc cần làm nào khác để ứng phó, giảm nhẹ rủi ro do bão gây ra?
- + Nếu địa phương em có bão, em cần làm gì để giữ an toàn cho bản thân và giúp đỡ gia đình?

Bước 2: Làm việc cả lớp

GV yêu cầu một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3: Chơi trò chơi “Ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai”

*** Mục tiêu**

Nhận biết một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro do lụt, hạn hán, giông sét gây ra.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm

- Trước khi ra chơi giáo viên lưu ý các em: một loại thẻ (các thẻ có cùng nội dung) có thể xếp vào các vị trí ứng với các loại thiên tai khác nhau nếu thấy phù hợp.
- HS làm việc theo nhóm, quan sát và sắp xếp các thẻ chữ vào bảng cho phù hợp với từng loại thiên tai.
- Các nhóm dán kết quả làm việc của nhóm lên trên bảng hoặc nộp kết quả thực hiện.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Cả lớp cùng nhận xét kết quả của các nhóm. Nhóm nào đúng và nhanh hơn là thắng cuộc (xem gợi ý câu trả lời ở Phụ lục).
- GV có thể hỏi thêm về lí do các em sắp xếp như vậy.
- GV có thể mở rộng thêm về một số cách khác ứng phó với lũ lụt, hạn hán, giông sét.

Ví dụ: Trong cơn giông, nếu đang ở ngoài trời và không tìm được chỗ trú ẩn an toàn, để tránh bị sét đánh, cần nhớ: Tuyệt đối không trú mưa dưới tán cây, tránh xa các khu vực cao hơn xung quanh, tránh xa các vật dụng kim loại như xe đạp, cày, cuốc, máy móc, hàng rào sắt,... Nên tìm chỗ khô ráo; Người ở vị trí càng thấp càng tốt, cúi ngòì xuống, lấy tay che tai, ngòì sao cho phần tiếp xúc của người với mặt đất là ít, không được nằm xuống đất hoặc đặt hai tay lên đất (xem cụ thể ở cuối Hoạt động 5);...

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

2. Một số việc làm của em để phòng tránh rủi ro thiên tai

Hoạt động 4: Liên hệ thực tế về các việc làm của em để phòng tránh rủi ro thiên tai

* Mục tiêu

Liên hệ được với thực tế bản thân và gia đình về các biện pháp ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

* Cách tiến hành

- GV nêu các câu hỏi trang 123 SGK: Những hiện tượng thiên tai nào thường xảy ra ở địa phương em? Em và gia đình đã làm gì để phòng tránh rủi ro thiên tai đó?
- HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi.

Hoạt động 5: Thực hành xử lý một số tình huống ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai khi ở trường

* Mục tiêu

- Thực hành luyện tập được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương.
- Bình tĩnh, có ý thức thực hiện theo các hướng dẫn an toàn và các quy định chung.

* Cách tiến hành

Tuỳ vào thực tế địa phương, GV có thể chọn một hoặc một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương để cho HS luyện tập (sao cho thiết thực với HS và phù hợp với điều kiện tổ chức học tập). Ví dụ:

1. Luyện tập ứng phó trong tình huống gió mạnh (lúc giông bão) khi ở ngoài trời

- GV nêu tình huống: Khi đang ở sân trường thì gió bất ngờ thổi mạnh làm cây cối nghiêng ngả và bụi bay khắp nơi. Em và các bạn sẽ làm gì?
- GV hướng dẫn HS xác định một số địa điểm thực tế gần sân trường, chẳng hạn cây to, nhà để xe mái tôn hoặc không chắc chắn, các dãy nhà có phòng học kiên cố (có dãy nhà gần nơi em đang đứng, có dãy nhà xa nơi em đứng).
- Sau đó luyện tập xử lý tình huống: GV có thể cho một số HS cầm biển (ghi vào tờ A4) một số địa điểm nói trên, một HS đóng vai xử lý tình huống đứng ở một vị trí nào đó ở sân trường. Khi GV hô “gió mạnh”, HS này sẽ di chuyển nhanh nhất đến dãy nhà kiên cố (tránh trú dưới cây, dưới nhà không chắc chắn; tránh di chuyển gần nơi có thể bị cành cây, mái tôn gãy đổ rơi vào). Có thể cho một số HS luyện tập (với các vị trí ban đầu trên sân khác nhau).

GV cũng có thể vẽ sơ đồ đơn giản trong đó đánh dấu, ghi tên các địa điểm nói trên lên bảng; HS sẽ lên thực hành, nói về đường di chuyển của mình.

2. Luyện tập ứng phó trong tình huống mưa to, sấm chớp khi đang ở trong lớp

– GV nêu tình huống: Khi các em đang ở trong lớp thì có mưa to, gió mạnh, sấm sét. Các em cần làm gì trong tình huống này?

– HS sẽ nêu các ý kiến khác nhau.

– GV hướng dẫn các em quan sát cụ thể thực tế phòng học, giúp các em nhận ra có những rủi ro gì có thể xảy ra khi mưa to, gió mạnh, sấm sét. Chẳng hạn, cửa va đập vào người; cửa kính bị vỡ; mưa hắt vào ướt người, sách vở; đứng gần ổ điện có thể nguy hiểm,... Từ đó xác định các việc cần làm (như đóng chặt các cửa; tránh xa, không đứng gần các cửa, ổ, đường dây điện,...). Sau đó, GV có thể cho một số HS thực hành làm các việc phù hợp.

Gợi ý: Nơi dễ xảy ra rủi ro do sét đánh khi ở ngoài trời, GV có thể hướng dẫn cho HS tư thế phòng tránh sét như hình sau:



Tư thế phòng tránh sét khi ở ngoài trời.

Lưu ý: Việc luyện tập cần cẩn thận để HS thực hiện được đúng tư thế, có thể không chỉ thực hiện trong phạm vi hoạt động của bài học này mà cả trong thời gian khác (chẳng hạn ở hoạt động trải nghiệm, ...).

Hoạt động 6: Thực hành xử lý được một số tình huống ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở địa phương

* Mục tiêu

– Vận dụng được kiến thức đã học về cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai để xử lý tình huống.

– Thực hành luyện tập được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm

- Mỗi nhóm lựa chọn tình huống (GV và HS có thể đưa ra các tình huống khác mà thường xảy ra ở địa phương).
- HS trao đổi trong nhóm về cách xử lý tình huống và cách thể hiện khi đóng vai.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện nhóm trình bày trước lớp về việc xử lý tình huống của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét việc thực hiện của các nhóm.

Hoạt động 7: Thực hành viết hoặc vẽ về một số việc cần làm để phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai

*** Mục tiêu**

Thực hành vận dụng được kiến thức phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai để viết, vẽ tranh và giới thiệu cho người khác.

*** Cách tiến hành**

- HS lựa chọn chủ đề để viết, vẽ.
- HS giới thiệu với các bạn trong nhóm về bài viết, bức tranh của mình, trong đó nêu lí do em lựa chọn vấn đề này.
- GV có thể cho một số HS giới thiệu sản phẩm trước lớp.
- GV cho HS tự đọc phần kiến thức chủ chốt trong SGK trang 163, sau đó có thể cho một số em nhắc lại.
- GV nhấn mạnh thêm, khi có thiên tai, đặc biệt cần nhất là đảm bảo an toàn cho bản thân và những người khác.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể đánh giá các kĩ năng thuộc năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh (như quan sát, thu thập thông tin, rút ra nhận xét,...) thông qua các Hoạt động 1, 3, 6; đánh giá nhận thức và việc vận dụng kiến thức đã học qua các Hoạt động 2, 4, 5, 6, 7 và sử dụng các câu hỏi trong VBT.

PHỤ LỤC

Thiên tai	Cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro
Lũ lụt	Các thẻ 3, 5, 6, 7
Hạn hán	Các thẻ 6, 7
Giông sét	Các thẻ 1, 2, 4

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Từ Mở đầu đến hết Hoạt động 3.

Tiết 2: Từ Hoạt động 4 đến hết Hoạt động 5.

Tiết 3: Từ Hoạt động 6 đến hết Hoạt động 7.

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS đạt được:

** Về nhận thức khoa học:*

Hệ thống được những kiến thức đã học về chủ đề Trái Đất và bầu trời.

** Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:*

Trình bày được tên các mùa, đặc điểm của từng mùa và các trang phục phù hợp.

** Về vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*

Hiểu được tại sao phải lựa chọn trang phục phù hợp với mỗi mùa, đặc biệt là thời gian giao mùa, từ đó hình thành thói quen nghe thời tiết để sử dụng trang phục phù hợp. Có ý thức quan tâm, tìm hiểu hiện tượng thiên tai.

II. ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Các hình trong SGK.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Em đã học được gì về chủ đề Trái Đất và bầu trời?

Hoạt động 1: Giới thiệu về các mùa và một số hiện tượng thiên tai

** Mục tiêu*

Hệ thống lại những kiến thức đã học về các mùa và cách lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa.

Bước 1: Làm việc theo nhóm

- HS chia thành 6 nhóm: Nhóm chẵn làm tổng kết phần các mùa trong năm, nhóm lẻ làm phần các hiện tượng thiên tai.
- GV yêu cầu mỗi nhóm thực hiện theo mẫu bảng và sơ đồ gợi ý ở trang 125 SGK.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- HS mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày, HS nhóm khác nhận xét.
- GV có thể kiểm tra lại kiến thức của chủ đề đối với một số HS yếu hơn hoặc làm việc chưa tích cực bằng cách gọi những HS đó lên trình bày trước lớp.
- GV chọn hai kết quả tốt nhất của hai nhóm để tổng kết về các mùa và những hiện tượng thiên tai.

2. Xử lý tình huống

Hoạt động 2: Đóng vai xử lý tình huống

*** Mục tiêu**

Thực hành, vận dụng kiến thức về việc nên làm và không nên làm nhằm ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào xử lý tình huống.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Làm việc nhóm

- Nhóm lẻ: Từng cá nhân đọc tình huống 1 ở trang 126 SGK, nhóm thảo luận tìm cách xử lý tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lý của nhóm.
- Nhóm chẵn: Từng cá nhân đọc tình huống 2 ở trang 126 SGK, nhóm thảo luận tìm cách xử lý tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lý của nhóm.

Bước 2: Làm việc cả lớp

- Đại diện nhóm lẻ và nhóm chẵn lên bảng đóng vai thể hiện cách xử lý tình huống.
- HS khác/GV nhận xét, hoàn thiện cách xử lý tình huống của từng nhóm.

IV. ĐÁNH GIÁ

GV có thể sử dụng các câu hỏi của bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Trái Đất và bầu trời trong VBT để đánh giá kết quả học tập chủ đề này của HS.

Gợi ý phân bổ thời lượng:

Tiết 1: Hoạt động 1.

Tiết 2: Hoạt động 2.

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu	3
--------------------------	---

Phần một

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2018	4
II. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH GIÁO VIÊN VÀ VỞ BÀI TẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2	13

Phần hai

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

Chủ đề 1. GIA ĐÌNH	19
<i>Bài 1. Các thế hệ trong gia đình</i>	21
<i>Bài 2. Nghề nghiệp</i>	26
<i>Bài 3. Phòng tránh ngộ độc khi ở nhà</i>	31
<i>Bài 4. Giữ vệ sinh nhà ở</i>	35
Ôn tập và đánh giá chủ đề <i>Gia đình</i>	39
Chủ đề 2. TRƯỜNG HỌC	42
<i>Bài 5. Một số sự kiện ở trường học</i>	44
<i>Bài 6. Giữ vệ sinh trường học</i>	52
<i>Bài 7. An toàn khi ở trường</i>	55
Ôn tập và đánh giá chủ đề <i>Trường học</i>	60

Chủ đề 3. CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	64
<i>Bài 8. Đường và phương tiện giao thông</i>	66
<i>Bài 9. An toàn khi đi trên phương tiện giao thông</i>	71
<i>Bài 10. Mua, bán hàng hoá</i>	76
Ôn tập và đánh giá chủ đề <i>Cộng đồng địa phương</i>	82
Chủ đề 4. THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	85
<i>Bài 11. Môi trường sống của thực vật và động vật</i>	87
<i>Bài 12. Bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật</i>	99
<i>Bài 13. Thực hành: Tìm hiểu môi trường sống của thực vật và động vật</i>	110
Ôn tập và đánh giá chủ đề <i>Thực vật và động vật</i>	115
Chủ đề 5. CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	118
<i>Bài 14. Cơ quan vận động</i>	120
<i>Bài 15. Phòng tránh cong vẹo cột sống</i>	125
<i>Bài 16. Cơ quan hô hấp</i>	129
<i>Bài 17. Bảo vệ cơ quan hô hấp</i>	134
<i>Bài 18. Cơ quan bài tiết nước tiểu. Phòng tránh bệnh sỏi thận</i>	139
Ôn tập và đánh giá chủ đề <i>Con người và sức khoẻ</i>	142
Chủ đề 6. TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI	145
<i>Bài 19. Các mùa trong năm</i>	147
<i>Bài 20. Một số hiện tượng thiên tai</i>	154
<i>Bài 21. Một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai</i>	158
Ôn tập và đánh giá chủ đề <i>Trái Đất và bầu trời</i>	164

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thuỷ, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735

Email: nxb@hnue.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Biên tập viên:

HÀ PHƯƠNG ANH – NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO

Sửa bản in:

NGUYỄN KIM DUNG

Thiết kế sách:

TRẦN ĐÌNH HOÀNG

Trình bày bìa:

TRẦN TIỂU LÂM

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2 – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:

ISBN:

In 000 cuốn, khổ 17 × 24, tại Công ty Cổ phần in Tổng hợp Cần Thơ

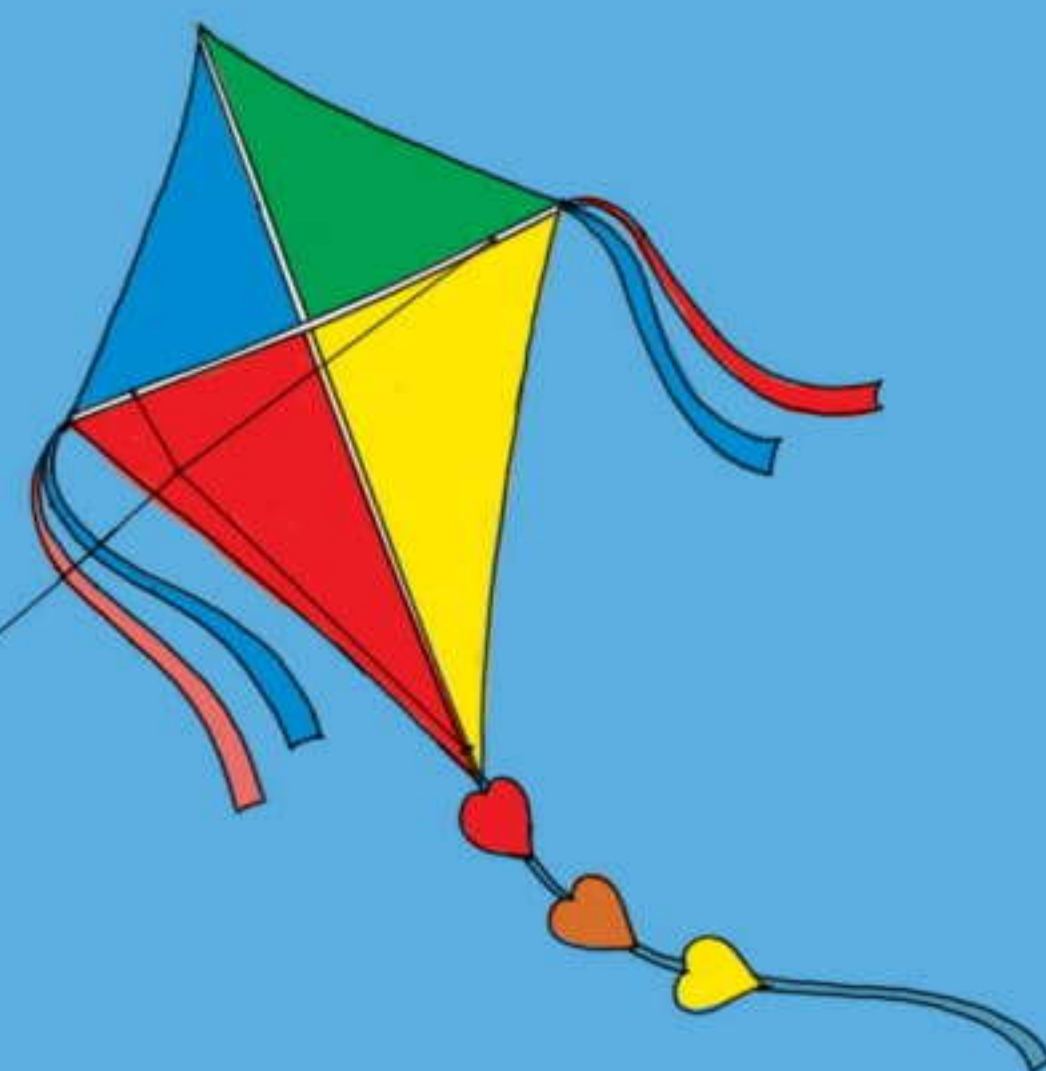
Địa chỉ: 500, đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2021.

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2 **Cánh Diều**

1. Tiếng Việt 2 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 2 (Tập một, Tập hai)
3. Đạo đức 2
4. Tự nhiên và Xã hội 2
5. Giáo dục thể chất 2
6. Âm nhạc 2
7. Mỹ thuật 2
8. Hoạt động trải nghiệm 2
9. Tiếng Anh 2 Explore Our World

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 2 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



TEM CHỐNG GIẢ

Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập
trang web: <https://canhdiều.monkey.edu.vn>

ISBN 978-604-54-8095-3



9 786045 480953